Đại học Bách Khoa TP.HCM

Thời khóa biểu Học Kỳ 2 - Năm học 15-16

Ngày bắt đầu học kỳ: 11/01/16 (tuần 03)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567… (trong lịch học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 03). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 13, 23 của học kỳ

Thứ	Cán Bộ GD	MSMH	Tên môn học	Tiết	Nhóm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	Phòng	Lịch học (tuần)																												Ngôn ngữ
																							1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4		
2	Trương	260603	Cơ kỹ thuật	2	C03	1	2															502C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Việt	260603	Cơ kỹ thuật	2	C01			3	4													404C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Việt	260603	Cơ kỹ thuật	2	C02					5	6											302C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Phương	260605	Sức bền vật liệu	3	C04	1	2	3														303B4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Diễm	260614	Tổ chức Qlý bảo dưỡng 2	3	C04										0	1	2					504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Diễm	260616	Trang bị điện trong CN 2	3	C02	1	2	3														302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Trí	260616	Trang bị điện trong CN 2	3	C03										0	1	2					303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Truyền	260618	Truyền động thủy lực 1	3	C02							7	8	9								302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Truyền	260618	Truyền động thủy lực 1	3	C01										0	1	2					301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Ngọc	260619	Kỹ thuật điện tử	3	C02										0	1	2					302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Duy	260620	Lập trình PLC	3	C04	1	2	3														211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Tiễn	260620	Lập trình PLC	3	C03				4	5	6											302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Thiện	260622	Truyền động khí nén 2	3	C05	1	2	3														XKNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Thiện	260622	Truyền động khí nén 2	3	C08				4	5	6											XKNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Tiễn	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt	3	C01	1	2	3														XCKIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Bình	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt	3	C04							7	8	9								XCKIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Duy	260645	Lập trình PLC (bt)	3	C01				4	5	6											PTNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trương	260645	Lập trình PLC (bt)	3	C05							7	8	9								PTNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Quang	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)	3	C05				4	5	6											XHAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Quang	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)	3	C01							7	8	9								XHAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Truyền	260649	Truyền động thủy lực1(bt	3	C05	1	2	3														XTLIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thiện	260649	Truyền động thủy lực1(bt	3	C08							7	8	9								XTLIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Diễm	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt	3	C02				4	5	6											XDDIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trí	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt	3	C07							7	8	9								XDDIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01	1	2	3	4	5	6											TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
2		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01							7	8	9	0	1	2					TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
3	Diễm	260604	Kỹ thuật điện	3	C02	1	2	3														301B10								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Duy	260605	Sức bền vật liệu	3	C01	1	2	3														211B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thiện	260614	Tổ chức Qlý bảo dưỡng 2	3	C03				4	5	6											303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Dân	260615	Công nghệ hàn 1	3	C03	1	2	3														303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Trí	260616	Trang bị điện trong CN 2	3	C04				4	5	6											504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Tiễn	260617	Công nghệ chế tạo máy	3	C04							7	8	9								504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Bình	260617	Công nghệ chế tạo máy	3	C02										0	1	2					302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Ngọc	260619	Kỹ thuật điện tử	3	C01				4	5	6											302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trương	260620	Lập trình PLC	3	C01										0	1	2					301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Thống	260621	Công nghệ lạnh-điều hòa1	3	C01							7	8	9								301B4	1	2	3			6	7																		

3	Phú	260621	Công nghệ lạnh-điều hòa1	3	C04									0	1	2					211B1	1	2	3			6	7																	
3	Bình	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt	3	C06	1	2	3													XCKIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tiễn	260645	Lập trình PLC (bt)	3	C06				4	5	6										PTNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Duy	260645	Lập trình PLC (bt)	3	C02							7	8	9							PTNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thống	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)	3	C05	1	2	3													XLAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thống	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)	3	C07									0	1	2					XLAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Quang	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)	3	C02				4	5	6										XHAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Quang	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)	3	C06							7	8	9							XHAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tiễn	260649	Truyền động thủy lực1(bt	3	C02	1	2	3													XTLIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Ngọc	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)	3	C01	1	2	3													XDTIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Ngọc	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)	3	C03									0	1	2					XDTIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trí	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt	3	C08	1	2	3													XDDIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trí	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt	3	C03							7	8	9							XDDIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01	1	2	3	4	5	6										TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
3		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01							7	8	9	0	1	2				TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
4	Phương	260603	Cơ kỹ thuật	2	C04	1	2														307B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Việt	260603	Cơ kỹ thuật	2	C02			3	4												502C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Việt	260603	Cơ kỹ thuật	2	C01					5	6										302C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Diễm	260604	Kỹ thuật điện	3	C05	1	2	3													404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trí	260604	Kỹ thuật điện	3	C03				4	5	6										302B4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Trí	260604	Kỹ thuật điện	3	C04							7	8	9							301B10								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Trương	260605	Sức bền vật liệu	3	C03	1	2	3													302B4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Tiễn	260617	Công nghệ chế tạo máy	3	C01							7	8	9							301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Trung	260619	Kỹ thuật điện tử	3	C04										0	1	2				302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trương	260620	Lập trình PLC	3	C02										0	1	2				301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Bình	260622	Truyền động khí nén 2	3	C03							7	8	9							XKNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Duy	260624	Quản lý công nghiệp	3	C01							7	8	9							302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Quang	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt	3	C07							7	8	9							XCKIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thống	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)	3	C04							7	8	9							XLAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thống	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)	3	C03										0	1	2				XLAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Việt	260649	Truyền động thủy lực1(bt	3	C03							7	8	9							XTLIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Ngọc	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)	3	C08							7	8	9							XDTIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Ngọc	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)	3	C07										0	1	2				XDTIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trí	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt	3	C05										0	1	2				XDDIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01	1	2	3	4	5	6										TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
4		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01							7	8	9	0	1	2				TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
5	Trương	260603	Cơ kỹ thuật	2	C03	1	2														302C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Phương	260603	Cơ kỹ thuật	2	C04					5	6										502C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Diễm	260604	Kỹ thuật điện	3	C01	1	2	3													504B4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Duy	260605	Sức bền vật liệu	3	C02	1	2	3													401C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Truyền	260614	Tổ chức Qlý bảo dưỡng 2	3	C02							7	8	9							302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Trương	260614	Tổ chức Qlý bảo dưỡng 2	3	C01										0	1	2				301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dân	260615	Công nghệ hàn 1	3	C01				4	5	6										301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
5	Quang	260615	Công nghệ hàn 1	3	C02										0	1	2				302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													

5	Quang	260617	Công nghệ chế tạo máy	3	C03	1	2	3														303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
5	Thiện	260618	Truyền động thủy lực 1	3	C04				4	5	6											303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
5	Thiện	260622	Truyền động khí nén 2	3	C07	1	2	3														XKNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
5	Bình	260622	Truyền động khí nén 2	3	C02							7	8	9								XKNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
5	Bình	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt	3	C02	1	2	3														XCKIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Tiễn	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt	3	C08							7	8	9								XCKIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Tiễn	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt	3	C03										0	1	2					XCKIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Trương	260645	Lập trình PLC (bt)	3	C07				4	5	6											PTNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Duy	260645	Lập trình PLC (bt)	3	C03							7	8	9								PTNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Thống	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)	3	C01	1	2	3														XLAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Thống	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)	3	C06				4	5	6											XLAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Thống	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)	3	C08										0	1	2					XLAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Quang	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)	3	C03				4	5	6											XHAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Quang	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)	3	C07							7	8	9								XHAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Tiễn	260649	Truyền động thủy lực1(bt	3	C06	1	2	3														XTLIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Thiện	260649	Truyền động thủy lực1(bt	3	C04							7	8	9								XTLIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Việt	260649	Truyền động thủy lực1(bt	3	C07										0	1	2					XTLIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Trung	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)	3	C05	1	2	3														XDTIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Ngọc	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)	3	C02				4	5	6											XDTIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Trung	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)	3	C04										0	1	2					XDTIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01	1	2	3	4	5	6											TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4									
5		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01							7	8	9	0	1	2					TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4									
6	Phương	260605	Sức bền vật liệu	3	C05	1	2	3														304C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Dân	260615	Công nghệ hàn 1	3	C04	1	2	3														504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Diễm	260616	Trang bị điện trong CN 2	3	C01										0	1	2					301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Việt	260618	Truyền động thủy lực 1	3	C03										0	1	2					303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Trung	260619	Kỹ thuật điện tử	3	C03							7	8	9								303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Thống	260621	Công nghệ lạnh-điều hòa1	3	C03				4	5	6											303B4	1	2	3			6	7																
6	Thống	260621	Công nghệ lạnh-điều hòa1	3	C02							7	8	9								302B4	1	2	3			6	7																
6	Thiện	260622	Truyền động khí nén 2	3	C06	1	2	3														XKNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Bình	260622	Truyền động khí nén 2	3	C01				4	5	6											XKNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Bình	260622	Truyền động khí nén 2	3	C04										0	1	2					XKNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Tiễn	260644	Công nghệ chế tạo máy(bt	3	C05							7	8	9								XCKIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Trương	260645	Lập trình PLC (bt)	3	C08				4	5	6											PTNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Duy	260645	Lập trình PLC (bt)	3	C04							7	8	9								PTNIUT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Thống	260646	C/lạnh-điều hòa1 (bt)	3	C02	1	2	3														XLAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Quang	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)	3	C04				4	5	6											XHAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Quang	260647	Công nghệ hàn 1 (bt)	3	C08							7	8	9								XHAIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Thiện	260649	Truyền động thủy lực1(bt	3	C01							7	8	9								XTLIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Trung	260651	Kỹ thuật điện tử (bt)	3	C06	1	2	3														XDTIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Diễm	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt	3	C01	1	2	3														XDDIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Trí	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt	3	C06				4	5	6											XDDIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Trí	260652	Tr/bị điện trong CN 2(bt	3	C04										0	1	2					XDDIUT								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01	1	2	3	4	5	6											TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4									

6		260661	Thực tập tốt nghiệp	6	C01							7	8	9	0	1	2					TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4										
		260663	Tiểu luận tốt nghiệp	0	C01																												1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
2	Chí	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	4	A05			3	4	5	6											504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Huy	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A05							7	8	9								104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
2	Thảo	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A04										0	1	2					104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
2	Tuấn	218022	Hệthống sản xuất tự động	3	A01	1	2	3														203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Quân	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	3	A01										0	1	2					PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Tuấn	218031	Tự động hóa sản xuất	4	A01							7	8	9	0							402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hải	218032	Hệ thống PLC	3	A01	1	2	3														303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Quân	218034	Cơ Điện Tử Trong Dệt May	3	A01							7	8	9								602C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Anh	218036	N/môn Hệ thống Đkhiển Hd	3	TNCK				4	5	6											204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Thảo	218037	N/môn thị giác máy tính	3	TNCK	1	2	3														204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hải	218037	N/môn thị giác máy tính	3	A01				4	5	6											203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Rê	218751	Thực tập công nhân	3	P01	1	2	3														502C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hồng	ME2005	Trangbị điện-đtử trg MCN	4	TNCK	1	2	3	4													202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		ME2005	Trangbị điện-đtử trg MCN	4	L02							7	8	9	0							305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L05	1	2	3	4													104AC1		2	3				7		9		1		3		5		7							
2	Công	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L06	1	2	3	4													202C1		2	3				7		9		1		3		5		7							
2	Quân	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L13		2	3	4	5												104CC1		2	3				7		9		1		3		5		7							
2	Công	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L11								8	9	0	1						104CC1		2	3				7		9		1		3		5		7							
2	Hạnh	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L12								8	9	0	1						203C1		2	3				7		9		1		3		5		7							
2	Hạnh	ME2009	Kỹthuật điềukhiển tựđộng	3	L03	1	2	3														305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Bằng	ME2010	Kỹthuật đkhiển tựđộng(tn	5	TNC2		2	3	4	5	6											202C1						6				0				4										
2	Bằng	ME2010	Kỹthuật đkhiển tựđộng(tn	5	L01								8	9	0	1	2					202C1								8				2				6								
2	Hải	ME2010	Kỹthuật đkhiển tựđộng(tn	5	L02								8	9	0	1	2					202C1						6				0				4										
3	Hải	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	4	A01	1	2	3	4													401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Tuấn	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A01	1	2	3														104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
3	Thảo	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A04							7	8	9								104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
3	Thảo	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A03										0	1	2					104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
3	Huy	218022	Hệthống sản xuất tự động	3	TNCK				4	5	6											204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Tiến	218023	Động Lực Học &điều Khiển	2	A01				4	5												303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Chí	218023	Động Lực Học &điều Khiển	2	TNCK							7	8									204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Anh	218024	Trang bị điện & điện tử	3	A01	1	2	3														303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Anh	218024	Trang bị điện & điện tử	3	TNCK									9	0	1						202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Huy	218027	ĐAMH tự động hóa sảnxuất	3	A02							7	8	9								PDAMH1	1	2	3				7	8	9	0	1	2	3	4	5										
3	Huy	218027	ĐAMH tự động hóa sảnxuất	3	A01										0	1	2					502C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Tiến	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	3	TNCK	1	2	3														PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Tùng	218031	Tự động hóa sản xuất	4	A03							7	8	9	0							302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Quân	218704	Các hệ điều khiển 1	3	P01	1	2	3														202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hồng	ME2005	Trangbị điện-đtử trg MCN	4	L05	1	2	3	4													202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hồng	ME2005	Trangbị điện-đtử trg MCN	4	L06							7	8	9	0							208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hạnh	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L10	1	2	3	4													205C1		2	3				7		9		1		3		5		7							
3		ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L01			3	4	5	6											202C1		2	3				7		9		1		3		5		7							
3	Hải	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L16							7	8	9	0							104CC1		2	3				7		9		1		3		5		7							

3		ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L02								9	0	1	2					203C1		2	3				7		9		1		3		5		7								
3	Bằng	ME2010	Kỹthuật đkhiển tựđộng(tn	5	L05		2	3	4	5	6										203C1							8				2				6									
3	Chí	ME2010	Kỹthuật đkhiển tựđộng(tn	5	L06		2	3	4	5	6										202C1						6			0			4												
3	Hạnh	ME2010	Kỹthuật đkhiển tựđộng(tn	5	L03								8	9	0	1	2				202C1							8				2				6									
3	Bằng	ME2010	Kỹthuật đkhiển tựđộng(tn	5	L04								8	9	0	1	2				203C1						6			0			4												
4	Bằng	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	4	A03	1	2	3	4												502C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Công	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	4	TNCK								9	0	1	2					205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Huy	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A05				4	5	6										104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
4	Tuấn	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A01							7	8	9							104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
4	Tiến	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A02										0	1	2				104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
4	Hạnh	218024	Trang bị điện & điện tử	3	A02				4	5	6										303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Thảo	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	3	A04							7	8	9							PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Huy	218031	Tự động hóa sản xuất	4	A02									9	0	1	2				401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Thảo	218033	Robot công nghiệp	3	A01				4	5	6										303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Quân	218705	Các hệ điều khiển 2	2	P01										1	2					202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Rê	218751	Thực tập công nhân	2	P01				4	5											504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Hạnh	ME2005	Trangbị điện-đtử trg MCN	4	L04								9	0	1	2					402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Công	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L18			3	4	5	6										202C1		2	3				7		9		1		3		5		7								
4	Bằng	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L15							7	8	9	0						104CC1		2	3				7		9		1		3		5		7								
4	Hải	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L20									9	0	1	2				202C1		2	3				7		9		1		3		5		7								
4	Hải	ME2009	Kỹthuật điềukhiển tựđộng	3	L01	1	2	3													205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Anh	207704	Bộ chấp hành điện 1	3	P01										0	1	2				202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Anh	207705	Bộ chấp hành điện 2	3	P01				4	5	6										202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Hồng	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	4	A04	1	2	3	4												402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Quân	218001	Kỹ thuật Đ/khiển tự động	4	A02							7	8	9	0						402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Thảo	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A03	1	2	3													104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Huy	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A05				4	5	6										104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Tuấn	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A01							7	8	9							104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Tiến	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A02										0	1	2				104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Chí	218023	Động Lực Học &điều Khiển	2	TNCK		2	3													201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Tiến	218023	Động Lực Học &điều Khiển	2	A01				4	5											303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Công	218026	Vi điều khiển	3	A01							7	8	9							304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Công	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	3	A02	1	2	3													PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Tuấn	218028	ĐAMH tk hệ thống cơ đ/tử	3	A03										0	1	2				PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Tùng	218031	Tự động hóa sản xuất	4	TNCK	1	2	3	4												202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Chí	218036	N/môn Hệ thống Đkhiển Hd	3	A01				4	5	6										309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		218706	Bộ chấp hành thông minh	3	P01	1	2	3													202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		ME2005	Trangbị điện-đtử trg MCN	4	L01								9	0	1	2					211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Quân	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L07	1	2	3	4												205C1		2	3				7		9		1		3		5		7								
5	Hải	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L21		2	3	4	5											203C1		2	3				7		9		1		3		5		7								
5	Chí	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L03									9	0	1	2				202C1		2	3				7		9		1		3		5		7								
5	Hồng	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L14									9	0	1	2				104CC1		2	3				7		9		1		3		5		7								
5	Hải	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L19									9	0	1	2				205C1		2	3				7		9		1		3		5		7								
6	Tiến	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A02	1	2	3													104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								

6	Thảo	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A03							7	8	9								104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
6	Thảo	218002	Ttập điều khiển hệ thống	3	A04										0	1	2					104AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
6	Quân	218014	T/kế hệ thống cơ điện tử	3	A01							7	8	9								402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Tuấn	218032	Hệ thống PLC	3	A02				4	5	6											402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Anh	ME2005	Trangbị điện-đtử trg MCN	4	L03	1	2	3	4													305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Hồng	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	TNC2	1	2	3	4													104CC1		2	3				7		9		1		3		5		7							
6	Hải	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L09		2	3	4	5												202C1		2	3				7		9		1		3		5		7							
6	Anh	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L08							7	8	9	0							203C1		2	3				7		9		1		3		5		7							
6	Hồng	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L17							7	8	9	0							104CC1		2	3				7		9		1		3		5		7							
6	Tuấn	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	L04									9	0	1	2					202C1		2	3				7		9		1		3		5		7							
6	Bằng	ME2009	Kỹthuật điềukhiển tựđộng	3	TNCK				4	5	6											204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Bằng	ME2010	Kỹthuật đkhiển tựđộng(tn	5	TNC1								8	9	0	1	2					202C1								8				2				6								
7	Hạnh	ME2006	Trbị điện-đtử trgMCN (tn	4	TNC1							7	8	9	0							104AC1		2	3				7		9		1		3		5		7							
		218302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		218302	Thực tập tốt nghiệp	0	TNCK																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		218303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
9		218700	Luận văn tốt nghiệp	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9	Bằng	218708	ĐAMH thiết kế kỹ thuật	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		218750	Thực tập tốt nghiệp	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		218752	Thực tập kỹ thuật	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Tuyên	210008	Kỹ thuật cháy	3	A01							7	8	9								304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hiệp	210009	Kỹ thuật lạnh	3	A01										0	1	2					301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Trinh	210011	Kỹ thuật sấy	3	A01	1	2	3														309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hưng	ME2013	Nhiệtđộnglựchọc&tr/nhiệt	3	L04				4	5	6											206H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hưng	ME2013	Nhiệtđộnglựchọc&tr/nhiệt	3	L05										0	1	2					201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L04										0	1	2					B5														4	5	6	7	8							
2	Hạnh	ME2042	Nhiệtđộng&truyềnnhiệt(tn	3	L03	1	2	3														B5														4	5	6	7							
2	Hạnh	ME2042	Nhiệtđộng&truyềnnhiệt(tn	3	L01				4	5	6											B5														4	5	6	7							
2	Hạnh	ME2042	Nhiệtđộng&truyềnnhiệt(tn	3	L02							7	8	9								B5														4	5	6	7							
3	Hùng	210007	Thiết bị điện	3	A01										0	1	2					301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Tuyên	210008	Kỹ thuật cháy	3	A02							7	8	9								402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hiệp	210009	Kỹ thuật lạnh	3	A02				4	5	6											501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hương	210014	Nhiệt động lực học Kt	3	A01										0	1	2					302B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Trinh	210029	Đo lường nhiệt	3	A01							7	8	9								301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Tuyên	210033	ĐAMH lò hơi	3	A02	1	2	3														PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hùng	210041	L/đặt,vận hành,sc Htlạnh	3	A01				4	5	6											304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Tùng	ME2013	Nhiệtđộnglựchọc&tr/nhiệt	3	TNC1				4	5	6											207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L02	1	2	3														B5														4	5	6	7	8							
3	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L01				4	5	6											B5														4	5	6	7	8							
3	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L03							7	8	9								B5														4	5	6	7	8							
3	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L09										0	1	2					B5														4	5	6	7	8							
4	Quốc	210006	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	A01							7	8	9								301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Phú	210028	TĐ hóa các qt nhiệt lạnh	3	A01				4	5	6											304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Trinh	210029	Đo lường nhiệt	3	A02										0	1	2					502C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							

4	Tuyên	210039	Trung tâm nhiệt điện	3	A01	1	2	3														309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tùng	ME2013	Nhiệtđộnglựchọc&tr/nhiệt	3	TNC2	1	2	3														205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hương	ME2013	Nhiệtđộnglựchọc&tr/nhiệt	3	L03				4	5	6											202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L16	1	2	3														B5														4	5	6	7	8							
4	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L05				4	5	6											B5														4	5	6	7	8							
4	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	TNC1							7	8	9								B5														4	5	6	7	8							
4	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L15										0	1	2					B5														4	5	6	7	8							
4	Hưng	ME2041	Nhiệtđộng và truyềnnhiệt	3	L01	1	2	3														412H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Quốc	210006	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	A02							7	8	9								501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Quốc	210033	ĐAMH lò hơi	3	A01				4	5	6											PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Trinh	210040	Kinh tế năng lượng	3	A01	1	2	3														309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hùng	210042	Điện Trong Kỹ Thuật Lạnh	3	A01										0	1	2					203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tùng	ME2013	Nhiệtđộnglựchọc&tr/nhiệt	3	L01				4	5	6											205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L06	1	2	3														B5														4	5	6	7	8							
5	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	TNC2				4	5	6											B5														4	5	6	7	8							
5	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L17										0	1	2					B5														4	5	6	7	8							
6	Hương	210015	Truyền nhiệt	3	A01										0	1	2					601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hưng	210034	Truyền nhiệt &tb tdnhiệt	3	L01										0	1	2					404H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiệp	210043	Anh văn chuyên ngành	3	A01	1	2	3														309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phú	ME2013	Nhiệtđộnglựchọc&tr/nhiệt	3	L02	1	2	3														202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L07	1	2	3														B5														4	5	6	7	8							
6	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L10				4	5	6											B5														4	5	6	7	8							
6	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L18							7	8	9								B5														4	5	6	7	8							
6	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L08										0	1	2					B5														4	5	6	7	8							
6	Phú	ME2039	Bơm, quạt, máy nén	3	L01	1	2	3														405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phú	ME2039	Bơm, quạt, máy nén	3	L02				4	5	6											402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
7	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L13							7	8	9								B5														4	5	6	7	8							
7	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L11										0	1	2					B5														4	5	6	7	8							
8	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L12							7	8	9								B5														4	5	6	7	8							
8	Hạnh	ME2014	Nhiệt đl học&tr/nhiệt(tn	3	L14										0	1	2					B5														4	5	6	7	8							
		210302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		210303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Phước	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A10	1	2	3														204B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Phước	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A08				4	5	6											203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Dương	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A16							7	8	9								203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Dương	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A12										0	1	2					204B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Phước	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A15										0	1	2					203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Sơn	202004	Ng/lý gia công vật liệu	3	A01				4	5	6											304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phương	202004	Ng/lý gia công vật liệu	3	TNCK										0	1	2					205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nga	202005	T/kế đ/bảo c/tạo &lắpráp	3	A01	1	2	3														304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nghìn	202005	T/kế đ/bảo c/tạo &lắpráp	3	TNCK							7	8	9								204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Quang	202007	Dung sai & kỹ thuật đo	3	A02										0	1	2					501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hà	202013	Dung sai - Kỹ thuật đo	4	A01							7	8	9	0							212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	3	A01										0	1	2					PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

2	Long	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	4	A01								9	0	1	2					504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hà	202083	Cnghệ vl nhựa &khuôn mẫu	3	TNCK				4	5	6										205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuấn	202086	Qly & Kt Bao Tri Cnghiep	3	TNCK	1	2	3													205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nghị	202104	Cad/cam/cnc	4	A03								9	0	1	2					302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		ME1004	Cơ khí đại cương (tn)	5	L03	1	2	3	4	5											101C1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		ME1004	Cơ khí đại cương (tn)	5	L04							7	8	9	0	1					101C1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Phương	200029	KT thủy lực & khí nén	3	A02							7	8	9							501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thanh	202001	TN k/thuật thủy lực&knén	3	A03							7	8	9							201XC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		202001	TN k/thuật thủy lực&knén	3	A01										0	1	2				201XC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A14	1	2	3													203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Dương	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A04							7	8	9							203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Dương	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A03										0	1	2				203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Quang	202003	CN & t/bị gia công c/xác	3	A01										0	1	2				203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Đức	202006	Thiết kế trang bị c/nghệ	3	TNCK				4	5	6										205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuấn	202008	Kỹ thuật đồng thời	3	TNCK	1	2	3													204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nghìn	202008	Kỹ thuật đồng thời	3	A01							7	8	9							203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	3	A05							7	8	9							PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	3	TNCK										0	1	2				PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thanh	202042	Các pp gia công đặc biệt	3	A01				4	5	6										203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Sơn	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	4	A03	1	2	3	4												503C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Sơn	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	4	TNCK									9	0	1	2				205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thành	202083	Cnghệ vl nhựa &khuôn mẫu	3	A01	1	2	3													304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nghìn	218013	Tạo mẫu nhanh	3	A01	1	2	3													203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nghị	218013	Tạo mẫu nhanh	3	A02				4	5	6										604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hiệp	ME1003	Cơ khí đại cương	3	L02							7	8	9							202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hưng	ME1003	Cơ khí đại cương	3	L01										0	1	2				202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A07	1	2	3													203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Phước	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A13	1	2	3													204B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Dương	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A09				4	5	6										203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4		202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A17							7	8	9							203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Phú	202009	Bơm, Quạt, Máy nén khí	3	A01										0	1	2				301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	3	A03				4	5	6										PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	3	A02							7	8	9							PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	An	202042	Các pp gia công đặc biệt	3	TNCK	1	2	3													204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đức	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	4	A04							7	8	9	0						504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiệp	202080	Máy Công Cụ	3	A01				4	5	6										302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiệp	202080	Máy Công Cụ	3	TNCK										0	1	2				204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	202103	Kỹ thuật chế tạo 3	3	A01	1	2	3													302C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thành	202104	Cad/cam/cnc	4	A01	1	2	3	4												203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	202104	Cad/cam/cnc	4	A04									9	0	1	2				402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Sơn	202703	Chế tạo	2	P01							7	8								202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thành	202704	Tr/động thủy lực &khínén	2	P01									9	0						202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nghị	218013	Tạo mẫu nhanh	3	TNCK				4	5	6										205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Giáp	200029	KT thủy lực & khí nén	3	A01										0	1	2				403C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

5	Phước	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A06	1	2	3														203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
5	Dương	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A05				4	5	6											203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
5	Dương	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A11										0	1	2					203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
5	Hà	202003	CN & t/bị gia công c/xác	3	TNCK										0	1	2					204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Quang	202006	Thiết kế trang bị c/nghệ	3	A01							7	8	9								203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	An	202007	Dung sai & kỹ thuật đo	3	A01							7	8	9								401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Phú	202009	Bơm, Quạt, Máy nén khí	3	A02										0	1	2					501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Lanh	202010	Kỹthuật Thủy Lực&khí Nén	3	A01										0	1	2					304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5		202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	3	A04				4	5	6											PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Quang	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	4	A02	1	2	3	4													503C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Thành	202080	Máy Công Cụ	3	A02	1	2	3														303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Hiệp	202080	Máy Công Cụ	3	A03				4	5	6											304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Phương	202104	Cad/cam/cnc	4	A02	1	2	3	4													302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Khánh	202118	KT an toàn & môi trường	3	A01	1	2	3														212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Long	ME1004	Cơ khí đại cương (tn)	5	L01	1	2	3	4	5												101C1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2
5	Long	ME1004	Cơ khí đại cương (tn)	5	L02							7	8	9	0	1						101C1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2
6		202001	TN k/thuật thủy lực&knén	3	A02							7	8	9								201XC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Phước	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A18				4	5	6											203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Phước	202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A02							7	8	9								203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6		202002	TN dung sai &kỹ thuật đo	3	A01										0	1	2					203B11	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6		202038	ĐAMH kỹ thuật chế tạo	3	TNC2							7	8	9								PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Hưng	202086	Qly & Kt Bao Tri Cnghiep	3	A01										0	1	2					203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Thành	202104	Cad/cam/cnc	4	TNCK	1	2	3	4													206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Nghị	202104	Cad/cam/cnc	4	A05							7	8	9	0							301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
2	Tùng	203003	Kỹ Thuật Nâng-vận Chuyển	3	A02										0	1	2					203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
2	Ngân	203006	KT rung trong máy x/dựng	3	A01							7	8	9								203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
2	Sơn	203008	Kcấu thép thiết bị nâng	3	A01	1	2	3														304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
2	Lớn	203010	Thang máy	3	A01				4	5	6											302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
3	Duy	203003	Kỹ Thuật Nâng-vận Chuyển	3	A01										0	1	2					304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
3	Danh	203009	Truyền động máy xây dựng	3	A01										0	1	2					503C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
3	Tới	203020	Máy Vận Chuyển Liên Tục	3	A01	1	2	3														304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
4	Duy	203012	ĐAMH kt nâng vận chuyển	3	A01							7	8	9								PDAMH9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5								
4	Sơn	203013	Kthác &schữa máy xâydựng	3	A01										0	1	2					302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
4	Ngân	203016	Máy xếp dỡ	3	A01				4	5	6											304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
4	Tùng	203017	Động lực học máy xâydựng	3	A01	1	2	3														304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Ngân	203003	Kỹ Thuật Nâng-vận Chuyển	3	TNCK				4	5	6											207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Duy	203015	ĐAMH máy xây dựng	3	A01										0	1	2					PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Tới	203018	UD tin học trg t/kế mxd	3	A01				4	5	6											304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Ngân	203019	Các máy trục	3	A01	1	2	3														304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
		203001	T/tập kỹ thuật ngành mxd	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
9		203302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
9		203303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																								
2	Nga	204030	ĐAMH công nghệ sợi	3	A01										0	1	2					602C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
2	Quỳnh	204038	ĐAMH công nghệ may	3	A01										0	1	2					401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						

2	Đức	204046	Vẽ mỹ thuật trang phục	3	A01	1	2	3														302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tùng	204102	KT thông gió công nghiệp	3	A02				4	5	6											309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Huệ	204107	Quá Trình & Thiếtbị Cnhh	3	A01										0	1	2					303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiền	204116	Th/kế trang phục trẻ em	3	A01				4	5	6											402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hương	ME2061	Công nghệ sợi 1	4	L01			3	4	5	6											405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hương	ME2063	Khoa học vật liệu dệt	3	L01							7	8	9								405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hương	ME2063	Khoa học vật liệu dệt	3	L02										0	1	2					405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hương	ME2065	Công nghệ may 1	4	L01	1	2	3	4													402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hương	204007	Thiết bị sợi dệt	4	A01	1	2	3	4													504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nga	204009	Công nghệ dệt thoi	3	A01										0	1	2					402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Quỳnh	204037	Thiết kế chuyền may	3	A01										0	1	2					303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thái	204106	Cn C/bị V/liệu In Nhuộm	3	A01	1	2	3														301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Quỳnh	214116	Tổ chức sx trong dệt may	3	A01	1	2	3														402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nguyên	701144	Ql ch/lượng trong dệtmay	3	A01				4	5	6											402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	ME2067	Ng/lý thiết kế thờitrang	4	L01	1	2	3	4													402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nga	204005	Cấu trúc sợi	3	A01	1	2	3														302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tùng	204102	KT thông gió công nghiệp	3	A01				4	5	6											402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Bảo	204112	Hoàn Tất& Kiểm Tra Sphẩm	3	A01	1	2	3														504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiền	204117	Thiết kế trang phục nam	3	A01	1	2	3														402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nga	204021	Cấu trúc vải dệt thoi	3	A01				4	5	6											504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thái	204029	Cn Gia công xơ nhân tạo	3	A01	1	2	3														304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Huệ	204041	Hóa học thuốc nhuộm	3	A01	1	2	3														301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nghĩa	204103	Thiết kế trang phục 1	2	A01										0	1						303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nguyên	204104	Thiết bị may	3	A01							7	8	9								301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thái	204105	Thiết bị nhuộm	3	A01										0	1	2					504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Bảo	204114	Công nghệ in - nhuộm	4	A01							7	8	9	0							302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nga	ME1007	Cơ sở công nghệ dệt may	4	L01							7	8	9	0							204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
6	Hương	204035	Công nghệ may 2	3	A01				4	5	6											304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nghĩa	204103	Thiết kế trang phục 1	2	A01		2	3														302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hương	ME2063	Khoa học vật liệu dệt	3	L02							7	8	9								405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hương	ME2063	Khoa học vật liệu dệt	3	L01										0	1	2					405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		204302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		204303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
2	Minh	ME2015	Vật liệu học và xử lý	3	TNC2							7	8	9								204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuấn	205015	Kỹ thuật chế tạo 1	3	A01							7	8	9								503C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Minh	205022	Kt Biến dạng tạo hình	3	TNCK							7	8	9								204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trường	ME2015	Vật liệu học và xử lý	3	L03							7	8	9								205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Minh	205015	Kỹ thuật chế tạo 1	3	TNCK										0	1	2					202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Khoa	205017	Kỹ thuật cán kim loại	3	A01	1	2	3														304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuấn	205023	Công nghệ hàn	3	TNCK							7	8	9								204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đức	ME2015	Vật liệu học và xử lý	3	L04	1	2	3														208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hải	205015	Kỹ thuật chế tạo 1	3	A02										0	1	2					401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Minh	205017	Kỹ thuật cán kim loại	3	TNCK	1	2	3														205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Đức	212032	Vật liệu học & xử lý	4	A01	1	2	3	4													302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

5	Tú	ME2015	Vật liệu học và xử lý	3	L01	1	2	3														205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hải	ME2015	Vật liệu học và xử lý	3	TNC1				4	5	6											204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Minh	205022	Kt Biến dạng tạo hình	3	A01	1	2	3														301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tuấn	205023	Công nghệ hàn	3	A01							7	8	9								203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hà	205027	Kỹ thuật đúc kim loại	3	A01				4	5	6											203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hà	205027	Kỹ thuật đúc kim loại	3	TNCK										0	1	2					205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Minh	205701	Các phương pháp tạo dáng	3	P01							7	8	9								202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hải	ME2015	Vật liệu học và xử lý	3	L02				4	5	6											202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L01																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L02																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L03																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L04																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L05																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L06																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L07																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L08																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L09																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L10																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L11																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	L12																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	TNC1																													2	3	4	5	6									
9		ME2016	Vật liệu học và XL (tn)	0	TNC2																													2	3	4	5	6									
		202302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		202302	Thực tập tốt nghiệp	0	TNCK																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		202303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
9		202303	Luận văn tốt nghiệp	0	TNCK																																										
2		214016	Thực tập kỹ thuật	3	A02							7	8	9								308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phong	214019	Kiểm soát chất lượng	3	A01							7	8	9								401C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		214022	ĐAMH quản lý dự án cn	3	A01				4	5	6											PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Anh	214023	Quản Lý Bảo Trì C/nghiệp	3	A01	1	2	3														308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hài	214025	Mô Hìnhhóa & Mp Các Htcn	3	A02	1	2	3														402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		214105	ĐAMH đolường lđ&tk cviệc	3	A02										0	1	2					PDAMH8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiền	214110	ERP	3	A01							7	8	9								503C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phong	214114	Hệ thống S/xuất tinh gọn	3	A02				4	5	6											304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hà	701004	Kỹ năng lãnh đạo	3	A01	1	2	3														301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lam	701004	Kỹ năng lãnh đạo	3	A02										0	1	2					403C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
2	Anh	ME2050	ƯD máy tính trg CN (tn)	4	L04									9	0	1	2					102AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiền	ME2054	TK cviệc& đo lường LT(TN	3	L02	1	2	3														104BC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiền	ME2054	TK cviệc& đo lường LT(TN	3	L03				4	5	6											104BC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lam	ME2056	Thốngkê trong CN (tn)	3	L02	1	2	3														102AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lam	ME2056	Thốngkê trong CN (tn)	3	L03				4	5	6											102AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hiền	214010	Đo Lường Ld & Tkế C/việc	3	A01	1	2	3														301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		214016	Thực tập kỹ thuật	3	A01										0	1	2					504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Dung	214021	Quảnlý dự án công nghiệp	3	A02				4	5	6											302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

3		214022	ĐAMH quản lý dự án cn	3	A02	1	2	3														PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		214026	ĐAMH môhình hóa& môphỏng	3	A02									0	1	2						PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hà	214042	Quản lý & đánh giá cn	3	A01				4	5	6											304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phong	214114	Hệ thống S/xuất tinh gọn	3	A01	1	2	3														302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	ME2050	ƯD máy tính trg CN (tn)	4	L02	1	2	3	4													102AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	ME2050	ƯD máy tính trg CN (tn)	4	L01							7	8	9	0							102AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phúc	ME2051	Vận trù học	4	L01	1	2	3	4													208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phong	ME2051	Vận trù học	4	L02							7	8	9	0							113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiền	214010	Đo Lường Ld & Tkế C/việc	3	A02				4	5	6											301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
4	Hà	214020	Thiết kế sản phẩm&dịchvụ	3	A02	1	2	3														503C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hài	214025	Mô Hìnhhóa & Mp Các Htcn	3	A01	1	2	3														401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dung	214042	Quản lý & đánh giá cn	3	A02							7	8	9								304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiền	ME2054	TK cviệc& đo lường LT(TN	3	L04							7	8	9								104BC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiền	ME2054	TK cviệc& đo lường LT(TN	3	L01										0	1	2					104BC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lam	ME2056	Thốngkê trong CN (tn)	3	L01							7	8	9								102AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lam	ME2056	Thốngkê trong CN (tn)	3	L04										0	1	2					102AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phúc	214019	Kiểm soát chất lượng	3	A02							7	8	9								402C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hà	214021	Quảnlý dự án công nghiệp	3	A01	1	2	3														504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phúc	214023	Quản Lý Bảo Trì C/nghiệp	3	A02										0	1	2					401C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		214026	ĐAMH môhình hóa& môphỏng	3	A01							7	8	9								PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		214105	ĐAMH đolường ld&tk cviệc	3	A01										0	1	2					PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phong	214108	Hoạch định nguồn lực Sx	3	A02	1	2	3														203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hiền	214109	Kỹ Thuật Hậu Cần	3	A02				4	5	6											402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Anh	ME2049	ứng dụng máy tính trg CN	3	L01	1	2	3														113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Anh	ME2049	ứng dụng máy tính trg CN	3	L02				4	5	6											110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Anh	ME2050	ƯD máy tính trg CN (tn)	4	L03									9	0	1	2					102AC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Lam	ME2055	Thốngkê trong côngnghiệp	3	L02	1	2	3														110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Lam	ME2055	Thốngkê trong côngnghiệp	3	L01				4	5	6											113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hài	214020	Thiết kế sản phẩm&dịchvụ	3	A01							7	8	9								504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phúc	214108	Hoạch định nguồn lực Sx	3	A01				4	5	6											504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lam	214109	Kỹ Thuật Hậu Cần	3	A01	1	2	3														304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Dung	214702	Phân tích giátrị &clượng	3	P01	1	2	3														206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiền	ME2053	T/kế côgviệc &đlg laođộg	3	L01							7	8	9								208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiền	ME2053	T/kế côgviệc &đlg laođộg	3	L02										0	1	2					113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		214302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		214303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Thư	200036	TT điện - điện tử 1(CK)	3	A01	1	2	3														203C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2														
2	Đạt	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A13	1	2	3														205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2														
2	Cờ	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A11				4	5	6											203C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2														
2	Đạt	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A17				4	5	6											205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2														
2	Đạt	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A08							7	8	9								205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2														
2	Đạt	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A07										0	1	2					205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2														
3	Cờ	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A06							7	8	9								205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2														
3	Cờ	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A02										0	1	2					205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2														

4	Cờ	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A05	1	2	3														203C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
4	Đạt	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A14	1	2	3														205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
4	Cờ	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A10				4	5	6											203C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
4	Đạt	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A01							7	8	9								205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
4	Cờ	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A15										0	1	2					203C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
4	Đạt	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A16										0	1	2					205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
5	Thư	200036	TT điện - điện tử 1(CK)	3	A02							7	8	9								203C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
6	Cờ	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A09	1	2	3														203C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
6	Đạt	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A12				4	5	6											205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
6	Cờ	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A04							7	8	9								205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
6	Cờ	200037	TT điện - điện tử 2(CK)	3	A03										0	1	2					205C1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
2	Lớn	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A15	1	2	3														PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Đạt	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A22	1	2	3														PDAMH8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Thạnh	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A05				4	5	6											PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Lộc	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A04							7	8	9								PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Lớn	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A16										0	1	2					PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Rê	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A17										0	1	2					PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hoàng	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A18										0	1	2					PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hoàng	209005	Động lực học cơ hệ	3	A01							7	8	9								301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Huấn	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	3	A03							7	8	9								401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Huấn	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	3	TNCK										0	1	2					204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hiếu	ME2007	Chi tiết máy	4	L02	1	2	3	4													205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4										
2	Hiếu	ME2007	Chi tiết máy	4	L03							7	8	9	0							205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4										
2	Thạnh	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L04		2	3	4	5	6											105C1															5	6	7							
2	Đạt	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L06							7	8	9	0	1						105C1															5	6	7							
2	Đạt	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L10							7	8	9	0	1						105C1											1	2	3										
2	Tùng	ME2011	Đồ án môn học thiết kế	3	L02				4	5	6											305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		ME2011	Đồ án môn học thiết kế	3	TNCK							7	8	9								206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Tùng	ME2077	Cơ học máy	4	L02	1	2	3	4													112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Tùng	ME2077	Cơ học máy	4	L03							7	8	9	0							212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Rê	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A14	1	2	3														PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Thiện	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A20	1	2	3														PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3		209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	TNC2				4	5	6											PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Điền	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A08							7	8	9								PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hiếu	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A10										0	1	2					PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Lộc	209009	Mô Hình Hóa Hình Học	3	A02	1	2	3														213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Trương	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	3	A04							7	8	9								304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hoàng	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	3	A05										0	1	2					602C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Phúc	610072	Tk Chế Tạo Th/bị Mtrường	3	L02							7	8	9								306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Phúc	610072	Tk Chế Tạo Th/bị Mtrường	3	L01										0	1	2					214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Phúc	ME2007	Chi tiết máy	4	L05	1	2	3	4													205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4										
3	Tùng	ME2007	Chi tiết máy	4	TNC2									9	0	1	2					203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4										
3	Vũ	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L05		2	3	4	5	6											105C1															5	6	7							
3	Lớn	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L07							7	8	9	0	1						105C1											1	2	3										

3	Thạnh	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L01								8	9	0	1	2					105C1													5	6	7									
3	Thiện	ME2077	Cơ học máy	4	L01						7	8	9	0								304H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đạt	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A09									0	1	2						PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lớn	209002	Q/trình Thiết Kế Kỹthuật	3	A01	1	2	3														301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Điền	209017	Nguyên lý máy	4	A01						7	8	9	0								203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thạnh	209021	Chi tiết máy	4	A01	1	2	3	4													301C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lộc	209026	Phân tích&tối ưu kết cấu	3	A01									0	1	2						304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiếu	209703	Phần tử dẫn hướng 1	3	P01				4	5	6											202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiếu	209704	Phần tử dẫn hướng 2	3	P01	1	2	3														202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thiện	ME2003	Nguyên lý máy	4	L01	1	2	3	4													201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lộc	ME2007	Chi tiết máy	4	TNC1	1	2	3	4													202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
4	Đạt	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	TNC1	1	2	3	4	5												105C1													5	6	7									
4	Đạt	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L13		2	3	4	5	6											105C1										1	2	3												
4	Vũ	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L09							7	8	9	0	1						105C1										1	2	3												
4	Lớn	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L12							7	8	9	0	1						105C1													5	6	7									
4	Điền	ME2011	Đồ án môn học thiết kế	3	L03	1	2	3														214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thiện	ME2011	Đồ án môn học thiết kế	3	L01						7	8	9									305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thạnh	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A11	1	2	3														PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Huấn	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A19	1	2	3														PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	TNC1				4	5	6											PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tùng	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A03							7	8	9								PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tùng	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A02										0	1	2					PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nguyên	209004	Tối Ưu Hóa & Qhtn	3	A02										0	1	2					502C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hoàng	209005	Động lực học cơ hệ	3	TNCK	1	2	3														204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hoàng	209005	Động lực học cơ hệ	3	A02										0	1	2					503C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Lộc	209009	Mô Hình Hóa Hình Học	3	A01							7	8	9								503C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		209020	ĐAMH tk hệ thống cơ khí	3	A01										0	1	2					PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Điền	209037	Vẽ Cơ Khí	3	A01				4	5	6											212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thạnh	ME2007	Chi tiết máy	4	L04							7	8	9	0							205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
5	Thạnh	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L08		2	3	4	5	6											105C1													5	6	7									
5	Thạnh	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L11							7	8	9	0	1						105C1													5	6	7									
5	Đạt	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	TNC2								8	9	0	1	2					105C1										1	2	3												
5	Thiện	ME2011	Đồ án môn học thiết kế	3	L06	1	2	3														208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Danh	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A01	1	2	3														PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tùng	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A21	1	2	3														PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tiễn	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A06				4	5	6											PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thiện	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A07				4	5	6											PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phúc	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A13							7	8	9								PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tiến	209001	ĐAMH1: chi tiết máy	3	A12										0	1	2					PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nguyên	209004	Tối Ưu Hóa & Qhtn	3	A01				4	5	6											309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hoàng	209004	Tối Ưu Hóa & Qhtn	3	TNCK							7	8	9								204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Danh	209012	KT tạo dáng công nghiệp	3	A01				4	5	6											302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tiến	209022	Dao động kỹ thuật	3	A01							7	8	9								302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Điền	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	3	A01				4	5	6											304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Trương	209024	Phương pháp P/tử hữu hạn	3	A02									0	1	2					402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lộc	209029	Kỹ thuật độ tin cậy	3	A01	1	2	3													503C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Huấn	209705	Tính toán số các cấutrúc	3	P01				4	5	6										202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thạnh	ME2007	Chi tiết máy	4	L01	1	2	3	4												205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
6	Thạnh	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L02	1	2	3	4	5											105C1															5	6	7								
6	Thiện	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L03							7	8	9	0	1					105C1															5	6	7								
6	Thiện	ME2008	Chi tiết máy (tn)	5	L14							7	8	9	0	1					105C1											1	2	3											
6	Đạt	ME2011	Đồ án môn học thiết kế	3	L05	1	2	3													402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đạt	ME2011	Đồ án môn học thiết kế	3	L04				4	5	6										405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		209302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		209303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2		211009	Thựctập c/khí đạicương 2	5	A01	1	2	3	4	5											XCK	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	5	L06								8	9	0	1	2				XCK								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3		ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	5	L02	1	2	3	4	5											XCK								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3		ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	5	L01								8	9	0	1	2				XCK								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4		ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	5	L07	1	2	3	4	5											XCK								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4		ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	5	L05								8	9	0	1	2				XCK								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4		ME2001	Thực tập cơkhí đạicương2	5	L01							7	8	9	0	1					XCK	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		200064	Thực tập kỹ thuật	5	A01	1	2	3	4	5											XCK	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
5		211008	Thựctập c/khí đạicương 1	5	A01							7	8	9	0	1					XCK	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	5	L03	1	2	3	4	5											XCK								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
6		ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	5	L04							7	8	9	0	1					XCK								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
7		ME1005	Thựctập cơkhí đại cương1	5	L08							7	8	9	0	1					XCK	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tùng	300005	Tin học ứng dụng	3	A01	1	2	3													305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trang	300006	Kỹ thuật an toàn laođộng	3	A03				4	5	6										305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lân	300019	PT hệ thống khai thác dk	3	A01										0	1	2				304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tâm	GE2001	Cơ sở kỹ thuật dầu khí	3	L01	1	2	3													212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		300012	Dk T/động Trong Kt D/khi	3	A01				4	5	6										304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lân	300020	Công nghệ mỏ dầu khí	3	A01	1	2	3													305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Quang	300062	Công nghệ xử lý khí	3	A01				4	5	6										203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		300063	Mô h/hóa trong khoan &kt	3	A01										0	1	2				302B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dũng	300001	Địa thống kê	3	A01										0	1	2				204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tùng	300005	Tin học ứng dụng	3	A04	1	2	3													305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tâm	300005	Tin học ứng dụng	3	A03	1	2	3													402C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tâm	300005	Tin học ứng dụng	3	A02							7	8	9							301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Trang	300006	Kỹ thuật an toàn laođộng	3	A01	1	2	3													304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hải	300048	Cơ sở thủy địa cơ học	3	A03							7	8	9							203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Kỳ	300048	Cơ sở thủy địa cơ học	3	A02										0	1	2				101B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Ngọc	300001	Địa thống kê	3	A02	1	2	3													303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Dũng	300001	Địa thống kê	3	A03							7	8	9							303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trang	300006	Kỹ thuật an toàn laođộng	3	A02				4	5	6										203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	ái	300007	Nguyên lý phá hủy đất đá	3	A01							7	8	9							204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lân	300011	Mô phỏng vỉa dầu khí	3	A01	1	2	3													201B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Khánh	300031	Hoàn thiện giếng	3	A01										0	1	2				201B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Kỳ	300048	Cơ sở thủy địa cơ học	3	A01									0	1	2					101B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		300014	ĐAMH dầu khí	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		300066	Thực hành - tn xưởng	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		300302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		300303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Tú	301007	Địa mạo - tân kiến tạo	3	A01				4	5	6										303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Kỳ	301104	Đ/Chất ct-đc thủy văn mỏ	3	A01							7	8	9							101B8										0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Kỳ	301104	Đ/Chất ct-đc thủy văn mỏ	3	A01							7	8	9							101B8	1	2	3			6	7	8	9																
2	Hằng	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L03	1	2	3													302B8																		8	9	0	1				
2	Mẫn	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L03	1	2	3													302B8													3	4	5	6	7								
2	Hằng	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L04				4	5	6										302B8																		8	9	0	1				
2	Mẫn	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L04				4	5	6										302B8													3	4	5	6	7								
2	Hằng	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L01							7	8	9							302B8																		8	9	0	1				
2	Mẫn	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L01							7	8	9							302B8													3	4	5	6	7								
2	Hằng	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L02										0	1	2				302B8																		8	9	0	1				
2	Mẫn	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L02										0	1	2				302B8													3	4	5	6	7								
2	Văn	GE2015	Thạch luận	3	L01				4	5	6										212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thông	301008	Địa tin học	3	A01										0	1	2				301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Vinh	301066	B/vệ m/trường trong cnd	3	A02	1	2	3													204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hạnh	301068	Khai thác mỏ& môi trường	3	A01				4	5	6										303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Văn	301071	Khoáng sàng công nghiệp	3	A01	1	2	3													303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Mẫn	301074	Tinh thể - khoáng vật	2	A01					5	6										204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thanh	GE1007	Tinh thể-k/vật-thạch học	3	L01							7	8	9							404H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Thanh	GE1007	Tinh thể-k/vật-thạch học	3	L02										0	1	2				404H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4	Mài	301011	Ks T/dò tính trữ lượngKS	3	A01	1	2	3													203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hạnh	301021	Đánh giá t/động m/trường	3	A01										0	1	2				203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tú	301076	Quản trị môi trường	4	A01	1	2	3	4												204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
4	Kỳ	301104	Đ/Chất ct-đc thủy văn mỏ	3	A02				4	5	6										101B8										0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Kỳ	301104	Đ/Chất ct-đc thủy văn mỏ	3	A02				4	5	6										101B8	1	2	3			6	7	8	9																
4		GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L09	1	2	3													302B8																		8	9	0	1				
4		GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L09	1	2	3													302B8																									
4	Vinh	GE2013	Địa chất môi trường	3	L01										0	1	2				213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Sơn	301003	Kinh tế & N/liệu Khoáng	3	A03										0	1	2				303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Mài	301011	Ks T/dò tính trữ lượngKS	3	A02				4	5	6										303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vinh	301066	B/vệ m/trường trong cnd	3	A01	1	2	3													303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hằng	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L05	1	2	3													302B8																		8	9	0	1				
5	Mẫn	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L05	1	2	3													302B8													3	4	5	6	7								
5	Hằng	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L06				4	5	6										302B8																		8	9	0	1				
5	Mẫn	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L06				4	5	6										302B8													3	4	5	6	7								
5	Hằng	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L07							7	8	9							302B8																		8	9	0	1				
5	Mẫn	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L07							7	8	9							302B8													3	4	5	6	7								
5	Hằng	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L08										0	1	2				302B8																		8	9	0	1				
5	Mẫn	GE1009	TT Tinhthể k/vật &th/học	3	L08										0	1	2				302B8													3	4	5	6	7								
5		GE2013	Địa chất môi trường	3	L02	1	2	3													210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6		301003	Kinh tế & N/liệu Khoáng	3	A02	1	2	3														305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
6	Phong	301013	Tai biến địa động lực	3	A01				4	5	6											204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Hạnh	301021	Đánh giá t/động m/trường	3	A02	1	2	3														204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
		301002	Thực tập địa chất cơ sở	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		301004	TT đc k/trúc& đo vẽ bđđc	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		301010	Thực tập địa kiến tạo	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9	Tú	301015	ĐAMH lập đề án ks-thămdò	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		301020	ĐAMH thạch luận	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		301023	ĐAMH đánh gía tácđộng mt	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		301026	ĐAMH kt cải tạo mt đchất	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		301027	ĐAMH pp thành lập bđđc	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		301302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		301303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
9		GE1005	Thực tập địachất cơsở NT	0	A01																			2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		GE1005	Thực tập địachất cơsở NT	0	L01																									8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Hương	302005	Địa chất khai thác dkhí	3	A01	1	2	3														101B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Ngọc	GE2012	CS về KH địa chất DK(tn)	3	L02	1	2	3														110H6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hương	302005	Địa chất khai thác dkhí	3	A02	1	2	3														101B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Thanh	GE2011	C/sở về k/học đ/c dầukhí	3	L01	1	2	3														304H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Ngọc	GE2011	C/sở về k/học đ/c dầukhí	3	L02									0	1	2						109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Thanh	302010	Địa vật lý ứng dụng	2	A01								8	9								203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Ngọc	302013	Mô hình hóa mỏ dầu khí	3	A01				4	5	6											504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Thanh	302018	Phân tích thu vỉa	2	A01		2	3														504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Huy	303004	Địa kiến tạo	3	A01	1	2	3														201B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Huy	303004	Địa kiến tạo	3	A02							7	8	9								201B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Tuân	300003	Địa vật lý giếng khoan	3	A01										0	1	2					204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Thanh	302010	Địa vật lý ứng dụng	2	A01								8	9								203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Thanh	302018	Phân tích thu vỉa	2	A01				4	5												304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Thanh	302026	Đánh giá trữ lượng D/khí	3	A01										0	1	2					203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Thanh	GE2012	CS về KH địa chất DK(tn)	3	L01	1	2	3														214H6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
		302302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		302303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
		305302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		305303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Nhật	303002	Địa kỹ thuật 1	3	A02							7	8	9								203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Kỳ	303018	Nước khoáng	3	A01										0	1	2					301C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Long	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	3	A09	1	2	3														PTNDKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Long	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	3	A02							7	8	9								PTNDKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Thông	GE2009	Cơ học đá	3	L02	1	2	3														205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Thông	GE2009	Cơ học đá	3	L01				4	5	6											305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Ngọ	303006	Địa chất biển	3	A01				4	5	6											305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Kỳ	303013	Dc Ctrình Dc Thvăn K.vực	3	A01				4	5	6											101B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Long	303019	Sự cố nền móng	3	A01	1	2	3														203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3		303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	3	A07	1	2	3														PTNDKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							

4	Nhật	303002	Địa kỹ thuật 1	3	A03									0	1	2					303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Huy	303005	Thủy đc các mỏ dầu khí	3	A01									0	1	2					201B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Long	303023	Địa chất động lực Ctrình	3	A01	1	2	3													101B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	3	A05	1	2	3													PTNDKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nam	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	3	A04						7	8	9								PTNDKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nam	303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	3	A03									0	1	2					PTNDKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		303040	Địa chất thủy văn	3	A01						7	8	9								204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Kỳ	303041	Kt & Bảovệ Tàinguyên Ndd	2	A01								9	0							101B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hà	303002	Địa kỹ thuật 1	3	A01									0	1	2					203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hải	303010	Địa kỹ thuật 2	3	A01				4	5	6										204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Long	303016	ĐAMH địa kỹ thuật 2	3	A01	1	2	3													204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	3	A08	1	2	3													PTNDKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Kỳ	303041	Kt & Bảovệ Tàinguyên Ndd	2	A01			3	4												305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Ngọ	303011	ổn định công trình	3	A01	1	2	3													203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	3	A01	1	2	3													PTNDKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		303039	Thí nghiệm địa kỹ thuật	3	A06									0	1	2					PTNDKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nam	303042	Các Ph/pháp gia cố đất	3	A01				4	5	6										303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		GE2017	Thạch luận công trình	3	L01				4	5	6										208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		303302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		303303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Tuyên	401001	Điện tử công suất	2	TNDD								9	0							201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Liên	401018	Kỹ thuật chiếu sáng	3	A01									0	1	2					213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Anh	401043	TN điện tử công suất	3	A01						7	8	9								112B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Bình	401706	Sự phân phối điện năng	3	P01						7	8	9								206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Dũng	401707	Các bộ biến đổi tĩnh	3	P01									0	1	2					206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phúc	EE2021	Cơ sở điện tử công suất	3	A01									0	1	2					314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phương	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	A02	1	2	3													112B1								8		0		2		4		6									
2	Phương	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	TND2	1	2	3													112B1							7		9		1		3		5									
2	Huy	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L07				4	5	6										002H6							7		9		1		3		5									
2	Huy	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L12				4	5	6										002H6								8		0		2		4		6									
2	Huy	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L11							7	8	9							002H6							7		9		1		3		5									
3	Phúc	401001	Điện tử công suất	2	A01							7	8								315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phương	401001	Điện tử công suất	2	A02								9	0							214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Bình	401004	Cc Điện Cho Xncn & Ctdd	3	A02	1	2	3													301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	401023	TN điện công nghiệp	3	A01									0	1	2					112B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Vân	401026	An toàn điện	2	TNDD								8	9							201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phương	EE2021	Cơ sở điện tử công suất	3	L02	1	2	3													113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Dũng	EE2021	Cơ sở điện tử công suất	3	L03				4	5	6										114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	A01	1	2	3													112B1							7		9		1		3		5									
3	Huy	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L03				4	5	6										002H6							7		9		1		3		5									
3	Huy	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L17							7	8	9							002H6							7		9		1		3		5									
3	Anh	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	TND3							7	8	9							112B1								8		0		2		4		6									
3	Huy	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L04										0	1	2				002H6								8		0		2		4		6									
4	Phúc	401001	Điện tử công suất	2	A01							7	8								215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

4	Tuyên	401001	Điện tử công suất	2	TNDD								9	0							206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	401001	Điện tử công suất	2	A02										1	2					214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Liên	401026	An toàn điện	2	A02						7	8									214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	401026	An toàn điện	2	A01								9	0							215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nhờ	EE2021	Cơ sở điện tử công suất	3	TND1	1	2	3													201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dũng	EE2021	Cơ sở điện tử công suất	3	TND2									0	1	2					201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L13	1	2	3													002H6							7		9		1		3		5										
4	Anh	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L14	1	2	3													002H6								8		0		2		4		6									
4	Anh	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L09				4	5	6										002H6							7		9		1		3		5										
4		EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	A03									0	1	2					112B1							7		9		1		3		5										
5	Tuyên	401006	Kỹ Thuật Ra Q/định Kỹ Sư	3	A01						7	8	9								602C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuyên	EE2021	Cơ sở điện tử công suất	3	L04	1	2	3													205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nhờ	EE2021	Cơ sở điện tử công suất	3	L06						7	8	9								302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phúc	EE2021	Cơ sở điện tử công suất	3	L05									0	1	2					114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Anh	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L15	1	2	3													002H6							7		9		1		3		5										
5	Anh	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L16	1	2	3													002H6								8		0		2		4		6									
5	Tuyên	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L06				4	5	6										002H6								8		0		2		4		6									
5	Tuyên	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L10						7	8	9								002H6								8		0		2		4		6									
5	Tuyên	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L18									0	1	2					002H6								8		0		2		4		6									
5	Anh	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L19									0	1	2					002H6							7		9		1		3		5										
6	Liên	401004	Cc Điện Cho Xncn & Ctdd	3	A01				4	5	6										201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phương	401005	T/kiệm năng lượng cn &dd	3	A01	1	2	3													201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Bình	401708	Lắp đặt điện	3	P01									0	1	2					207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tuyên	EE2021	Cơ sở điện tử công suất	3	L07	1	2	3													208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phương	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L05						7	8	9								002H6							7		9		1		3		5										
6	Phương	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	L08									0	1	2					002H6								8		0		2		4		6									
6	Huy	EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	TND1									0	1	2					112B1								8		0		2		4		6									
6		EE2022	CS điện tử công suất(TN)	3	TND4									0	1	2					112B1								8		0		2		4		6									
2	Phú	402033	Kỹ thuật xung	3	A01	1	2	3													302C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phúc	402109	Kỹ thuật số - vi xử lý	3	A01				4	5	6										501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Linh	EE1007	Vật lý bán dẫn	3	L03						7	8	9								204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Linh	EE1007	Vật lý bán dẫn	3	L06									0	1	2					201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Hạc	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L16	1	2	3													209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1			
2	Phi	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L06				4	5	6										209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1			
2	Phi	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L05						7	8	9								209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1			
2	Phi	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L18									0	1	2					209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1			
2	Thông	EE2013	Vi xử lý	3	TND1	1	2	3													206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Luật	EE2013	Vi xử lý	3	A01				4	5	6										314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Bảo	EE2013	Vi xử lý	3	TND2				4	5	6										206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lâm	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L04	1	2	3													303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		EE2014	Vi xử lý (tn)	3	TND3				4	5	6										202B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lâm	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L10						7	8	9								303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	402001	Kỹ thuật điện tử C	4	A01						7	8	9	0							301C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Mỹ	402030	Vi xử lý	4	A01	1	2	3	4												210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

3	Vinh	402709	Thiết kế hệ thống nhúng	3	P01	1	2	3														207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Mỹ	EE1007	Vật lý bán dẫn	3	A07							7	8	9								314B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hạc	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L14	1	2	3														209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
3	Hạc	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L13				4	5	6											209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
3	Thời	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L15							7	8	9								209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
3	Thời	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L01										0	1	2					209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
3	Lâm	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	A02	1	2	3														202B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hồng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L16	1	2	3														303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hồng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L14				4	5	6											303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hồng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L18							7	8	9								303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thời	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L06										0	1	2					303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	402002	Kỹ thuật số	4	A01							7	8	9	0							603C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thông	402024	Kỹ thuật điện tử	3	A01	1	2	3														305B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		402114	Thí nghiệm vi xử lý	3	A01				4	5	6											202B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nghi	402703	Đtử học các mạch logic	3	P01										0	1	2					503C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		402706	Tiến hành thực nghiệm	3	P01										0	1	2					207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Hạc	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L11	1	2	3														209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
4	Phi	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L10				4	5	6											209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
4	Phi	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L12							7	8	9								209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
4	Phi	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L20										0	1	2					209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
4		EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L26										0	1	2					209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
4	Luật	EE2013	Vi xử lý	3	L07							7	8	9								113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Luật	EE2013	Vi xử lý	3	L06										0	1	2					205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hoàng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L15	1	2	3														303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hoàng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L13				4	5	6											303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hoàng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L17										0	1	2					303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Mỹ	402034	Điện tử y sinh học	3	A01										0	1	2					301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Anh	EE1007	Vật lý bán dẫn	3	L01	1	2	3														201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Anh	EE1007	Vật lý bán dẫn	3	L02				4	5	6											204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hiếu	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L08	1	2	3														209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
5	Hiếu	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L07				4	5	6											209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
5	Hiếu	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L09							7	8	9								209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
5	Hiếu	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L17										0	1	2					209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
5	Bảo	EE2013	Vi xử lý	3	L03	1	2	3														114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Bảo	EE2013	Vi xử lý	3	L02				4	5	6											205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hoàng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L03	1	2	3														303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hoàng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L07				4	5	6											303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hoàng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L11							7	8	9								303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hoàng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L05										0	1	2					303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Lâm	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	TND1										0	1	2					202B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		EE2014	Vi xử lý (tn)	3	TND4										0	1	2					202B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trang	402005	Xử lý T/hiệu số với Fpga	3	A01							7	8	9								307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Mỹ	402035	Quang điện tử	3	A01	1	2	3														213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	On	402705	Điện tử	4	P01	1	2	3	4													503C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							

6	Nghi	402705	Điện tử	4	P02							7	8	9	0							303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
6	Quân	EE1007	Vật lý bán dẫn	3	L04							7	8	9								401H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Quân	EE1007	Vật lý bán dẫn	3	L05										0	1	2					201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hạc	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L04	1	2	3														209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
6	Thịnh	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L03				4	5	6											209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
6	Thịnh	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L19							7	8	9								209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
6	Thịnh	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L22										0	1	2					209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
6	Thịnh	EE2013	Vi xử lý	3	L05							7	8	9								205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thịnh	EE2013	Vi xử lý	3	L04										0	1	2					205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		EE2014	Vi xử lý (tn)	3	A03	1	2	3														202B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thời	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L09	1	2	3														303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thời	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L19				4	5	6											303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hồng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	TND2				4	5	6											202B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hồng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	A01							7	8	9								202B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thời	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L08							7	8	9								303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hồng	EE2014	Vi xử lý (tn)	3	L12										0	1	2					303H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
7	Hạc	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L21							7	8	9								209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
7	Hạc	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	L02										0	1	2					209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
8	Hạc	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	A23	1	2	3														209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
8	Hạc	EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	A24				4	5	6											209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
8		EE1008	Vật lý bán dẫn (tn)	3	A25							7	8	9								209B3												2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
		402708	ĐAMH thiết kế kỹ thuật	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		EE2013	Vi xử lý	0	AU1																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
9		EE2014	Vi xử lý (tn)	0	AU1																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
		400009	ĐAMH điện năng 2	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400009	ĐAMH điện năng 2	0	A02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400009	ĐAMH điện năng 2	0	A03																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400009	ĐAMH điện năng 2	0	A04																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400009	ĐAMH điện năng 2	0	A05																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400009	ĐAMH điện năng 2	0	TNDD																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400016	ĐAMH điện 1	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400016	ĐAMH điện 1	0	TNDD																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400302	Thực tập tốt nghiệp	0	TNDD																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		400303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																											
9		400304	Thực tập kỹ thuật (KTD)	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		409304	Thực tập kỹ thuật (TD)	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		440302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		440302	Thực tập tốt nghiệp	0	TNDD																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		440303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																											
9		440304	Thực tập kỹ thuật (DTVT)	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Kỷ	403007	Tích Trữ Năng Lượng Htd	2	A01		2	3														201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tùng	403023	Thí nghiệm vật liệu điện	3	A01							7	8	9								PTNHTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Liêm	403116	ổn định hệ thống điện	3	A01				4	5	6											201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

5	Khôi	403001	Giải tích hệ thống điện	5	TNDD	1	2	3	4	5												203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thái	403001	Giải tích hệ thống điện	5	A02							7	8	9	0	1						309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nguyên	403005	Các Nguồn N/lượng & Nmd	3	A01										0	1	2					201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Khanh	403006	KTMT& Xử lý tín hiệu HTĐ	3	A01							7	8	9								201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Minh	403705	Năng lượng tái tạo	3	P01				4	5	6											207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Điều	403001	Giải tích hệ thống điện	5	A01	1	2	3	4	5												308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nam	403002	Tk Đường Dây&trạm Biếnáp	3	A01										0	1	2					301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Chương	403022	Vật liệu kỹ thuật điện	3	A01										0	1	2					201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		403700	Luận văn tốt nghiệp	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		403750	Thực tập tốt nghiệp	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		403751	Thực tập công nhân	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		403752	Thực tập kỹ thuật	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuấn	404002	Đo điện tử	3	A02	1	2	3														203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuấn	404002	Đo điện tử	3	A03				4	5	6											301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trí	404036	Giải tích mạch	2	A01							7	8									213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nam	404709	Điện - điện động học	4	P02							7	8	9	0							601C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
2	Cường	EE1011	Giải tích mạch	4	L01			3	4	5	6											304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Cường	EE1011	Giải tích mạch	4	L05									9	0	1	2					304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L06	1	2	3														102B3																		8	9	0	1	2			
2	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L16				4	5	6											102B3																		8	9	0	1	2			
2	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L18							7	8	9								102B3																		8	9	0	1	2			
2	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L05										0	1	2					102B3																		8	9	0	1	2			
3	Việt	404010	Thí nghiệm mạch điện tử	3	A01										0	1	2					102B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuấn	404026	Thí nghiệm đo điện tử	3	A01							7	8	9								102B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nam	404709	Điện - điện động học	4	P01							7	8	9	0							503C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Tuấn	EE1011	Giải tích mạch	4	L08	1	2	3	4													103H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Nghĩa	EE1011	Giải tích mạch	4	L09	1	2	3	4													202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Cường	EE1011	Giải tích mạch	4	L03									9	0	1	2					304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Phương	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L13	1	2	3														102B3																		8	9	0	1	2			
3	Phương	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L14				4	5	6											102B3																		8	9	0	1	2			
3	Phương	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L01							7	8	9								102B3																		8	9	0	1	2			
3	Phương	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L15										0	1	2					102B3																		8	9	0	1	2			
4	Tuấn	404002	Đo điện tử	3	A04							7	8	9								314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuấn	404002	Đo điện tử	3	A01										0	1	2					210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Cường	404030	Tn mạch điện C (vlkt)	3	A01							7	8	9								102B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Duy	404037	Toán kỹ thuật	3	A01										0	1	2					213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Kiểm	EE1011	Giải tích mạch	4	L02	1	2	3	4													303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Mai	EE1011	Giải tích mạch	4	L07			3	4	5	6											101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Trí	EE1011	Giải tích mạch	4	L04							7	8	9	0							401H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Nam	EE1011	Giải tích mạch	4	L06							7	8	9	0							404H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L10	1	2	3														102B3																		8	9	0	1	2			
4	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	A23				4	5	6											102B3														4		6		8		0		2			
4	Phương	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L11				4	5	6											102B3													3		5		7		9		1				
4	Phương	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L20							7	8	9								102B3																		8	9	0	1	2			

4	Phương	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	A24										0	1	2					102B3														4		6		8		0		2			
4	Cường	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L12										0	1	2					102B3													3		5		7		9		1				
5	Việt	404001	Tín hiệu & hệ thống	4	A01	1	2	3	4													501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Việt	404004	Trường điện từ	4	A01							7	8	9	0							214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Trí	404036	Giải tích mạch	3	A01	1	2	3														315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Mai	404710	Biến đổi t/hiệu số&ứdụng	2	P01	1	2															502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Mai	404710	Biến đổi t/hiệu số&ứdụng	2	P02				4	5												503C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nghĩa	404711	Bdiễn &xlý t/hiệu nnhiên	3	P01	1	2	3														207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nghĩa	404712	Các tính chất phổ	2	P01								8	9								206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L07	1	2	3														102B3																		8	9	0	1	2			
5	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L08				4	5	6											102B3																		8	9	0	1	2			
5	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L17							7	8	9								102B3																		8	9	0	1	2			
5	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L09										0	1	2					102B3																		8	9	0	1	2			
6	Phương	404026	Thí nghiệm đo điện tử	3	A02							7	8	9								102B3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Mai	EE1011	Giải tích mạch	4	A10							7	8	9	0							214B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L03	1	2	3														102B3																		8	9	0	1	2			
6	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L04				4	5	6											102B3																		8	9	0	1	2			
6	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L22							7	8	9								102B3																		8	9	0	1	2			
6	Duy	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L19										0	1	2					102B3																		8	9	0	1	2			
7	Phương	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L02							7	8	9								102B3																		8	9	0	1	2			
7	Phương	EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	L21										0	1	2					102B3																		8	9	0	1	2			
8		EE1012	Giải tích mạch (tn)	3	A25										0	1	2					102B3														4		6		8		0		2			
2	Nhân	405003	Mạch điện tử thông tin	4	A02							7	8	9	0							214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Dũng	405004	Mạch điện tử nâng cao	3	A03	1	2	3														301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Khương	405005	Thông tin di động	3	A01	1	2	3														202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Kha	405018	C/đề N/cao X/lý Tín Hiệu	3	A01				4	5	6											202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Đức	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	3	A01				4	5	6											303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Dũng	405104	Anten truyền sóng	4	A01									9	0	1	2					502B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A14	1	2	3														209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2		405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A07				4	5	6											209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2		405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A29				4	5	6											209B1													3	4	5	6	7								
2	Sơn	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A15							7	8	9								209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Sơn	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A23							7	8	9								209B1													3	4	5	6	7								
2	Sơn	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A24										0	1	2					209B1													3	4	5	6	7								
2	Sơn	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A26										0	1	2					209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Phát	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A17	1	2	3														112B3	1	2	3			6	7	8	9																
2	Phát	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A16				4	5	6											112B3	1	2	3			6	7	8	9																
2	Châu	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A12							7	8	9								112B3	1	2	3			6	7	8	9																
2	Anh	EE2015	Xử lý số tín hiệu	3	L03	1	2	3														113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Anh	EE2015	Xử lý số tín hiệu	3	L02				4	5	6											113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phát	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L13	1	2	3														112B3													3	4	5	6	7								
2	Phát	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L18				4	5	6											112B3													3	4	5	6	7								
2	Châu	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L19							7	8	9								112B3													3	4	5	6	7								
2	Châu	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L15										0	1	2					112B3													3	4	5	6	7								

3		405002	Truyền số liệu & mạng	4	A01	1	2	3	4													301C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuấn	405003	Mạch điện tử thông tin	4	A03	1	2	3	4													313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Chiến	405003	Mạch điện tử thông tin	4	TNDD							7	8	9	0							206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thái	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A04	1	2	3														209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Thái	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A06				4	5	6											209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Phát	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A25				4	5	6											209B1													3	4	5	6	7								
3	Thái	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A02							7	8	9								209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Thái	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A01										0	1	2					209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3	Châu	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A01	1	2	3														112B3	1	2	3			6	7	8	9																
3	Châu	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A19				4	5	6											112B3	1	2	3			6	7	8	9																
3	Phát	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A08							7	8	9								112B3	1	2	3			6	7	8	9																
3	Phát	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A04										0	1	2					112B3	1	2	3			6	7	8	9																
3	Thường	EE2015	Xử lý số tín hiệu	3	TND1										0	1	2					201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Châu	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L09	1	2	3														112B3													3	4	5	6	7								
3	Châu	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L07				4	5	6											112B3													3	4	5	6	7								
3	Phát	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L11							7	8	9								112B3													3	4	5	6	7								
3	Phát	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L10										0	1	2					112B3													3	4	5	6	7								
4	Đức	405001	Mạch điện tử	4	A01	1	2	3	4													213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Chiến	405003	Mạch điện tử thông tin	4	A01	1	2	3	4													314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hùng	405004	Mạch điện tử nâng cao	3	TNDD	1	2	3														206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Vinh	405004	Mạch điện tử nâng cao	3	A01							7	8	9								301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Khương	405009	C/đề Nâng Cao Trong Kttt	3	A01				4	5	6											202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		405014	PPsố trong trường điệntừ	3	A01	1	2	3														202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dũng	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A09	1	2	3														209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Dũng	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A27				4	5	6											209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Dũng	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A08							7	8	9								209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Dũng	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A11										0	1	2					209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Vinh	405109	Xử lý số tín hiệu	3	A01										0	1	2					305B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuấn	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A18	1	2	3														112B3	1	2	3			6	7	8	9																
4	Tuấn	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A07				4	5	6											112B3	1	2	3			6	7	8	9																
4	Kha	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A20							7	8	9								112B3	1	2	3			6	7	8	9																
4	Kha	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A06										0	1	2					112B3	1	2	3			6	7	8	9																
4	Thường	405715	Xlý các tínhiệu tgtự &số	3	P01				4	5	6											303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Kha	EE2015	Xử lý số tín hiệu	3	TND2				4	5	6											202B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuấn	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L06	1	2	3														112B3													3	4	5	6	7								
4	Tuấn	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L05				4	5	6											112B3													3	4	5	6	7								
4		EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	A03							7	8	9								112B3													3	4	5	6	7								
4	Kha	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	A01										0	1	2					112B3													3	4	5	6	7								
5	Hùng	405004	Mạch điện tử nâng cao	3	A02										0	1	2					302B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thái	405008	Thông tin quang	3	A01				4	5	6											401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Cường	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	3	TNDD	1	2	3														206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hà	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A22	1	2	3														209B1													3	4	5	6	7								
5	Hà	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A31	1	2	3														209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
5	Hà	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A10				4	5	6											209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													

5	Sơn	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A24				4	5	6											209B1											3	4	5	6	7								
5		405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A18							7	8	9								209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
5		405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A29							7	8	9								209B1											3	4	5	6	7								
5		405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A30										0	1	2					209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
5	Phát	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A03	1	2	3														112B3	1	2	3			6	7	8	9														
5	Phát	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A09				4	5	6											112B3	1	2	3			6	7	8	9														
5	Ngọc	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A14							7	8	9								112B3	1	2	3			6	7	8	9														
5	Ngọc	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A10										0	1	2					112B3	1	2	3			6	7	8	9														
5	Châu	EE2015	Xử lý số tín hiệu	3	L06	1	2	3														202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Châu	EE2015	Xử lý số tín hiệu	3	L07				4	5	6											206H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
5	Phát	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L12	1	2	3														112B3											3	4	5	6	7								
5	Ngọc	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L08							7	8	9								112B3											3	4	5	6	7								
5	Ngọc	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L04										0	1	2					112B3											3	4	5	6	7								
6	Sơn	405006	Mạng viễn thông	3	A01							7	8	9								308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Trà	405015	Mạng máy tính	3	A01							7	8	9								301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Nghĩa	405016	C/đề Về Kt Chuyển Mạch	3	A01	1	2	3														202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Anh	405017	X/lý ảnh&xử lý tiếng nói	3	A01										0	1	2					202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Nhân	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	3	A03	1	2	3														210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Hà	405030	Kỹ thuật siêu cao tần	3	A02				4	5	6											303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Phát	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A16	1	2	3														209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Phát	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A25	1	2	3														209B1											3	4	5	6	7								
6	Phát	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A28				4	5	6											209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Phát	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A03							7	8	9								209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Hà	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A22							7	8	9								209B1											3	4	5	6	7								
6	Phát	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A12										0	1	2					209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
6	Sơn	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A23										0	1	2					209B1											3	4	5	6	7								
6	Anh	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A02	1	2	3														112B3	1	2	3			6	7	8	9														
6	Anh	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A15				4	5	6											112B3	1	2	3			6	7	8	9														
6	Phát	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A13							7	8	9								112B3	1	2	3			6	7	8	9														
6	Phát	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A05										0	1	2					112B3	1	2	3			6	7	8	9														
6	Trà	405713	Thông tin dữ liệu - mạng	3	P01										0	1	2					301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0			
6	Tuấn	EE2015	Xử lý số tín hiệu	3	L05	1	2	3														205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Tuấn	EE2015	Xử lý số tín hiệu	3	L04				4	5	6											205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Vinh	EE2015	Xử lý số tín hiệu	3	A01										0	1	2					314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Anh	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L03	1	2	3														112B3											3	4	5	6	7								
6	Anh	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L17				4	5	6											112B3											3	4	5	6	7								
6	Phát	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	A02							7	8	9								112B3											3	4	5	6	7								
6	Phát	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L16										0	1	2					112B3											3	4	5	6	7								
7	Hùng	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A17							7	8	9								209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
7	Hùng	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A19										0	1	2					209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
7	Vinh	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	L14							7	8	9								112B3											3	4	5	6	7								
8	Hùng	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A05	1	2	3														209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
8	Hùng	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A13				4	5	6											209B1	1	2	3				7	8	9	0	1	2	3										
8	Phát	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A21							7	8	9								209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											

8	Phát	405108	T/nghiệm truyền số liệu	3	A20									0	1	2					209B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2												
8	Vinh	405110	TN xử lý số tín hiệu	3	A11						7	8	9								112B3	1	2	3			6	7	8	9															
8	Vinh	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	TND2	1	2	3													112B3													3	4	5	6	7							
8	Vinh	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	TND3						7	8	9								112B3													3	4	5	6	7							
8	Vinh	EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	TND1									0	1	2					112B3													3	4	5	6	7							
8		EE2016	Xử lý số tín hiệu (tn)	3	TND4									0	1	2					112B3													3	4	5	6	7							
		405004	Mạch điện tử nâng cao	0	AU1																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
9		405030	Kỹ thuật siêu cao tần	0	AU1																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
9		405102	ĐAMH điệntử viễn thông 1	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	0	A02																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	0	A03																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	0	A04																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	0	A05																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	0	A06																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	0	A07																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405103	ĐAMH điệntử viễn thông 2	0	TNDD																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405700	Luận văn tốt nghiệp	0	P01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405750	Thực tập tốt nghiệp	0	P01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405751	Thực tập công nhân	0	P01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		405752	Thực tập kỹ thuật	0	P01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Trọng	406002	Thực tập điện 2	5	A08	1	2	3	4	5											PTTMD	1	2	3			6	7	8	9	0														
2	Phong	406002	Thực tập điện 2	5	A01							8	9	0	1	2					PTTMD	1	2	3			6	7	8	9	0														
2	ánh	EE2011	Kỹ thuật điện-điện tử	4	L03						7	8	9	0							304H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Quốc	EE2025	Thực tập điện 1	5	L02							8	9	0	1	2					014H6										1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Phong	406002	Thực tập điện 2	5	A05	1	2	3	4	5											PTTMD	1	2	3			6	7	8	9	0														
3	Hòa	406002	Thực tập điện 2	5	A02							8	9	0	1	2					PTTMD	1	2	3			6	7	8	9	0														
3	Đính	406009	Kỹ thuật điện	3	A01				4	5	6										213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Hơn	EE1005	Kỹ thuật điện	4	L01	1	2	3	4												301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Hơn	EE2011	Kỹ thuật điện-điện tử	4	L05						7	8	9	0							212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Phong	EE2025	Thực tập điện 1	5	TND1	1	2	3	4	5											PTTMD										1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Quốc	EE2025	Thực tập điện 1	5	L07							8	9	0	1	2					014H6										1	2	3	4	5	6	7	8							
4	Hòa	406002	Thực tập điện 2	5	A06	1	2	3	4	5											PTTMD	1	2	3			6	7	8	9	0														
4	Phong	406002	Thực tập điện 2	5	A07							8	9	0	1	2					PTTMD	1	2	3			6	7	8	9	0														
4	ánh	EE2011	Kỹ thuật điện-điện tử	4	L04						7	8	9	0							112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Hòa	EE2025	Thực tập điện 1	5	L05							8	9	0	1	2					014H6										1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Phong	406002	Thực tập điện 2	5	A03							8	9	0	1	2					PTTMD	1	2	3			6	7	8	9	0														
5	Tú	EE2011	Kỹ thuật điện-điện tử	4	L02	1	2	3	4												311H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Tú	EE2011	Kỹ thuật điện-điện tử	4	L01						7	8	9	0							412H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Trọng	EE2025	Thực tập điện 1	5	A01	1	2	3	4	5											PTTMD										1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Phong	EE2025	Thực tập điện 1	5	L04							8	9	0	1	2					014H6										1	2	3	4	5	6	7	8							
6	Hòa	406002	Thực tập điện 2	5	A04							8	9	0	1	2					PTTMD	1	2	3			6	7	8	9	0														
6	Quốc	EE2025	Thực tập điện 1	5	L03	1	2	3	4	5											014H6										1	2	3	4	5	6	7	8							
6	Quốc	EE2025	Thực tập điện 1	5	L06						7	8	9	0	1						014H6										1	2	3	4	5	6	7	8							

8		406002	Thực tập điện 2	5	A01		2	3	4	5	6											PTTMD	1																						
8		406002	Thực tập điện 2	5	A02		2	3	4	5	6											PTTMD		2																					
8		406002	Thực tập điện 2	5	A03		2	3	4	5	6											PTTMD			3																				
8		406002	Thực tập điện 2	5	A04		2	3	4	5	6											PTTMD						6																	
8		406002	Thực tập điện 2	5	A05		2	3	4	5	6											PTTMD							7																
8		406002	Thực tập điện 2	5	A06		2	3	4	5	6											PTTMD								8															
8		406002	Thực tập điện 2	5	A07		2	3	4	5	6											PTTMD									9														
8		406002	Thực tập điện 2	5	A08		2	3	4	5	6											PTTMD										0													
8		EE2025	Thực tập điện 1	5	A01							7	8	9	0	1						PTTMD											1													
8		EE2025	Thực tập điện 1	5	L02							7	8	9	0	1						014H6												2												
8		EE2025	Thực tập điện 1	5	L03							7	8	9	0	1						014H6													3											
8		EE2025	Thực tập điện 1	5	L04							7	8	9	0	1						014H6														4										
8		EE2025	Thực tập điện 1	5	L05							7	8	9	0	1						014H6															5									
8		EE2025	Thực tập điện 1	5	L06							7	8	9	0	1						014H6																6								
8		EE2025	Thực tập điện 1	5	L07							7	8	9	0	1						014H6																	7							
8		EE2025	Thực tập điện 1	5	TND1							7	8	9	0	1						PTTMD																		8							
	Tín	407702	ĐAMH tin học	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Thịnh	410008	Thực tập điện tử 1	6	A04	1	2	3	4	5	6											PTTDT	1	2	3			6	7	8	9	0														
2	Thịnh	410008	Thực tập điện tử 1	6	A03							7	8	9	0	1	2					PTTDT	1	2	3			6	7	8	9	0														
2	Thịnh	EE2023	Thực tập điện tử 1	6	L07	1	2	3	4	5	6											PTTDT											1	2	3	4	5	6	7	8							
2	Kỵ	EE2023	Thực tập điện tử 1	6	L06							7	8	9	0	1	2					PTTDT											1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Thịnh	410008	Thực tập điện tử 1	6	TNDD	1	2	3	4	5	6											PTTDT	1	2	3			6	7	8	9	0														
3	Luân	EE2023	Thực tập điện tử 1	6	L05	1	2	3	4	5	6											PTTDT											1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Luân	EE2023	Thực tập điện tử 1	6	L04							7	8	9	0	1	2					PTTDT											1	2	3	4	5	6	7	8							
4	Lộc	410008	Thực tập điện tử 1	6	A02	1	2	3	4	5	6											PTTDT	1	2	3			6	7	8	9	0														
4	Lộc	EE2023	Thực tập điện tử 1	6	A01	1	2	3	4	5	6											PTTDT											1	2	3	4	5	6	7	8							
4	Kỵ	EE2023	Thực tập điện tử 1	6	L03							7	8	9	0	1	2					PTTDT											1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Lộc	410008	Thực tập điện tử 1	6	A05	1	2	3	4	5	6											PTTDT	1	2	3			6	7	8	9	0														
5	Hơn	410008	Thực tập điện tử 1	6	A01							7	8	9	0	1	2					PTTDT	1	2	3			6	7	8	9	0														
5	Hơn	EE2023	Thực tập điện tử 1	6	TND1	1	2	3	4	5	6											PTTDT											1	2	3	4	5	6	7	8							
6	Hơn	410008	Thực tập điện tử 1	6	A07	1	2	3	4	5	6											PTTDT	1	2	3			6	7	8	9	0														
6	Hơn	410008	Thực tập điện tử 1	6	A06							7	8	9	0	1	2					PTTDT	1	2	3			6	7	8	9	0														
6	Kỵ	EE2023	Thực tập điện tử 1	6	L02							7	8	9	0	1	2					PTTDT											1	2	3	4	5	6	7	8							
2	Tài	401025	Kỹ thuật điện lạnh	3	A01				4	5	6											201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Dũng	408001	Biến đổi n/lượng điện cơ	3	A01							7	8	9								305B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hơn	408003	Máy điện	2	TNDD											1	2					201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Lộc	EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	3	L04	1	2	3														114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Lộc	EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	3	L03				4	5	6											114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	A01	1	2	3														PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L03	1	2	3														003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L09				4	5	6											003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	TND3										0	1	2					PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	TND4										0	1	2					PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Tú	408003	Máy điện	2	A02							7	8									214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							

3	Binh	408003	Máy điện	2	A01								9	0							315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		408003	Máy điện	2	A03										1	2					214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Long	408706	Mạch từ & máy biến thế	2	P01									0	1						502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9						
3	Phúc	408709	Thiết Kế Máy Điệnquay Cs	3	P01				4	5	6										206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Cường	EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	3	L06	1	2	3													412H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	ánh	EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	3	L07				4	5	6										305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phúc	EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	3	A01									0	1	2					305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L15	1	2	3													003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L13				4	5	6										003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L08									0	1	2					003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tú	408003	Máy điện	2	A02								9	0							214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Binh	408003	Máy điện	2	A01										1	2					215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hơn	408003	Máy điện	2	TNDD										1	2					206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tâm	408005	Thí nghiệm máy điện	3	A01							7	8	9							PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tú	408006	C/biến,đolường &tsl htnl	3	A01	1	2	3													201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dũng	408010	HTNL trg g/thông vận tải	3	A01									0	1	2					201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Cường	408011	T/bị Điện Trong Pp Điện	3	A01							7	8	9							201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phúc	408707	Bức xạ,bao bọc,giao thoa	3	P01	1	2	3													207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	ánh	EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	3	L02	1	2	3													205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Binh	EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	3	L05				4	5	6										208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L16	1	2	3													003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	TND2	1	2	3													PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L07				4	5	6										003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L14							7	8	9							003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	TND1									0	1	2					PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tâm	408005	Thí nghiệm máy điện	3	A03							7	8	9							PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tâm	408005	Thí nghiệm máy điện	3	A02									0	1	2					PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L04	1	2	3													003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L05				4	5	6										003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L12							7	8	9							003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		408003	Máy điện	2	A03									0	1						303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Binh	408008	Q/lý& sử dụng năng lượng	3	A01									0	1	2					212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nam	408012	TK dùng m/tính điện năng	3	A01							7	8	9							201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Dũng	408708	Các Ưdụng Cng Của Đnăng	2	P01					5	6										206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Long	EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	3	TND2	1	2	3													202B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nam	EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	3	TND1				4	5	6										202B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	A02	1	2	3													PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L11				4	5	6										003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	A03							7	8	9							PTNKTD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L06							7	8	9							003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tâm	EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	3	L10									0	1	2					003H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		EE2017	Cơ sở kỹ thuật điện	0	AU1																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
9		EE2018	Cơ sở kỹ thuật điện (tn)	0	AU1																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
2	Hoàng	404019	Đo lường công nghiệp	3	A02									0	1	2					315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

2	Dũng	409002	TN cơ sở tự động	3	A15	1	2	3														TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
2	An	409002	TN cơ sở tự động	3	A14							7	8	9								TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
2	An	409002	TN cơ sở tự động	3	A11										0	1	2					TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
2	Hảo	409014	Lt Điều khiển nâng cao	2	A01								8	9								314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hoàng	409014	Lt Điều khiển nâng cao	2	TNDD										0	1						206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Quốc	409107	SCADA	3	A02										0	1	2					402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Sỹ	409111	Thí nghiệm tự động hóa	3	A01							7	8	9								TNTDH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		EE2019	Cơ sở tự động	3	L05										0	1	2					114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L07				4	5	6											102H6								8		0		2		4		6									
2		EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L12				4	5	6											102H6							7		9		1		3		5									
2		EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L11							7	8	9								102H6								8		0		2		4		6									
3	Hoàng	404019	Đo lường công nghiệp	3	A01	1	2	3														314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		404019	Đo lường công nghiệp	3	TNDD							7	8	9								207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Dũng	409002	TN cơ sở tự động	3	A18	1	2	3														TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
3	Dũng	409002	TN cơ sở tự động	3	A03				4	5	6											TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
3	Sỹ	409002	TN cơ sở tự động	3	A04							7	8	9								TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
3	Sỹ	409002	TN cơ sở tự động	3	A07										0	1	2					TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
3	Hoàng	409004	Tin học công nghiệp	3	A01										0	1	2					202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hảo	409005	H/thống điều khiển nhúng	3	A01							7	8	9								202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thành	409007	Trí tuệ nhân tạo trongđk	3	A01	1	2	3														215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hoàng	409014	Lt Điều khiển nâng cao	2	A02								8	9								307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hảo	409014	Lt Điều khiển nâng cao	2	A01										0	1						301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lăng	409020	Cơ sở tự động học	3	A01							7	8	9								601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phương	409030	Điện tử công suất &ứdụng	3	A01							7	8	9								301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phương	409030	Điện tử công suất &ứdụng	3	A02										0	1	2					307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hà	409703	Tự động hóa,ktra &đkhiển	3	P01										0	1	2					207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
3	Huyền	EE2019	Cơ sở tự động	3	L03	1	2	3														114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hảo	EE2019	Cơ sở tự động	3	A01				4	5	6											314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hoàng	EE2019	Cơ sở tự động	3	TND2							7	8	9								201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tùng	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L03				4	5	6											102H6								8		0		2		4		6									
3	Tùng	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L17							7	8	9								102H6								8		0		2		4		6									
3	Tùng	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L04										0	1	2					102H6							7		9		1		3		5									
4	Thuần	409002	TN cơ sở tự động	3	A08	1	2	3														TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
4	Thuần	409002	TN cơ sở tự động	3	A17				4	5	6											TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
4	Sỹ	409002	TN cơ sở tự động	3	A05							7	8	9								TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
4	Sỹ	409002	TN cơ sở tự động	3	A19										0	1	2					TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
4	Tùng	409010	Mạng công nghiệp	3	A02	1	2	3														301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tùng	409010	Mạng công nghiệp	3	A01				4	5	6											203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Quốc	409013	T/bị điều khiển thủy khí	3	A01	1	2	3														203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		409035	Kỹ thuật Robot	3	A02				4	5	6											301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hoàng	409106	PLC	3	A01							7	8	9								302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tài	409109	Đo lường đk bằng mtính	3	A02	1	2	3														303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thành	409109	Đo lường đk bằng mtính	3	TNDD				4	5	6											206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Huyền	EE2019	Cơ sở tự động	3	L04	1	2	3														302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

4	Huyền	EE2019	Cơ sở tự động	3	L02				4	5	6											205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hoàng	EE2019	Cơ sở tự động	3	TND3							7	8	9								201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	EE2019	Cơ sở tự động	3	L07										0	1	2					113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dũng	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L13	1	2	3														102H6								8		0		2		4		6									
4	Dũng	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L14	1	2	3														102H6							7		9		1		3		5									
4	Dũng	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L09				4	5	6											102H6								8		0		2		4		6									
5	Phương	409001	Cơ sở tự động	4	A01	1	2	3	4													301C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thuần	409002	TN cơ sở tự động	3	A06	1	2	3														TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
5	Thuần	409002	TN cơ sở tự động	3	A20				4	5	6											TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
5	Huyền	409002	TN cơ sở tự động	3	A10							7	8	9								TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
5	Hoàng	409004	Tin học công nghiệp	3	A02							7	8	9								301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hoàng	409014	Lt Điều khiển nâng cao	2	A02								8	9								307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hoàng	409014	Lt Điều khiển nâng cao	2	TNDD											1	2					206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Kiểm	409030	Điện tử công suất &ứdụng	3	TNDD								8	9	0							206B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tài	409109	Đo lường đk bằng mtính	3	A01	1	2	3														314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nghĩa	409702	Tương tự & các mô hình	3	P02	1	2	3														206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	An	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L15	1	2	3														102H6								8		0		2		4		6									
5	An	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L16	1	2	3														102H6							7		9		1		3		5									
5	An	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L06				4	5	6											102H6							7		9		1		3		5									
5	An	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L10							7	8	9								102H6							7		9		1		3		5									
5	Hảo	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	A01										0	1	2					TNDKTD								8		0		2		4		6									
5	Hảo	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	A02										0	1	2					TNDKTD							7		9		1		3		5									
5	An	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L18										0	1	2					102H6							7		9		1		3		5									
5	An	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L19										0	1	2					102H6								8		0		2		4		6									
6	Tùng	409002	TN cơ sở tự động	3	A16	1	2	3														TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
6	Tùng	409002	TN cơ sở tự động	3	A09				4	5	6											TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
6	Huyền	409002	TN cơ sở tự động	3	A01							7	8	9								TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
6		409002	TN cơ sở tự động	3	A02										0	1	2					TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
6	Quốc	409013	T/bị điều khiển thủy khí	3	A02				4	5	6											301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		409035	Kỹ thuật Robot	3	A01				4	5	6											203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Quốc	409107	SCADA	3	A01	1	2	3														203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nghĩa	409702	Tương tự & các mô hình	3	P01							7	8	9								503C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hà	409703	Tự động hóa,ktra &đkhiển	2	P01			3	4													501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
6	Tài	EE2019	Cơ sở tự động	3	L06	1	2	3														302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tài	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L05							7	8	9								102H6								8		0		2		4		6									
6	Tài	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	L08										0	1	2					102H6							7		9		1		3		5									
7	Tùng	409002	TN cơ sở tự động	3	A12							7	8	9								TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
7	Tùng	409002	TN cơ sở tự động	3	A13										0	1	2					TNDKTD	1	2	3			6	7	8																	
8	Thuần	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	TND2				4	5	6											TNDKTD								8		0		2		4		6									
8	Sỹ	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	TND1							7	8	9								TNDKTD							7		9		1		3		5									
8		EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	TND4							7	8	9								TNDKTD							7		9		1		3		5									
8		EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	A03										0	1	2					TNDKTD								8		0		2		4		6									
8	Sỹ	EE2020	Cơ sở tự động (tn)	3	TND3										0	1	2					TNDKTD							7		9		1		3		5									
		409036	ĐAMH điều khiển tự động2	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

9		409036	ĐAMH điều khiển tự động2	0	A02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		409036	ĐAMH điều khiển tự động2	0	A03																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		409036	ĐAMH điều khiển tự động2	0	A04																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		409036	ĐAMH điều khiển tự động2	0	TNDD																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		409108	ĐAMH đk tự động 1	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		409302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		409302	Thực tập tốt nghiệp	0	TNDD																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		409303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																											
9		409303	Luận văn tốt nghiệp	0	TNDD																																											
9		EE2019	Cơ sở tự động	0	AU1																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
9		EE2020	Cơ sở tự động (tn)	0	AU1																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
2		SP1007	Ph/luật ViệtNam đạicương	2	L03	1	2															412H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		SP1007	Ph/luật ViệtNam đạicương	2	L01			3	4													412H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		SP1007	Ph/luật ViệtNam đạicương	2	L02					5	6											412H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	3	P01	1	2	3														604C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3		008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	3	P02				4	5	6											601C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4		008001	Pháp luật Việt Nam đ/c	3	A01	1	2	3														212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thắng	206001	Thí nghiệm ô tô 1	3	A06							7	8	9								501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thắng	206001	Thí nghiệm ô tô 1	3	A03										0	1	2					503C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trí	206033	Sửa chữa ô tô	3	A01				4	5	6											302B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Dũng	206035	Nliệu dmở_cl chuyên dùng	3	A01	1	2	3														601C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thắng	206001	Thí nghiệm ô tô 1	3	A02							7	8	9								401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thắng	206001	Thí nghiệm ô tô 1	3	A01										0	1	2					401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trí	206002	Thí nghiệm ô tô 2	3	A03							7	8	9								TNKTGT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trí	206002	Thí nghiệm ô tô 2	3	A04										0	1	2					TNKTGT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Dũng	206025	Động cơ đốt trong	3	A01							7	8	9								304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trí	206033	Sửa chữa ô tô	3	A02	1	2	3														403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
3	Cường	206125	TT bảo dưỡng sửachữa ôtô	4	A01	1	2	3	4													TNKTGT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Long	TR2013	Kết cấu ô tô	4	L02	1	2	3	4													214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Công	TR2019	Động cơ đốt trong	4	L01	1	2	3	4													201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thông	206113	Th/kế động cơ đốt trong	2	A01								8	9								302C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Khải	206134	CAD ứngdụng trong tk ôtô	3	A01				4	5	6											404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thắng	206001	Thí nghiệm ô tô 1	3	A05							7	8	9								601C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thắng	206001	Thí nghiệm ô tô 1	3	A04										0	1	2					601C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Trí	206002	Thí nghiệm ô tô 2	3	A02										0	1	2					TNKTGT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Cường	206125	TT bảo dưỡng sửachữa ôtô	4	A02	1	2	3	4													TNKTGT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Long	206131	Công nghệ ô tô	3	A01							7	8	9								402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hùng	206002	Thí nghiệm ô tô 2	3	A01										0	1	2					TNKTGT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trí	206029	Hệ thống điện - đ/tử ôtô	3	A01										0	1	2					302C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Dũng	206035	Nliệu dmở_cl chuyên dùng	3	A02										0	1	2					401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
6	Anh	206036	Đkhiển tự động trên ôtô	3	A01				4	5	6											402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thông	206113	Th/kế động cơ đốt trong	2	A01								8	9								302C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nhân	206129	Mô phỏng động cơ Đt& Ôtô	3	A01	1	2	3														402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Long	TR2013	Kết cấu ô tô	4	L01	1	2	3	4													305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Công	TR2019	Động cơ đốt trong	4	L02	1	2	3	4													213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
	Long	206030	ĐAMH3: thiết kế ô tô	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Hùng	206031	ĐAMH2:tk đ/cơ đốt trong	0	A01																		1	2	3				7	8	9	0	1	2	3	4	5										
9	Hùng	206147	Thực tập kỹ thuật	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Nhân	206302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Nhân	206303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Thiện	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	4	L04			3	4	5	6											203H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Chí	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	4	L05							7	8	9	0							403H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4	Thảo	TR1005	Cơ học thủy khí	4	L02			3	4	5	6											403H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4	ánh	TR1005	Cơ học thủy khí	4	L03							7	8	9	0							303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
5	Thiện	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	4	L03	1	2	3	4													309H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
5	Anh	TR1005	Cơ học thủy khí	4	L01	1	2	3	4													303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
5	Anh	TR1005	Cơ học thủy khí	4	L04							7	8	9	0							305H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuân	TR2005	Cơ học vật rắn biến dạng	4	L01	1	2	3	4													405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thiện	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	4	L01	1	2	3	4													101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
6	Chí	TR1003	Vẽ kỹ thuật giao thông	4	L02							7	8	9	0							403H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Anh	213031	KCHK4:Tối ưu hóa kết cấu	3	A01	1	2	3														303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiếu	213033	Đồ họa vi tính & cad	3	A01										0	1	2					502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	ánh	213045	TN kỹ thuật hàng không 1	3	A02	1	2	3														TNKTHK	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Anh	213047	Kchk2:pt Kết cấu máy bay	3	A01										0	1	2					303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tống	213064	Cơ học bay không gian	3	A01				4	5	6											303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	213042	Máy thủy khí	3	A01							7	8	9								301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hiếu	213048	Khí động lực học 3	3	A01										0	1	2					501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tống	213060	Động cơ gió	3	A01	1	2	3														303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	213066	Khí đàn hồi	3	A01				4	5	6											303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	213714	Cơ học chất lỏng & ưdụng	2	P01	1	2															206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	213715	Tính đàn hồi khí độnghọc	2	P01										0	1						206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiếu	213003	Cơ học bay 1	3	A01	1	2	3														401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	ánh	213035	Máy bay trực thăng	3	A01	1	2	3														303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tri	213046	H/thống lực đẩy máy bay1	3	A01										0	1	2					404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiếu	213054	PT thiết kế hệ đ/khiển	3	A01							7	8	9								404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiếu	213714	Cơ học chất lỏng & ưdụng	2	P02							7	8									206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	213716	Động cơ & bộ dẫn tiến	2	P01				4	5												207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiếu	TR2011	Khí động lực học 1	3	L01										0	1	2					210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thảo	201708	Các ctrúchk-c/học pháhủy	3	P01				4	5	6											206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tống	213016	Nghiên cứu & thuyếttrình	2	A01	1	2															303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Cang	213016	Nghiên cứu & thuyếttrình	2	A02				4	5												303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	ánh	213018	Thiết kế máy bay 2	3	A01	1	2	3														502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thảo	213045	TN kỹ thuật hàng không 1	3	A01										0	1	2					TNKTHK	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiếu	404708	Các hệ thời gian thực 2	3	P01										0	1	2					206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiếu	TR2031	Thực tập kỹ thuật (HKG)	6	L01	1	2	3	4	5	6											TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiếu	TR2031	Thực tập kỹ thuật (HKG)	6	L01							7	8	9	0	1	2					TTNT27	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
7	Bảo	213022	Điện & điện tử máy bay	3	A01										0	1	2					202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
7	Bảo	213717	Điện tử hàng không	2	P01								8	9								202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

	Anh	213065	Thực tập kỹ thuật	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	ánh	213302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Anh	213303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
9	Anh	213700	Luận văn tốt nghiệp	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Hiếu	213719	ĐAMH thiết kế kỹ thuật	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Hiếu	213750	Thực tập tốt nghiệp	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Thảo	213751	Thực tập công nhân	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Thảo	213752	Thực tập kỹ thuật	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiển	208011	Thiết kế tàu thủy	2	A01				4	5												401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Cang	208030	Đ/tàu&t/chức nm đóng tàu	3	A01	1	2	3														401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thiện	208005	TN kỹ thuật hàng hải 1	3	A01	1	2	3														TNTAU	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thiện	208005	TN kỹ thuật hàng hải 1	3	A03				4	5	6											TNTAU	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thiện	208005	TN kỹ thuật hàng hải 1	3	A02									0	1	2						TNTAU	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuân	208014	Rung động tàu	3	A01				4	5	6											401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Cang	208023	TK tàu với sự hỗ trợ mt	3	A01	1	2	3														401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Chí	TR2017	Thiếtbị n/lượng tàuthủy1	3	L01				4	5	6											405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiển	208011	Thiết kế tàu thủy	2	A01	1	2															501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuân	208013	Độ bền K/cấu Vl Composit	3	A01									0	1	2						402C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dân	208016	G/sát đóng mới tàu thủy	3	A01			3	4	5												501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tạo	TR2015	Lýthuyết t/thủy1-tĩnhhọc	4	L01	1	2	3	4													402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chí	208006	Tb năng lượng tàu thủy 2	4	A01							7	8	9	0							211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hiển	208021	Đ/lực học ct ngoài khơi	3	A01			3	4	5												302C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dân	TR2033	Kỹ thuật chế tạo	4	L01							7	8	9	0							210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiển	208007	LT tthủy 2(động lực học)	4	A01									9	0	1	2					211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tạo	208027	Kết cấu tàu thủy	3	A01				4	5	6											504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
	Cang	208017	Thực tập kỹ thuật	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Hiển	208302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Hiển	208303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
9	Cang	TR2029	Thực tập kỹ thuật (TAU)	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		607020	Thí nghiệm c/nghệ tế bào	5	A03								8	9	0	1	2					117B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1														
2		607029	TN cn protein enzyme	4	A01	1	2	3	4													108B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		607035	CN sx Protein tái tổ hợp	3	A01							7	8	9								302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		607042	CNSX chất màu,vitamin,st	3	A01										0	1	2					303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		607011	Hóa sinh học	3	A01							7	8	9								GDB2A	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		607013	TN vi sinh	4	A02							7	8	9	0							116B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		607050	TT công nghệ gen	4	A01	1	2	3	4													107B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		607050	TT công nghệ gen	4	A02							7	8	9	0							107B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		CH2033	Hóa sinh	4	L01	1	2	3	4													109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		CH2034	Hóa sinh (tn)	5	L02								8	9	0	1	2					108B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		607013	TN vi sinh	4	A03							7	8	9	0							116B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		607020	Thí nghiệm c/nghệ tế bào	5	A01	1	2	3	4	5												117B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1														
4		607020	Thí nghiệm c/nghệ tế bào	5	A02							7	8	9	0	1						117B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1														
4		607032	ĐAMH chuyên ngành	3	A01	1	2	3														302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		607050	TT công nghệ gen	4	A03							7	8	9	0							107B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

4		CH2034	Hóa sinh (tn)	5	L03		2	3	4	5	6											108B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		CH2034	Hóa sinh (tn)	5	L01								8	9	0	1	2					108B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		607013	TN vi sinh	4	A01	1	2	3	4													116B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		607041	Công nghệ s/xuất vaccine	3	A01										0	1	2					210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		607043	Các hc tn có h/tính shọc	3	A01							7	8	9								203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		CH2029	Sinh học tế bào	3	L01	1	2	3														109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		607014	Công nghệ tế bào	3	A02			3	4	5												211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		607016	Công nghệ lên men	3	A01							7	8	9								504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		607029	TN cn protein enzyme	4	A02	1	2	3	4													108B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		607029	TN cn protein enzyme	4	A03							7	8	9	0							108B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		607302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		607303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Trung	601003	Công nghệ lọc dầu	3	A01	1	2	3														303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phương	601010	C/bằng v/chất& cb nlượng	3	A01										0	1	2					313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Ưng	601017	TB trg cn c/biến dầu khí	3	A02							7	8	9								313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trung	601702	Nguyên lý hóa côngnghiệp	2	P02							7	8									501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Ưng	CH1007	Phát triển bền vững	2	L01			3	4													201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Ưng	CH1007	Phát triển bền vững	2	L02					5	6											201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Thoa	601001	TN chuyên đề dầu khí	2	A01				4	5												PCDHDK	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trung	601003	Công nghệ lọc dầu	3	A02										0	1	2					302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trung	601008	Cơ sở kỹ thuật polymer	3	A01							7	8	9								313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Ưng	601009	KT đường ống,bể Chứa Dầu	3	A01										0	1	2					313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lộc	601016	Xúc tác Cn Trg Cb Dầukhí	3	A02							7	8	9								210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trung	601019	Vận Hành&tốiưu Nm Lọcdầu	3	A01										0	1	2					303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trung	601702	Nguyên lý hóa côngnghiệp	2	P01			3	4													502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trung	601703	Ăn mòn & chống ăn mòn(2a	2	P01					5	6											202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thoa	601001	TN chuyên đề dầu khí	2	A01				4	5												PCDHDK	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Ưng	601017	TB trg cn c/biến dầu khí	3	A01										0	1	2					501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuấn	601018	Nhiên Liệu S/học&tái tạo	3	A01							7	8	9								501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trung	CH1007	Phát triển bền vững	2	L03							7	8									204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4	Trung	CH1007	Phát triển bền vững	2	L04									9	0							204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
5	Phương	601004	Công nghệ chế biến khí	3	A02										0	1	2					303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Trung	601006	Các sản phẩm dầu khí	3	A02							7	8	9								313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thoa	601012	Công nghệ hóa dầu	3	A01										0	1	2					202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Lộc	601016	Xúc tác Cn Trg Cb Dầukhí	3	A01							7	8	9								202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phương	601004	Công nghệ chế biến khí	3	A01										0	1	2					210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trung	601006	Các sản phẩm dầu khí	3	A01							7	8	9								212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thoa	601012	Công nghệ hóa dầu	3	A02							7	8	9								313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tuấn	601018	Nhiên Liệu S/học&tái tạo	3	A02										0	1	2					313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		601019	Vận Hành&tốiưu Nm Lọcdầu	3	A02										0	1	2					301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		601020	ĐAMH chuyên ngành	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		601302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		601303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Phụng	605071	Công Nghệ Hạt Bột	3	A01							7	8	9								303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

2	Nam	605074	TN C/ngành CN SX D/phẩm	4	A01	1	2	3	4													119B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Duy	606115	Cơ Sở Tổng Hợp Thuốc	3	A01										0	1	2					303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phụng	605072	Sx Dược Phẩm & Đóng Gói	3	A01										0	1	2					303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tiến	606114	Hh C/thuốc& C/n N/l Dược	3	A01							7	8	9								303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		608302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		608303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Long	602044	Thí nghiệm xúc tác	6	A02							7	8	9	0	1	2					205B2							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
2	Anh	CH2010	Hóa phân tích (tn)	5	L02		2	3	4	5	6											207B2															5	6	7								
2	Anh	CH2010	Hóa phân tích (tn)	5	L01								8	9	0	1	2					207B2															5	6	7								
2	Duy	CH2041	Thí nghiệm hóa lý	6	L07	1	2	3	4	5	6											214B2							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
2	Điền	CH2041	Thí nghiệm hóa lý	6	L04							7	8	9	0	1	2					214B2							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
3	Hạnh	602004	Hóa học bề mặt	3	A01										0	1	2					604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	602011	Hóa phân tích	3	A01							7	8	9								604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Sơn	602045	TN kỹ thuật điện hóa	6	A02							7	8	9	0	1	2					103B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Long	602046	Hóa lý kỹ thuật	3	A01										0	1	2					304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thắng	602103	Bức xạ và ứng dụng	3	A01										0	1	2					203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phi	CH1010	Hóa phân tích (tn)	5	L01							7	8	9	0	1						207B2																	7	8	9							
3	Phi	CH1010	Hóa phân tích (tn)	5	L05							7	8	9	0	1						207B2																				0	1	2			
3	An	CH2031	Hóa lý 2	3	L03							7	8	9								114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	An	CH2031	Hóa lý 2	3	L02										0	1	2					406H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Sơn	CH2041	Thí nghiệm hóa lý	6	TNH1	1	2	3	4	5	6											214B2							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
3	Điền	CH2041	Thí nghiệm hóa lý	6	TNH2							7	8	9	0	1	2					214B2							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
4	Hạnh	602001	Hóa keo	3	A01							7	8	9								303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hạnh	602006	Hóa Học nano	3	A02										0	1	2					605B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	An	602007	Hóa lý hóa keo	3	A01							7	8	9								303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Sơn	602045	TN kỹ thuật điện hóa	6	A01							7	8	9	0	1	2					PDHOA	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thắng	CH1005	Hóa lý hóa keo	3	L01	1	2	3														304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4	Hùng	CH1009	Hóa phân tích	3	L02							7	8	9								301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4	Hùng	CH1009	Hóa phân tích	3	L01										0	1	2					301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
4	Long	CH2031	Hóa lý 2	3	L01										0	1	2					305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Duy	CH2041	Thí nghiệm hóa lý	6	L06							7	8	9	0	1	2					214B2							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Hạnh	602006	Hóa Học nano	3	A01										0	1	2					203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thắng	602048	Hóa lý 2	3	A01				4	5	6											602C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thắng	602103	Bức xạ và ứng dụng	3	A02							7	8	9								504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hùng	CH2009	Hóa phân tích	4	L01									9	0	1	2					109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
5	Sơn	CH2041	Thí nghiệm hóa lý	6	L05	1	2	3	4	5	6											214B2							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Duy	CH2041	Thí nghiệm hóa lý	6	L03							7	8	9	0	1	2					214B2							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
6	Anh	602008	Phân tích kỹ thuật	3	A01										0	1	2					203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiếu	CH1010	Hóa phân tích (tn)	5	L02	1	2	3	4	5												207B2																	7	8	9							
6	Sa	CH1010	Hóa phân tích (tn)	5	L03	1	2	3	4	5												207B2																				0	1	2			
6	Hiếu	CH1010	Hóa phân tích (tn)	5	L04								8	9	0	1	2					207B2																	7	8	9							
6	Sa	CH1010	Hóa phân tích (tn)	5	L06								8	9	0	1	2					207B2																				0	1	2			
6	Long	CH2031	Hóa lý 2	3	TNHC							7	8	9								202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Sơn	CH2041	Thí nghiệm hóa lý	6	L02	1	2	3	4	5	6											214B2							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								

6	Duy	CH2041	Thí nghiệm hóa lý	6	L01							7	8	9	0	1	2					214B2						7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
		602302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		602303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
2	ái	603003	C/Nghệ chế biến thủy sản	2	TNHC									9	0							201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tâm	603082	CN sản xuất dầu mở tpẩm	2	TNHC							7	8									201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tâm	603082	CN sản xuất dầu mở tpẩm	2	A01										0	1						501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nguyên	603103	TN công nghệ thực phẩm	6	TNHC	1	2	3	4	5	6											TNCNTP	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hạnh	603127	TN phân tích thực phẩm	6	A03							7	8	9	0	1	2					305B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hạnh	603135	TN cảm quan thực phẩm	4	A02	1	2	3	4													PTNCQ	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	ái	CH2055	Vật lý thực phẩm	3	TNHC	1	2	3														201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nguyên	603103	TN công nghệ thực phẩm	6	A01	1	2	3	4	5	6											TNCNTP	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hạnh	603127	TN phân tích thực phẩm	6	A02	1	2	3	4	5	6											305B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	ái	603135	TN cảm quan thực phẩm	4	TNHC	1	2	3	4													PTNCQ	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Yên	CH2045	Vi sinh thực phẩm	4	L01	1	2	3	4													112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	ái	CH2055	Vật lý thực phẩm	3	L01							7	8	9								109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	ái	603003	C/Nghệ chế biến thủy sản	2	A01	1	2															211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đào	603008	Luật thực phẩm	2	A01				4	5												305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiền	603010	Phát triển sp thực phẩm	2	A01							7	8									203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	ái	603127	TN phân tích thực phẩm	6	A01							7	8	9	0	1	2					305B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Mẫn	603130	Cnghệ chế biến thực phẩm	2	A01	1	2															501B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Mẫn	603130	Cnghệ chế biến thực phẩm	2	TNHC					5	6											204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		603136	ĐAMH công nghệ thực phẩm	3	A02									9	0	1						PDAMH8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đào	603138	Cn bao bì, đóng gói tp	2	A02		2	3														303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Việt	603103	TN công nghệ thực phẩm	6	A02	1	2	3	4	5	6											TNCNTP	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Mẫn	603130	Cnghệ chế biến thực phẩm	2	A01			3	4													604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Mẫn	603130	Cnghệ chế biến thực phẩm	2	TNHC					5	6											205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phong	603132	TK máy & n/máy thực phẩm	2	TNHC			3	4													202B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Đạt	603132	TK máy & n/máy thực phẩm	2	A01					5	6											303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	ái	603135	TN cảm quan thực phẩm	4	A03	1	2	3	4													PTNCQ	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		603136	ĐAMH công nghệ thực phẩm	3	A01							7	8	9								PDAMHA	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nguyên	CH2049	TN hóa học & hóa sinh tp	5	TNHC							7	8	9	0	1						305B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trà	603078	Cn sx đường & bánh kẹo	2	TNHC							7	8									201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trà	603078	Cn sx đường & bánh kẹo	2	A01									9	0							304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đạt	603083	CN c/biến trà,café,cacao	2	A01							7	8									302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đạt	603083	CN c/biến trà,café,cacao	2	TNHC									9	0							201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Việt	603103	TN công nghệ thực phẩm	6	A03	1	2	3	4	5	6											TNCNTP	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phong	603132	TK máy & n/máy thực phẩm	2	TNHC									9	0							201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đạt	603132	TK máy & n/máy thực phẩm	2	A01											1	2					401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hạnh	603135	TN cảm quan thực phẩm	4	A01	1	2	3	4													PTNCQ	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đào	603138	Cn bao bì, đóng gói tp	2	A01									9	0							305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đào	603138	Cn bao bì, đóng gói tp	2	TNHC											1	2					201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Yên	CH2045	Vi sinh thực phẩm	4	TNHC							7	8	9	0							203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nguyên	CH2049	TN hóa học & hóa sinh tp	5	L01		2	3	4	5	6											305B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hạnh	CH2049	TN hóa học & hóa sinh tp	5	L02							7	8	9	0	1						305B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

7	ái	603127	TN phân tích thực phẩm	6	TNHC	1	2	3	4	5	6											305B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		603302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		603303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Hương	604001	Hóa học đại cương A	4	A01	1	2	3	4													214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thúy	604003	Thí nghiệm hóa đại cương	4	A01							7	8	9	0							406B2											1	2	3	4	5	6	7								
2	Hương	604038	Giản đồ pha	3	A02							7	8	9								201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Anh	604101	TN chuyên ngành vô cơ	6	A01							7	8	9	0	1	2					213B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Minh	CH1003	Hóa đại cương	4	L04			3	4	5	6											101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Minh	CH1003	Hóa đại cương	4	L06							7	8	9	0							404H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuyết	CH1003	Hóa đại cương	4	L12							7	8	9	0							213H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Uyên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L16	1	2	3	4													501H1													3	4	5	6	7								
2	Thiên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L17	1	2	3	4													502H1													3	4	5	6	7								
2	Hiếu	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L18	1	2	3	4													504H1													3	4	5	6	7								
2	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L32	1	2	3	4													504H1																		8	9	0	1	2			
2	Cờ	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L11			3	4	5	6											501H1																		8	9	0	1	2			
2	Quỳnh	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L12			3	4	5	6											502H1																		8	9	0	1	2			
2	Quỳnh	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L31							7	8	9	0							502H1																		8	9	0	1	2			
2	Cờ	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L33							7	8	9	0							501H1																		8	9	0	1	2			
2	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L34							7	8	9	0							504H1																		8	9	0	1	2			
2	Uyên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L38							7	8	9	0							501H1													3	4	5	6	7								
2	Thiên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L39							7	8	9	0							502H1													3	4	5	6	7								
2	Hiếu	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L40							7	8	9	0							504H1													3	4	5	6	7								
3	Tuyết	604002	Hóa học đại cương B	3	A01							7	8	9								309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Cờ	604104	Cn Sx các chất màu vô cơ	3	A01							7	8	9								302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phương	CH1003	Hóa đại cương	4	A16	1	2	3	4													212B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hưng	CH1003	Hóa đại cương	4	L03			3	4	5	6											304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hưng	CH1003	Hóa đại cương	4	L02									9	0	1	2					301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	A49	1	2	3	4													406B2																		8	9	0	1	2			
3	Thiên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L07			3	4	5	6											502H1																		8	9	0	1	2			
3	Uyên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L09			3	4	5	6											501H1																		8	9	0	1	2			
3	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	A50							7	8	9	0							406B2													3	4	5	6	7								
3	Quỳnh	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L25							7	8	9	0							504H1													3	4	5	6	7								
3	Thiên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L04									9	0	1	2					502H1																		8	9	0	1	2			
3	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L05									9	0	1	2					504H1																		8	9	0	1	2			
3	Uyên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L06									9	0	1	2					501H1																		8	9	0	1	2			
3	Hiếu	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L30									9	0	1	2					502H1													3	4	5	6	7								
4	Viễn	604004	Các pp vlý ngcứu chấtrắn	3	A01	1	2	3														313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hạ	604038	Giản đồ pha	3	A01				4	5	6											303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Cờ	604104	Cn Sx các chất màu vô cơ	3	A02										0	1	2					601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Cờ	608011	CN sx các chất vô cơ	3	A01				4	5	6											210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hương	CH1003	Hóa đại cương	4	L15	1	2	3	4													104H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hương	CH1003	Hóa đại cương	4	L10							7	8	9	0							213H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	CH1003	Hóa đại cương	4	L13							7	8	9	0							212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Uyên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L43	1	2	3	4													504H1																		8	9	0	1	2			

4	Hiếu	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L44	1	2	3	4													502H1																8	9	0	1	2			
4	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L45	1	2	3	4													501H1																8	9	0	1	2			
4	Thiên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L15							7	8	9	0							502H1												3	4	5	6	7								
4	Hiếu	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L28							7	8	9	0							502H1																8	9	0	1	2			
4	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L29							7	8	9	0							501H1																8	9	0	1	2			
4	Uyên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L37							7	8	9	0							504H1																8	9	0	1	2			
5	Hạ	604006	ĐAMH chuyên ngành	3	A02										0	1	2					PDAMH9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Tuyết	CH1003	Hóa đại cương	4	L08			3	4	5	6											213H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Anh	CH1003	Hóa đại cương	4	L11			3	4	5	6											210H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Anh	CH1003	Hóa đại cương	4	L05							7	8	9	0							101H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Hương	CH1003	Hóa đại cương	4	L07							7	8	9	0							201H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Uyên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	A48	1	2	3	4													406B2												3	4	5	6	7							
5	Minh	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L10	1	2	3	4													502H1												3	4	5	6	7							
5	Thiên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L22			3	4	5	6											501H1																8	9	0	1	2			
5	Cờ	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L23			3	4	5	6											504H1																8	9	0	1	2			
5	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L24			3	4	5	6											502H1																8	9	0	1	2			
5	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L13							7	8	9	0							502H1																8	9	0	1	2			
5	Thiên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L14							7	8	9	0							501H1																8	9	0	1	2			
5	Cờ	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L21							7	8	9	0							504H1																8	9	0	1	2			
5	Minh	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L35							7	8	9	0							502H1												3	4	5	6	7							
5	Uyên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	A47									9	0	1	2					406B2												3	4	5	6	7							
5	Thiên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L36									9	0	1	2					501H1												3	4	5	6	7							
6	Anh	604006	ĐAMH chuyên ngành	3	A01										0	1	2					PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Phương	604048	Bài tập hóa đại cương A	2	A01							7	8									301C4							7		9		1		3		5	6	7							
6	Viễn	604101	TN chuyên ngành vô cơ	6	A02							7	8	9	0	1	2					213B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Bạch	CH1003	Hóa đại cương	4	L01	1	2	3	4													213H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Minh	CH1003	Hóa đại cương	4	L09	1	2	3	4													301H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Bạch	CH1003	Hóa đại cương	4	L14							7	8	9	0							204H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Cờ	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L01	1	2	3	4													502H1																8	9	0	1	2			
6	Hiếu	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L03	1	2	3	4													501H1																8	9	0	1	2			
6	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L08	1	2	3	4													504H1												3	4	5	6	7							
6	Thiên	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L26	1	2	3	4													504H1																8	9	0	1	2			
6	Cờ	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L41	1	2	3	4													501H1												3	4	5	6	7							
6	Hiếu	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L46	1	2	3	4													502H1												3	4	5	6	7							
6	Thúy	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L02							7	8	9	0							504H1												3	4	5	6	7							
6	Cờ	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L19							7	8	9	0							501H1												3	4	5	6	7							
6	Hiếu	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L20							7	8	9	0							502H1												3	4	5	6	7							
6	Cờ	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L27							7	8	9	0							502H1																8	9	0	1	2			
6	Hiếu	CH1004	Hóa đại cương (tn)	4	L42							7	8	9	0							501H1																8	9	0	1	2			
	Thúy	604302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		604303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
2		605002	Mô phỏng & tối ưu hóa	4	A01	1	2	3	4													302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		605003	Cơ sở Ch/đổi kích thước	3	A01										0	1	2					301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		605004	PP số trong c/nghệ h/học	3	A01							7	8	9								504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							

2		605031	Các quá trình cơ học A	2	A01					5	6											211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A07	1	2	3	4	5	6											TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A01							7	8	9	0	1	2					TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2		605060	Lý thuyết truyền vận	3	A02							7	8	9								301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		605061	Kt Chưng Cất Đa Cấu Tử	3	A02										0	1	2					210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		605063	Kỹ thuật lạnh	3	A01							7	8	9								202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		605064	Cơ học lc phi Newton	3	A01										0	1	2					202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		605066	Kỹ Thuật Chân Không	3	A01	1	2	3														303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	3	A03				4	5	6											203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		CH2035	Kỹ thuật thực phẩm 2	3	TNHC				4	5	6											207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		CH2043	Q/tr & th/bị truyềnnhiệt	3	L03										0	1	2					113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605002	Mô phỏng & tối ưu hóa	4	A03			3	4	5	6											302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A09	1	2	3	4	5	6											TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
3		605038	TN Quá trình thiết bị	6	TNH2							7	8	9	0	1	2					TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605062	KT phản ứng dị thể	3	A02							7	8	9								303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605063	Kỹ thuật lạnh	3	A02										0	1	2					213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605064	Cơ học lc phi Newton	3	A02										0	1	2					301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605066	Kỹ Thuật Chân Không	3	A02							7	8	9								602C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	3	TNHC	1	2	3														201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	3	A04			3	4	5												307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605109	ĐAMH chuyên ngành	3	A01	1	2	3														303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A04	1	2															310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A06	1	2															302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A01				4	5												303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	TNHC				4	5												201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A03								8	9								501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		CH2039	Kỹ thuật thực phẩm 3	3	TNHC				4	5	6											202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		CH2043	Q/tr & th/bị truyềnnhiệt	3	L02							7	8	9								406H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		CH2051	Truyền khối	3	L01							7	8	9								305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		CH2051	Truyền khối	3	L03										0	1	2					114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605002	Mô phỏng & tối ưu hóa	4	A02	1	2	3	4													502B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605035	Xử lý chất thải c/nghiệp	3	A02			3	4	5												604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605035	Xử lý chất thải c/nghiệp	3	A01										0	1	2					202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A08	1	2	3	4	5	6											TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A02							7	8	9	0	1	2					TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4		605060	Lý thuyết truyền vận	3	A01							7	8	9								202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605067	Truyền khối A	2	A01									9	0							501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	3	A01			3	4	5												307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605105	Truyền nhiệt A	2	A01							7	8									402C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605109	ĐAMH chuyên ngành	3	A02			3	4	5												301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605116	TN CNgành quá trình &tbị	4	A02									9	0	1	2					203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A06	1	2															301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A05			3	4													605B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		CH2035	Kỹ thuật thực phẩm 2	3	L01				4	5	6											109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

4		CH2039	Kỹ thuật thực phẩm 3	3	L01	1	2	3														109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		CH2043	Q/tr & th/bị truyềnnhiệt	3	L01							7	8	9								305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		CH2051	Truyền khối	3	L02							7	8	9								406H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		CH2051	Truyền khối	3	TNHC										0	1	2					201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A11	1	2	3	4	5	6											TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
5		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A03							7	8	9	0	1	2					TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
5		605067	Truyền khối A	2	A01											1	2					401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605068	Kỹ thuật môi trường	3	A01										0	1	2					604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605069	CSTKế máy & t/bị hóa học	3	A02	1	2	3														502B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605105	Truyền nhiệt A	2	A01									9	0							305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605116	TN CNgành quá trình &tbị	4	A01	1	2	3	4													303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A01	1	2															310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A05	1	2															302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A02				4	5												502B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	TNHC				4	5												201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A03								8	9								302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		CH2093	Các qtr kỹthuật sinhhọc3	3	L01				4	5	6											109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		605002	Mô phỏng & tối ưu hóa	4	TNHC	1	2	3	4													201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		605031	Các quá trình cơ học A	2	A01									9	0							309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		605037	Kỹ thuật phản ứng	3	A01							7	8	9								501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A05	1	2	3	4	5	6											TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
6		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A04							7	8	9	0	1	2					TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
6		605061	Kt Chưng Cất Đa Cấu Tử	3	A01										0	1	2					302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		605062	KT phản ứng dị thể	3	A01							7	8	9								202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		605068	Kỹ thuật môi trường	3	A02							7	8	9								301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A04	1	2															212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		605117	ƯD Tinhọc trg CN hóa học	2	A02				4	5												210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		CH2043	Q/tr & th/bị truyềnnhiệt	3	TNHC										0	1	2					202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		CH2047	Các qtr kỹthuật sinhhọc2	3	L01				4	5	6											109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
7		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A10							7	8	9	0	1	2					TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
8		605038	TN Quá trình thiết bị	6	TNH1	1	2	3	4	5	6											TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
8		605038	TN Quá trình thiết bị	6	A06							7	8	9	0	1	2					TNQTTB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
		605040	ĐAMH Quá trình &thiết bị	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605040	ĐAMH Quá trình &thiết bị	0	A02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605040	ĐAMH Quá trình &thiết bị	0	A03																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605040	ĐAMH Quá trình &thiết bị	0	A04																																										
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A03																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A04																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A05																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A06																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A07																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A08																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A09																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	A10																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605107	Thực tập qúa trình & tbị	0	TNHC																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		605303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
2	Thanh	CH2021	Hóa hữu cơ	3	L01									0	1	2					305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Anh	CH2053	Thí nghiệm hóa hữu cơ	4	L01		2	3	4	5											404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Chung	CH2053	Thí nghiệm hóa hữu cơ	4	L02							8	9	0	1						404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	5	L01		2	3	4	5	6										404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Quân	606044	Kỹ thuật nhuộm - in	3	A01									0	1	2					303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Dũng	606112	Các ppxd ctrúc hợpchấthc	3	A02						7	8	9								302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	CH2053	Thí nghiệm hóa hữu cơ	4	A01								9	0	1	2					404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Danh	606002	Hóa dị vòng th hóa dược	3	A02						7	8	9								210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	5	L06		2	3	4	5	6										404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	5	L05						7	8	9	0	1						404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	606010	Hóa Hữu Cơ A	2	A01			3	4												402C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	606010	Hóa Hữu Cơ A	2	A01										1	2					203B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nhan	606042	H/học& kt chất hđ bề mặt	3	A02						7	8	9								303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nhan	606042	H/học& kt chất hđ bề mặt	3	A01									0	1	2					303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nam	CH2021	Hóa hữu cơ	3	TNHC						7	8	9								201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Anh	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	5	L03	1	2	3	4	5											404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Anh	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	5	L04						7	8	9	0	1						404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chính	606005	Công nghệ hóa mỹ phẩm	3	A02						7	8	9								303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nhan	606027	C/nghệ các chất tẩy rửa	3	A01	1	2	3													214B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thanh	606001	Hóa Học Xanh	3	A01						7	8	9								210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nam	606001	Hóa Học Xanh	3	A02									0	1	2					308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							TA	
6	Danh	606004	Cơ sở tổng hợp hóa dược	3	A02									0	1	2					307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Anh	606006	C/nghệ chất màu tự nhiên	3	A01						7	8	9								303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Duy	CH2021	Hóa hữu cơ	3	L02						7	8	9								406H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Duy	CH2021	Hóa hữu cơ	3	L03									0	1	2					114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Anh	CH2053	Thí nghiệm hóa hữu cơ	4	L04		2	3	4	5											404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Chung	CH2053	Thí nghiệm hóa hữu cơ	4	L03							8	9	0	1						404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
7	Danh	606003	Thí nghiệm hóa hữu cơ B	5	L02						7	8	9	0	1						404B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		606009	ĐAMH chuyên ngành	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		606302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		606303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
4	Túc	EN2021	Antoàn lđ & vs m/trg cn	3	L01						7	8	9								312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Túc	EN2021	Antoàn lđ & vs m/trg cn	3	L02									0	1	2					306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		EN2017	Mô hình hóa môi trường	4	L01	1	2	3	4												112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		EN2017	Mô hình hóa môi trường	4	L02						7	8	9	0							110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Huy	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	3	L03	1	2	3													306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thạnh	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	3	L01				4	5	6										214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thạnh	611007	Kt T/gió&k/soát tiếng ồn	3	L01						7	8	9								206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Huy	611007	Kt T/gió&k/soát tiếng ồn	3	L02									0	1	2					210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

2	Dương	611008	Kt Xử lý nước thải đôthị	3	L02							7	8	9								210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Dương	611008	Kt Xử lý nước thải đôthị	3	L01										0	1	2					110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		611010	ĐAMH xử lý nước cấp	3	L01	1	2	3														PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hạnh	EN1009	Vi sinh vật môi trường	3	L02	1	2	3														301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hạnh	EN1009	Vi sinh vật môi trường	3	L01				4	5	6											301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thạnh	EN2013	Kiểmsoát ônhiễm khôngkhí	4	L01			3	4	5	6											211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Dân	611012	KT xử lý nước thải cn	3	L01	1	2	3														211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Sang	611014	Mạng lưới Cấp&thoát Ncdt	3	L01				4	5	6											211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Oanh	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn	6	L01	1	2	3	4	5	6											702H2										0	1	2	3	4											
3	Oanh	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn	6	L05							7	8	9	0	1	2					702H2															5	6	7	8	9						
3	Hạnh	EN1013	Hóa kỹthuật &khoahọc mt2	4	L01	1	2	3	4													210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
3	Huy	EN1013	Hóa kỹthuật &khoahọc mt2	4	L02									9	0	1	2					210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
3	Phương	EN1014	Hóa kỹthuật &KHMT2 (tn)	6	L02	1	2	3	4	5	6											804H2											1	2	3	4	5										
3	Khánh	EN1014	Hóa kỹthuật &KHMT2 (tn)	6	L06	1	2	3	4	5	6											805H2											1	2	3	4	5										
3	Khánh	EN1014	Hóa kỹthuật &KHMT2 (tn)	6	L01							7	8	9	0	1	2					805H2											1	2	3	4	5										
3	Phương	EN1014	Hóa kỹthuật &KHMT2 (tn)	6	L05							7	8	9	0	1	2					804H2											1	2	3	4	5										
3	Thành	EN2011	Quá trình môi trường 2	3	L01										0	1	2					213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Oanh	610081	TN xử lý chất thải	6	L01	1	2	3	4	5	6											708H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lâm	610081	TN xử lý chất thải	6	L02							7	8	9	0	1	2					708H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Khôi	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	3	L02										0	1	2					313H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Sang	611001	CN xử lý nước cấp& nthải	4	L01			3	4	5	6											110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thành	611009	KTxử lý c/thải rắn đôthị	3	L02							7	8	9								411H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thành	611009	KTxử lý c/thải rắn đôthị	3	L01										0	1	2					305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thạnh	EN1014	Hóa kỹthuật &KHMT2 (tn)	6	L04	1	2	3	4	5	6											805H2											1	2	3	4	5										
5	Hùng	610079	Kỹ thuật xử lý nước cấp	4	L02	1	2	3	4													305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hùng	610079	Kỹ thuật xử lý nước cấp	4	L01							7	8	9	0							305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		611010	ĐAMH xử lý nước cấp	3	A01							7	8	9								PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		EN1013	Hóa kỹthuật &khoahọc mt2	4	L03	1	2	3	4													213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
5	Thạnh	EN1014	Hóa kỹthuật &KHMT2 (tn)	6	L03							7	8	9	0	1	2					805H2											1	2	3	4	5										
6	Kiên	611004	Kt Lò đốt chất thải	3	L01										0	1	2					208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hà	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn	6	L03	1	2	3	4	5	6											702H2															5	6	7	8	9						
6	Huyền	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn	6	L04	1	2	3	4	5	6											702H2										0	1	2	3	4											
6	Kỳ	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn	6	L02							7	8	9	0	1	2					702H2										0	1	2	3	4											
6	Uyên	EN1010	Vi sinhvật môi trường(tn	6	L06							7	8	9	0	1	2					702H2															5	6	7	8	9						
6	Dương	EN2009	Thốngkê &tốiưuhóa trg mt	3	L01										0	1	2					306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lệ	EN2015	Qtr hh &h/lý trg kt m/tr	3	L01							7	8	9								312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lệ	EN2015	Qtr hh &h/lý trg kt m/tr	3	L02										0	1	2					109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		610032	ĐAMH xử lý khí thải	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		610034	ĐAMH xử lý nước thải	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		610034	ĐAMH xử lý nước thải	0	L02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		611013	ĐAMH xử lý chất thải rắn	0	A03																																										
9		611013	ĐAMH xử lý chất thải rắn	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		611013	ĐAMH xử lý chất thải rắn	0	L02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		611015	TT cn xử lý nc cấp& thải	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

9		611302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		611302	Thực tập tốt nghiệp	0	L01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		611302	Thực tập tốt nghiệp	0	L02																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		611303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
2	Hiệp	610073	UD gis trong qlý mtrường	3	L01	1	2	3													305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiệp	610073	UD gis trong qlý mtrường	3	L03				4	5	6										110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phú	610083	Sản xuất sạch hơn	3	L03	1	2	3													214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phú	610083	Sản xuất sạch hơn	3	L01				4	5	6										202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Huyền	610002	TN độc học môi trường	6	L01	1	2	3	4	5	6										701H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Khánh	610002	TN độc học môi trường	6	L02							7	8	9	0	1	2				701H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hương	610005	ĐAMH	3	L01	1	2	3													PDAMH9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thúy	610075	QL chất lượng môi trường	3	L01							7	8	9							214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thúy	610075	QL chất lượng môi trường	3	L02										0	1	2				306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lý	610088	Phân tích hệ thống mtr	3	L01				4	5	6										206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lý	EN2019	Phântích hệthống môi/trg	3	L01							7	8	9							213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Long	610084	Mô hình hóa môi trường	3	L01										0	1	2				310H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		610001	Môi trường và con người	3	A01							7	8	9							604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Khoa	610065	Luật & ch/sách môitrường	3	L01										0	1	2				206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Giang	610066	Độc học môi trường	3	L01				4	5	6										211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dương	610092	Tối Ưu Hóa &qhtn Mtrường	3	L01										0	1	2				113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hương	610108	Iso 14000& kiểm toán Mtr	3	L01	1	2	3													211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trưởng	610007	Qlht C/nuoc&thoat Nuocdt	3	L01				4	5	6										214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hương	610082	Kinh tế môi trường	3	L03	1	2	3													212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hương	610082	Kinh tế môi trường	3	L01				4	5	6										211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		610013	TTKT xử lý nc thải đôthị	0	L01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		610013	TTKT xử lý nc thải đôthị	0	L02																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiệp	610101	Viễn thám & thực hành	3	L01				4	5	6										212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Giang	610702	Sinh thái công nghiệp	3	P01	1	2	3													503C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Bảy	EN2023	Thủy văn môi trường	3	L02							7	8	9							306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Bảy	EN2023	Thủy văn môi trường	3	L01										0	1	2				312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phú	610097	Qlý tàinguyên nước&nngầm	3	L01				4	5	6										214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thúy	610100	Đ/giá tácđộng&rủi ro mtr	3	L01							7	8	9							206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Giang	610702	Sinh thái công nghiệp	3	P02										0	1	2				207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Khoa	610098	Quản lý mtr đô thị & kcn	3	L01	1	2	3													211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Bảy	EN2023	Thủy văn môi trường	3	L03							7	8	9							306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Khoa	EN2025	Luật &chính sách môi trg	3	L02							7	8	9							210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Khoa	EN2025	Luật &chính sách môi trg	3	L01										0	1	2				312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		610302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		610302	Thực tập tốt nghiệp	0	L01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		610303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
2	Thu	503004	Hệ quảntrị cơ sở dữ liệu	3	A02	1	2	3													315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phương	503004	Hệ quảntrị cơ sở dữ liệu	3	A01										0	1	2				201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tùng	503006	Pt & thiết kế hệ thống	2	A02			3	4												307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Quang	503006	Pt & thiết kế hệ thống	2	TNMT									9	0						202B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

2	Hải	CO2013	Hệ cơ sở dữ liệu	3	TNMT	1	2	3														203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hải	503002	Hệ cơ sở dữ liệu	3	A01							7	8	9								504C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Bình	503004	Hệ quảntrị cơ sở dữ liệu	3	TNMT				4	5	6											201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Quang	503006	Pt & thiết kế hệ thống	2	TNMT									9	0							202B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tùng	503006	Pt & thiết kế hệ thống	2	A01											1	2					201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuyến	503012	Thương mại điện tử (BT)	2	A04	1	2															103C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nguyệt	503014	Bmật hệ thống thtin (BT)	2	A05	1	2															P1A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Chi	CO2013	Hệ cơ sở dữ liệu	3	L02				4	5	6											113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thảo	CO2013	Hệ cơ sở dữ liệu	3	L01							7	8	9								403H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tùng	503006	Pt & thiết kế hệ thống	2	A01								8	9								315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	503007	Thương mại điện tử	2	TNMT	1	2															207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nguyệt	503009	Bảo mật hệthống thôngtin	2	A02					5	6											315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thu	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)	2	A03							7	8									200B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thu	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)	2	A01									9	0							200B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thảo	503011	Hệ cơ sở dữ liệu (TH)	2	A02											1	2					P1A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hải	503012	Thương mại điện tử (BT)	2	A03			3	4													P2A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hải	503012	Thương mại điện tử (BT)	2	A02					5	6											P1A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hải	503013	Khai phá dữ liệu (BT)	2	A03	1	2															P1A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	503013	Khai phá dữ liệu (BT)	2	A02			3	4													P1A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	503013	Khai phá dữ liệu (BT)	2	A01					5	6											103C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thảo	503014	Bmật hệ thống thtin (BT)	2	A02	1	2															P2A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thảo	503014	Bmật hệ thống thtin (BT)	2	A01			3	4													103C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thảo	503014	Bmật hệ thống thtin (BT)	2	TNMT					5	6											P2A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Chi	CO2014	Hệ cơ sở dữ liệu (tn)	2	L04							7	8									604H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Chi	CO2014	Hệ cơ sở dữ liệu (tn)	2	L03									9	0							603H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tùng	503006	Pt & thiết kế hệ thống	2	A02			3	4													310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hải	503007	Thương mại điện tử	2	A02							7	8									212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuyến	503007	Thương mại điện tử	2	A01									9	0							315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phương	503008	Khai phá dữ liệu	2	A01							7	8									315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hải	503008	Khai phá dữ liệu	2	A02									9	0							212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nguyệt	503009	Bảo mật hệthống thôngtin	2	A01			3	4													210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuyến	503012	Thương mại điện tử (BT)	2	A05											1	2					P1A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phương	503013	Khai phá dữ liệu (BT)	2	A04											1	2					P2A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chi	CO2014	Hệ cơ sở dữ liệu (tn)	2	TNMT							7	8									200B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hải	501711	CS dữ liệu &các hệ thtin	2	P01	1	2															501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phương	503005	CSDL phân tán, hướng đtg	3	A01										0	1	2					315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Quang	503008	Khai phá dữ liệu	2	TNMT								8	9								207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Anh	503009	Bảo mật hệthống thôngtin	2	TNMT					5	6											207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tuyến	503012	Thương mại điện tử (BT)	2	A01	1	2															103C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hải	503012	Thương mại điện tử (BT)	2	TNMT			3	4													104C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Quang	503013	Khai phá dữ liệu (BT)	2	TNMT	1	2															P2A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hải	503013	Khai phá dữ liệu (BT)	2	A05					5	6											P1A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nguyệt	503014	Bmật hệ thống thtin (BT)	2	A03	1	2															P1A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nguyệt	503014	Bmật hệ thống thtin (BT)	2	A04					5	6											103C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Thu	CO2014	Hệ cơ sở dữ liệu (tn)	2	L05							7	8									311H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thu	CO2014	Hệ cơ sở dữ liệu (tn)	2	L02									9	0							310H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thu	CO2014	Hệ cơ sở dữ liệu (tn)	2	L01											1	2					312H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		501709	ĐAMH mô phỏng- DA t/học	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Sơn	502002	Công nghệ phần mềm	3	TNMT	1	2	3														207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Sơn	502002	Công nghệ phần mềm	3	A01							7	8	9								315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hiệp	501707	PT Th/kế hướng đối tượng	3	P01							7	8	9								501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thơ	502003	Quản lý dự án phần mềm	2	A01			3	4													309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thuận	502009	Công nghệ phần mềm (bt)	2	TNMT									9	0							104C6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Khương	505002	Toán rời rạc 2	3	A01										0	1	2					501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thuận	502012	Qlý Dự án Phần Mềm (bt)	2	A01			3	4													200B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hiệp	501707	PT Th/kế hướng đối tượng	3	P02							7	8	9								503C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Đạt	501708	Các KT & thủ tục cài đặt	3	P01										0	1	2					206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thuận	502009	Công nghệ phần mềm (bt)	2	A01								8	9								P2A5		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Minh	502009	Công nghệ phần mềm (bt)	2	A02							7	8									P1A5		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Minh	502009	Công nghệ phần mềm (bt)	2	A03									9	0							104C6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		502013	TT công nghệ phần mềm	0	A01																																									
2	Quang	501127	Kỹ thuật lập trình	3	A02				4	5	6											602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		501127	Kỹ thuật lập trình	3	TNMT							7	8	9								207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		501129	Thực hành KT lập trình	3	A01							7	8	9								103C6							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thìn	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)	2	A03					5	6											200B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Anh	503003	PT & Thiết kế giải thuật	3	TNMT							7	8	9								202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thịnh	505004	Trí tuệ nhân tạo	3	A02							7	8	9								601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trụ	505004	Trí tuệ nhân tạo	3	TNMT										0	1	2					207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Sơn	505005	Đồ họa máy tính	2	A02										0	1						306B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Sơn	CO1011	Kỹ thuật lập trình	3	L03							7	8	9								403H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trí	CO2001	Kỹnăng chnghiệp cho kỹsư	3	L04	1	2	3														403H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phùng	CO2001	Kỹnăng chnghiệp cho kỹsư	3	A01				4	5	6											315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trí	CO2001	Kỹnăng chnghiệp cho kỹsư	3	L02										0	1	2					206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nhân	CO2003	Ctrúc dữliệu & giảithuật	3	TNMT				4	5	6											201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		CO2004	Ctrúc dữliệu &g/thuật(th	3	TNMT	1	2	3														P1A5		2	3			6		8	9		1	2		4	5		7								
2	Khương	CO2011	Mô hình hóa toán học	3	L02							7	8	9								311H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nguyên	CO2011	Mô hình hóa toán học	3	L01										0	1	2					403H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hùng	501047	XL s/song và hệ phân bố	2	A01			3	4													315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hùng	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)	2	TNMT							7	8									200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thìn	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)	2	A03											1	2					200B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hiếu	503003	PT & Thiết kế giải thuật	3	A02							7	8	9								306B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		503010	Cấu trúc dữliệu & Gt (bt	2	A01	1	2															P2A5			3				7		9		1		3		5		7								
3		503010	Cấu trúc dữliệu & Gt (bt	2	A01	1	2															202B1		2				6		8		0		2		4		6									
3	Thịnh	505004	Trí tuệ nhân tạo	3	A03							7	8	9								211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Sách	505005	Đồ họa máy tính	2	TNMT							7	8									202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	2	A05	1	2															309B1							7		9		1	2	3		5		7								
3		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	3	A05	1	2	3														104C6						6		8		0				4		6									
3		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	2	A02							7	8									308B1							7		9		1	2	3		5		7								

3		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	2	A06							7	8									302C4							7		9		1	2	3		5		7								
3		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	3	A02							7	8	9								P1A5						6		8		0				4		6								
3		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	3	A06							7	8	9								P2A5						6		8		0				4		6								
3		505018	Đồ họa máy tính (bt)	2	A05				4	5												502C4						6	7		9		1	2		4		6								
3		505018	Đồ họa máy tính (bt)	3	A05				4	5	6											103C6			3					8		0			3				7							
3		505018	Đồ họa máy tính (bt)	2	A01										0	1						403C5						6	7		9		1	2		4		6								
3		505018	Đồ họa máy tính (bt)	3	A01										0	1	2					103C6			3					8		0			3				7							
3	Nhân	CO2003	Ctrúc dữliệu & giảithuật	3	L01				4	5	6											110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3		CO2012	Mô hình hóa toán học(tn)	3	L02	1	2	3														313H1						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
4		501129	Thực hành KT lập trình	3	A02							7	8	9								103C6							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Thìn	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)	2	A02	1	2															200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Hiếu	503003	PT & Thiết kế giải thuật	3	A03							7	8	9								313B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Thịnh	505004	Trí tuệ nhân tạo	3	A01									9	0	1						304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Sơn	505005	Đồ họa máy tính	2	A01							7	8									304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Tươi	505007	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	TNMT										0	1	2					207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	2	A04							7	8									307B1							7		9		1	2	3		5		7								
4		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	3	A04							7	8	9								104C6						6		8		0				4		6								
4		505018	Đồ họa máy tính (bt)	2	A02				4	5												313B1						6	7		9		1	2		4		6								
4		505018	Đồ họa máy tính (bt)	3	A02				4	5	6											104C6			3					8		0			3				7							
4	Hùng	505025	P/T UD trên t/bị di động	3	TNMT							7	8	9								207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Hùng	505025	P/T UD trên t/bị di động	3	A01										0	1	2					301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Quang	CO1003	Nhập môn về lập trình	2	L01				4	5												205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Vững	CO2001	Kỹnăng chnghiệp cho kỹsư	3	L03				4	5	6											305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Trí	CO2001	Kỹnăng chnghiệp cho kỹsư	3	L01								8	9	0							214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Khương	CO2011	Mô hình hóa toán học	3	TNMT										0	1	2					203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4		CO2012	Mô hình hóa toán học(tn)	3	L05	1	2	3														603H6						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
4		CO2012	Mô hình hóa toán học(tn)	3	TNMT							7	8	9								P1A5						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
5	Nam	501047	XL s/song và hệ phân bố	2	TNMT					5	6											204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		501127	Kỹ thuật lập trình	3	A01	1	2	3														502C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Hùng	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)	2	TNMT	1	2															200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Thìn	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)	2	A02			3	4													200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Thìn	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)	2	A01					5	6											200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Nhân	503001	Cấu trúc dữliệu & Gthuật	3	A01										0	1	2					202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Anh	503003	PT & Thiết kế giải thuật	3	A01							7	8	9								306B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		503010	Cấu trúc dữliệu & Gt (bt	2	A02			3	4													P2A5			3				7		9		1		3		5		7								
5		503010	Cấu trúc dữliệu & Gt (bt	2	A02			3	4													301B1		2				6		8		0		2		4		6								
5		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	2	TNMT	1	2															401C5							7		9		1	2	3		5		7								
5		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	3	TNMT	1	2	3														P1A5						6		8		0				4		6								
5		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	2	A07				4	5												301C5							7		9		1	2	3		5		7								
5		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	3	A07				4	5	6											104C6						6		8		0				4		6								
5		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	2	A03							7	8									303B1							7		9		1	2	3		5		7								
5		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	3	A03							7	8	9								P1A5						6		8		0				4		6								
5		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	2	A01										0	1						301C5							7		9		1	2	3		5		7								
5		505017	Trí tuệ nhân tạo (bt)	3	A01										0	1	2					103C6						6		8		0				4		6								

5		505018	Đồ họa máy tính (bt)	2	A04							7	8										501C4						6	7		9		1	2		4		6								
5		505018	Đồ họa máy tính (bt)	3	A04							7	8	9									103C6			3					8		0			3				7							
5		505018	Đồ họa máy tính (bt)	2	A06										0	1							402C6						6	7		9		1	2		4		6								
5		505018	Đồ họa máy tính (bt)	3	A06										0	1	2						104C6			3					8		0			3				7							
5	Thịnh	505026	Lập trình game	3	TNMT							7	8	9									204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Hùng	CO1003	Nhập môn về lập trình	2	L06	1	2																304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
5	Sơn	CO1003	Nhập môn về lập trình	2	L07			3	4														404H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
5	Hùng	CO1003	Nhập môn về lập trình	2	L05				4	5													208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Sơn	CO1003	Nhập môn về lập trình	2	L08					5	6												403H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
5		CO2004	Ctrúc dữliệu &g/thuật(th	3	L02							7	8	9									312H1		2	3			6		8	9		1	2		4	5		7								
6		501129	Thực hành KT lập trình	3	TNMT							7	8	9									103C6							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6		501129	Thực hành KT lập trình	3	A03										0	1	2						103C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Thìn	501134	XL ss và hệ phân bố (bt)	2	A01					5	6												200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6		505018	Đồ họa máy tính (bt)	2	TNMT				4	5													402C6						6	7		9		1	2		4		6								
6		505018	Đồ họa máy tính (bt)	3	TNMT				4	5	6												P2A5			3					8		0			3				7							
6		505018	Đồ họa máy tính (bt)	2	A03										0	1							402C4						6	7		9		1	2		4		6								
6		505018	Đồ họa máy tính (bt)	3	A03										0	1	2						P1A5			3					8		0			3				7							
6	Trực	CO1003	Nhập môn về lập trình	2	TNC1		2	3															205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6		CO1011	Kỹ thuật lập trình	3	L02							7	8	9									211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
6	Sách	CO1011	Kỹ thuật lập trình	3	L01										0	1	2						211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
6		CO2004	Ctrúc dữliệu &g/thuật(th	3	L01	1	2	3															312H1		2	3			6		8	9		1	2		4	5		7								
6		CO2012	Mô hình hóa toán học(tn)	3	L04	1	2	3															603H6						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5								
6		CO2012	Mô hình hóa toán học(tn)	3	L03				4	5	6												312H1						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5								
6		CO2012	Mô hình hóa toán học(tn)	3	L01								8	9	0								604H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L03				4	5	6												313H1						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5								
2		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L17							7	8	9									603H6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L15										0	1	2						603H6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Hải	501133	Thực hành tin học	3	A04										0	1	2						511A4								8		0		2		4		6								
3		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L18	1	2	3															603H6											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0				
3		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	TNC1	1	2	3															511A4						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5								
3		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L16				4	5	6												603H6											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0				
3		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L21							7	8	9									603H6											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0				
3		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L22										0	1	2						603H6											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0				
4	Quang	501001	Tin học đại cương	3	A01										0	1	2						303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Hải	501133	Thực hành tin học	3	A01							7	8	9									511A4								8		0		2		4		6								
4		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L12				4	5	6												604H6						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5								
5	Hải	501133	Thực hành tin học	3	A02							7	8	9									511A4								8		0		2		4		6								
5	Hải	501133	Thực hành tin học	3	A03										0	1	2						511A4								8		0		2		4		6								
5		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L11							7	8	9									313H1						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5								
6		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L01							7	8	9									313H1						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5								
6		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L20							7	8	9									603H6											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0				
6		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L02										0	1	2						313H1						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5								
6		CO1004	Nhập môn về lập trình(TH	3	L19										0	1	2						603H6											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0				
		501302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																			1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							

9		501302	Thực tập tốt nghiệp	0	TNMT																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		501303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																												
9		505021	Thực tập công nghiệp 1	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		505022	Thực tập công nghiệp 2	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		505022	Thực tập công nghiệp 2	0	A02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		505022	Thực tập công nghiệp 2	0	A03																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		505022	Thực tập công nghiệp 2	0	A04																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		505022	Thực tập công nghiệp 2	0	A05																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		505022	Thực tập công nghiệp 2	0	A06																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		505022	Thực tập công nghiệp 2	0	A07																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuấn	504007	Vi xử lý - vi điều khiển	3	A01									0	1	2					211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Minh	504008	TN vi xửlý-vi điều khiển	3	A03	1	2	3													TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
2	Minh	504008	TN vi xửlý-vi điều khiển	3	TNMT				4	5	6										TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Anh	504015	ứng dụng hệ thống nhúng	2	A01							7	8								303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		504022	ứd hệ thống nhúng (bt)	3	A01									0	1	2					TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
2	Thịnh	CO1009	Hệ thống số	3	L01							7	8	9							211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thịnh	CO1009	Hệ thống số	3	L02									0	1	2					211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Tiến	CO1010	Hệ thống số (tn)	3	L07	1	2	3													610H6											2	3	4	5	6	7	8	9	0	1					
2	Tiến	CO1010	Hệ thống số (tn)	3	L06				4	5	6										610H6											2	3	4	5	6	7	8	9	0	1					
2		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L06	1	2	3													605H6										0			3	4	5	6		8	9		1	2			
2		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L07				4	5	6										605H6										0			3	4	5	6		8	9		1	2			
2		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L04							7	8	9							605H6										0			3	4	5	6		8	9		1	2			
2		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L10										0	1	2				605H6			3			6	7	8	9		1	2		4	5										
2	Cường	CO2007	Kiến trúc máy tính	3	L01							7	8	9							113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		504022	ứd hệ thống nhúng (bt)	3	TNMT	1	2	3													TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
3	Tiến	CO1010	Hệ thống số (tn)	3	L09	1	2	3													610H6											2	3	4	5	6	7	8	9	0	1					
3	Tiến	CO1010	Hệ thống số (tn)	3	L08				4	5	6										610H6											2	3	4	5	6	7	8	9	0	1					
3	Tiến	CO1010	Hệ thống số (tn)	3	L01							7	8	9							610H6											2	3	4	5	6	7	8	9	0	1					
3	Tiến	CO1010	Hệ thống số (tn)	3	L02									0	1	2					610H6											2	3	4	5	6	7	8	9	0	1					
3		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L08	1	2	3													605H6										0			3	4	5	6		8	9		1	2			
3		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L09				4	5	6										605H6										0			3	4	5	6		8	9		1	2			
3		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L02							7	8	9							605H6										0			3	4	5	6		8	9		1	2			
3		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L01										0	1	2				605H6										0			3	4	5	6		8	9		1	2			
3	Bình	CO2008	Kiến trúc máy tính (th)	3	L01							7	8	9							601H6						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
3	Bình	CO2008	Kiến trúc máy tính (th)	3	L02										0	1	2				601H6						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
3	Anh	CO2015	Linh kiện & mạch điện tử	3	TNMT	1	2	3													202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Cường	504002	Kiến trúc máy tính	2	A01							7	8								401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	504015	ứng dụng hệ thống nhúng	2	TNMT							7	8								205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	504028	Pt ứd internet of things	3	A01				4	5	6										303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tín	504029	Ptứd internet of th (th)	3	A05				4	5	6										TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
4	Tín	504029	Ptứd internet of th (th)	3	A03							7	8	9							TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
4	Tín	504029	Ptứd internet of th (th)	3	A04										0	1	2				TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
4		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L11				4	5	6										603H6			3			6	7	8	9		1	2		4	5										
4	Phương	CO2016	Linh kiện & mạch DT (tn)	2	TNMT	1	2														601H6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

4	Phương	CO2016	Linh kiện & mạch DT (tn)	2	L01			3	4													601H6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	CO2016	Linh kiện & mạch DT (tn)	2	L02					5	6											601H6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thiên	CO2019	Thựctập phầncứng máytính	4	TNMT			3	4	5	6											610H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thiên	CO2019	Thựctập phầncứng máytính	4	L02									9	0	1	2					610H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tín	501128	Thiết kế luận lý 1	3	A01							7	8	9								303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuấn	504007	Vi xử lý - vi điều khiển	3	TNMT										0	1	2					204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Minh	504008	TN vi xửlý-vi điều khiển	3	A01	1	2	3														TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Minh	504008	TN vi xửlý-vi điều khiển	3	A02				4	5	6											TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Bình	504027	Kiến trúc máy tính (bt)	2	A01	1	2															511A4						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
5	Anh	504028	Pt ứd internet of things	3	TNMT										0	1	2					207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tín	504029	Ptứd internet of th (th)	3	A01							7	8	9								TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Tín	504029	Ptứd internet of th (th)	3	A02										0	1	2					TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Bình	CO2008	Kiến trúc máy tính (th)	3	TNMT				4	5	6											601H6						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
5	Bách	CO2019	Thựctập phầncứng máytính	4	L01			3	4	5	6											610H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		504022	ứd hệ thống nhúng (bt)	3	A03							7	8	9								TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
6		504022	ứd hệ thống nhúng (bt)	3	A02										0	1	2					TNKTMT							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
6	Tín	CO1010	Hệ thống số (tn)	3	L03	1	2	3														610H6											2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
6	Tín	CO1010	Hệ thống số (tn)	3	L05				4	5	6											610H6											2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
6	Tín	CO1010	Hệ thống số (tn)	3	L04							7	8	9								610H6											2	3	4	5	6	7	8	9	0	1				
6		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L05	1	2	3														605H6									0			3	4	5	6		8	9		1	2				
6		CO1012	Kỹ thuật lập trình (bt)	3	L03				4	5	6											605H6									0			3	4	5	6		8	9		1	2				
6	Cường	CO2007	Kiến trúc máy tính	3	TNMT										0	1	2					204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phương	CO2015	Linh kiện & mạch điện tử	3	L01				4	5	6											212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		504006	ĐAMH thiết kế luận lý	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		504010	ĐAMH ngành ktmt	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		504302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		504302	Thực tập tốt nghiệp	0	TNMT																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		504303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
9		CO2021	ĐAMH thiết kế luận lý	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CO2021	ĐAMH thiết kế luận lý	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CO2021	ĐAMH thiết kế luận lý	0	L02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thái	506005	Mật mã & an ninh mạng	2	TNMT							7	8									205B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Duy	506006	Hệ điều hành (bt)	2	A01					5	6											P2A5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Cường	506008	Mạng máy tính 2 (bt)	2	TNMT					5	6											200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nam	506009	Mật mã &an ninh mạng (bt	2	A01	1	2															200B1						6		8	9	0	1		3		5		7	8							
2		506009	Mật mã &an ninh mạng (bt	2	A01	1	2															301C4		2	3				7					2		4		6								
2	Nam	506009	Mật mã &an ninh mạng (bt	2	TNMT			3	4													200B1						6		8	9	0	1		3		5		7	8							
2		506009	Mật mã &an ninh mạng (bt	2	TNMT			3	4													403C5		2	3				7					2		4		6								
2	Hiếu	506011	Lập trình web (bt)	2	TNMT	1	2															200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiếu	506011	Lập trình web (bt)	2	A01			3	4													200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiếu	506011	Lập trình web (bt)	2	A02										0	1						200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nam	506013	H/thốngthiếtbị d/động(bt	2	TNMT											1	2					200B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Vân	CO2017	Hệ điều hành	3	L01							7	8	9								403H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Sơn	506001	Hệ điều hành	3	A01	1	2	3														401C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

3	Cường	506007	Mạng máy tính 1 (bt)	2	TNMT							7	8									200B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Cường	506007	Mạng máy tính 1 (bt)	2	A01										0	1						200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Cường	506008	Mạng máy tính 2 (bt)	2	A01				5	6												200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thái	506010	Lập trình web	2	A01							7	8									201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hiếu	506011	Lập trình web (bt)	2	A03	1	2															200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Kang	506012	H/thống thiết bị di động	2	A01									9	0							201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Kang	506012	H/thống thiết bị di động	2	TNMT											1	2					204B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nam	506013	H/thốngthiếtbị d/động(bt	2	A01	1	2															200B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nam	506013	H/thốngthiếtbị d/động(bt	2	A02				5	6												200B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Cường	506008	Mạng máy tính 2 (bt)	2	A04			3	4													200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Cường	506008	Mạng máy tính 2 (bt)	2	A03				5	6												200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thái	506010	Lập trình web	2	A02	1	2															310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Duy	CO2018	Hệ điều hành (tn)	2	L03							7	8									603H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Duy	CO2018	Hệ điều hành (tn)	2	L04									9	0							604H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Duy	CO2018	Hệ điều hành (tn)	2	L01											1	2					603H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Đạt	501710	Mạng máy tính	3	P01							7	8	9								202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vũ	506002	Mạng máy tính 1	3	TNMT							7	8	9								203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vũ	506002	Mạng máy tính 1	3	A01										0	1	2					307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Cường	506007	Mạng máy tính 1 (bt)	2	A04				5	6												P1A5		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Nam	506009	Mật mã &an ninh mạng (bt	2	A02				5	6												200B1						6		8	9	0	1		3		5		7	8								
5		506009	Mật mã &an ninh mạng (bt	2	A02				5	6												604C6		2	3				7					2		4		6									
5	Thái	506010	Lập trình web	2	TNMT			3	4													201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hiếu	506011	Lập trình web (bt)	2	A04							7	8									200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Sơn	CO2017	Hệ điều hành	3	L02	1	2	3														201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Duy	CO2018	Hệ điều hành (tn)	2	TNMT											1	2					200B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đạt	506003	Mạng máy tính 2	3	A01							7	8	9								315B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đạt	506003	Mạng máy tính 2	3	TNMT										0	1	2					204B10		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thái	506005	Mật mã & an ninh mạng	2	A01			3	4													315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Cường	506007	Mạng máy tính 1 (bt)	2	A03							7	8									200B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Cường	506007	Mạng máy tính 1 (bt)	2	A02									9	0							200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Cường	506008	Mạng máy tính 2 (bt)	2	A02	1	2															200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nam	506009	Mật mã &an ninh mạng (bt	2	A03				5	6												200B1						6		8	9	0	1		3		5		7	8								
6		506009	Mật mã &an ninh mạng (bt	2	A03				5	6												603C6		2	3				7					2		4		6									
6	Hiếu	506011	Lập trình web (bt)	2	A05			3	4													200AB1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nam	506013	H/thốngthiếtbị d/động(bt	2	A03	1	2															200B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Vân	CO2017	Hệ điều hành	3	TNMT				4	5	6											201B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Duy	CO2018	Hệ điều hành (tn)	2	L05									9	0							312H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Duy	CO2018	Hệ điều hành (tn)	2	L02											1	2					310H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trân	701708	PP thống kê &ptích dliệu	3	P01										0	1	2					503C6						6	7	8	9	0															
3	Phương	006007	Toán kinh tế ứng dụng	3	A01										0	1	2					504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiệp	701150	Thương mại điện tử	3	A01										0	1	2					102B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thanh	IM1005	Toán kinh tế ứng dụng	3	L01							7	8	9								101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Thanh	IM1005	Toán kinh tế ứng dụng	3	L02										0	1	2					201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Trân	701708	PP thống kê &ptích dliệu	3	P02										0	1	2					503C6						6	7	8	9	0															

2	Hiệp	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A07				4	5	6											301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thanh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A11							7	8	9								303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Dũng	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A01										0	1	2					401C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A03							7	8	9								401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phương	700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A10							7	8	9								210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phương	700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A09										0	1	2					203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Quân	IM2023	Xã hội học đại cương	3	L01							7	8	9								302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trân	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A09	1	2	3														305B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hiệp	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A13	1	2	3														203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A17							7	8	9								501B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A16										0	1	2					309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A04	1	2	3														301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuấn	700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A05				4	5	6											202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phương	700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A11							7	8	9								303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phương	700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A02										0	1	2					404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Minh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A02										0	1	2					309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trân	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A12										0	1	2					302C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A20										0	1	2					301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tùng	700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A14							7	8	9								310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phong	IM2023	Xã hội học đại cương	3	L02	1	2	3														311H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tùng	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A08	1	2	3														308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Anh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A15	1	2	3														203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Minh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A05				4	5	6											203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phương	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A19							7	8	9								302B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phương	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A10										0	1	2					314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dũng	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A18										0	1	2					306B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Minh	700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A13							7	8	9								303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Minh	700213	Quản trị k/doanh cho KS	3	A01										0	1	2					304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		701012	Thực tập 2	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		701012	Thực tập 2	6	A02	1	2	3	4	5	6											TTNT23	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		701012	Thực tập 2	6	A03	1	2	3	4	5	6											TTTNC8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		701012	Thực tập 2	6	A04	1	2	3	4	5	6											TTTNC9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		701012	Thực tập 2	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT34	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		701012	Thực tập 2	6	A02							7	8	9	0	1	2					TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		701012	Thực tập 2	6	A03							7	8	9	0	1	2					TTTNC9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		701012	Thực tập 2	6	A04							7	8	9	0	1	2					TTTNC8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuân	701017	Thực tập 1	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT24	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
5	Tuân	701017	Thực tập 1	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT25	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
5		IM2029	Thực tập nhận thức	6	L01	1	2	3	4	5	6											TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		IM2029	Thực tập nhận thức	6	L02	1	2	3	4	5	6											TTNT33	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		IM2029	Thực tập nhận thức	6	L03	1	2	3	4	5	6											TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		IM2029	Thực tập nhận thức	6	L04	1	2	3	4	5	6											TTNT32	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		IM2029	Thực tập nhận thức	6	L01							7	8	9	0	1	2					TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		IM2029	Thực tập nhận thức	6	L02							7	8	9	0	1	2					TTNT32	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

5		IM2029	Thực tập nhận thức	6	L03							7	8	9	0	1	2					TTNT29	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		IM2029	Thực tập nhận thức	6	L04							7	8	9	0	1	2					TTNT31	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Kỷ	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A14	1	2	3														302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thanh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A06							7	8	9								314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Minh	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A21							7	8	9								605B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Kỷ	700200	Lập &P/Tích Dự án cho KS	3	A03										0	1	2					303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		701302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		701303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Hiệp	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A09							7	8	9								203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trang	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A13							7	8	9								301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nguyên	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A01										0	1	2					304C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lan	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A08										0	1	2					301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuân	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A01							7	8	9								303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nguyên	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A08							7	8	9								301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hùng	701007	Quản lý bảo trì Cnghiệp	3	A02							7	8	9								303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nguyên	701119	Iso 9000	3	A01	1	2	3														601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nguyên	701120	Quản lý sx theo Lean&Jit	3	A02				4	5	6											504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Anh	701709	Hợpđồng,thtrường &tchuẩn	3	P02	1	2	3														202B10	1	2	3			6	7																		
2	Anh	701710	Bảo hộ sáng chế	3	P01	1	2	3														206B10								8	9	0	1	2												
3	Trang	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A07				4	5	6											301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trang	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A03							7	8	9								301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nguyên	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A06	1	2	3														201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nguyên	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A04				4	5	6											301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuân	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A02							7	8	9								404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hùng	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A13							7	8	9								203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lan	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A03										0	1	2					401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Uyên	701074	Quản lý chất lượng	3	A01				4	5	6											308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hùng	701074	Quản lý chất lượng	3	A02										0	1	2					203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuân	701109	Phát triển sản phẩm mới	3	A02				4	5	6											602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Uyên	701128	Quản lý dự án	3	A02	1	2	3														602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Anh	701709	Hợpđồng,thtrường &tchuẩn	3	P01							7	8	9								206B10	1	2	3			6	7																		
3	Anh	701710	Bảo hộ sáng chế	3	P02							7	8	9								202B10												3	4	5	6	7								
4	Nguyên	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A11	1	2	3														303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lan	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A14										0	1	2					310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hùng	701007	Quản lý bảo trì Cnghiệp	3	A01	1	2	3														302B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hùng	701120	Quản lý sx theo Lean&Jit	3	A01	1	2	3														601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trang	701128	Quản lý dự án	3	A01				4	5	6											601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Uyên	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A04	1	2	3														301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hiệp	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A02				4	5	6											304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Uyên	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A06				4	5	6											201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hùng	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A09				4	5	6											302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Lan	700212	Quản lý sản xuất cho Ksư	3	A12										0	1	2					302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lan	700211	Quản lý dự án cho kỹ sư	3	A11	1	2	3														303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tuân	701109	Phát triển sản phẩm mới	3	A01	1	2	3														601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Hằng	IM2021	Hệ thống sản xuất	3	L02							7	8	9								311H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hằng	IM2021	Hệ thống sản xuất	3	L01										0	1	2					211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nhàn	701130	Kế Toán 2	3	A02										0	1	2					203B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thảo	701095	Luật kinh doanh	3	A01	1	2	3														308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thảo	701095	Luật kinh doanh	3	A02				4	5	6											403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hùng	IM1009	Kinh tế học vĩ mô	3	L02	1	2	3														204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hùng	IM1009	Kinh tế học vĩ mô	3	L01				4	5	6											204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Anh	701142	Kinh tế học đại cương	3	A01							7	8	9								303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Ngọc	IM2019	Kế toán quản trị	3	L01	1	2	3														211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Ngọc	IM2019	Kế toán quản trị	3	L02				4	5	6											311H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hiền	701018	Tài chính Quốc tế	3	A01				4	5	6											602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nhàn	701130	Kế Toán 2	3	A01	1	2	3														304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thanh	701134	Hệ thống tài chính	3	A01				4	5	6											602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		701707	Kinh tế đại cương 2	3	P02				4	5	6											301C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thư	701016	Hành vi tổ chức	3	A01				4	5	6											601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Xuân	701044	Quản lý nhân sự	3	A01				4	5	6											303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuấn	701702	Quản trị học	4	P01								8	9	0	1						404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Mai	701069	Tiếp thị	3	A01										0	1	2					210B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thư	701016	Hành vi tổ chức	3	A02							7	8	9								302B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuấn	IM1007	Quản trị đại cương	3	L02							7	8	9								201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Anh	IM1007	Quản trị đại cương	3	L01										0	1	2					101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Mai	701010	Kinh doanh Quốc Tế	3	A01										0	1	2					301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thư	701702	Quản trị học	4	P02							7	8	9	0							303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
6	Xuân	701044	Quản lý nhân sự	3	A02										0	1	2					303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		701124	Quản lý chiến lược	3	A01				4	5	6											310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nhơn	701124	Quản lý chiến lược	3	A02							7	8	9								301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		IM2017	Hành vi tổ chức	3	L01							7	8	9								211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		IM2017	Hành vi tổ chức	3	L02										0	1	2					311H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		003001	Anh văn 1	4	A01							7	8	9	0							302C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		003002	Anh văn 2	4	A01							7	8	9	0							604C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		003003	Anh văn 3	4	A02	1	2	3	4													301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		003004	Anh văn 4	4	A03							7	8	9	0							215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Ngọc	003708	Tiếng pháp 8 (tự Chọn)	3	P01				4	5	6											202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Diệp	003708	Tiếng pháp 8 (tự Chọn)	3	P02				4	5	6											207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phong	003708	Tiếng pháp 8 (tự Chọn)	3	P03				4	5	6											206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		003721	Anh Văn 6 (xd)	2	P01									9	0							502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Ngọc	003728	Pháp Văn 6 (xd)	3	P01	1	2	3														207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trang	003730	Pháp Văn 8 (xd)	3	P01							7	8	9								207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1003	Anh văn 1	4	L03	1	2	3	4													710H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1005	Anh văn 2	4	L30	1	2	3	4													809H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1005	Anh văn 2	4	L32	1	2	3	4													801H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1005	Anh văn 2	4	L35	1	2	3	4													701H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1005	Anh văn 2	4	L38	1	2	3	4													313H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1005	Anh văn 2	4	L15			3	4	5	6											805H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			

2		LA1005	Anh văn 2	4	L06						7	8	9	0							808H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1005	Anh văn 2	4	L18						7	8	9	0							806H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1007	Anh văn 3	4	L05	1	2	3	4												810H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1007	Anh văn 3	4	L10	1	2	3	4												806H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1007	Anh văn 3	4	L28	1	2	3	4												803H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1007	Anh văn 3	4	L37	1	2	3	4												312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1007	Anh văn 3	4	L06						7	8	9	0							805H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1007	Anh văn 3	4	L17						7	8	9	0							802H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1007	Anh văn 3	4	L27						7	8	9	0							810H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		LA1007	Anh văn 3	4	L43						7	8	9	0							711H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1007	Anh văn 3	4	A47								9	0	1	2					604B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1007	Anh văn 3	4	L36								9	0	1	2					710H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1009	Anh văn 4	4	A30	1	2	3	4												603C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1009	Anh văn 4	4	L01	1	2	3	4												708H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1009	Anh văn 4	4	L02	1	2	3	4												703H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1009	Anh văn 4	4	L22						7	8	9	0							703H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1009	Anh văn 4	4	A27								9	0	1	2					602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1009	Anh văn 4	4	L14								9	0	1	2					701H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		LA1009	Anh văn 4	4	L16								9	0	1	2					708H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thanh	LA1017	Pháp văn 4	4	AU2	1	2	3	4												305C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		003004	Anh văn 4	4	A01	1	2	3	4												302C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Ngọc	003704	Tiếng pháp 4	3	P01	1	2	3													501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Trang	003704	Tiếng pháp 4	3	P02	1	2	3													602C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Ngọc	003704	Tiếng pháp 4	2	P03				4	5											401C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Thi	003704	Tiếng pháp 4	2	P04				4	5											301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
3	Ngọc	003706	Tiếng pháp 6 (tự Chọn)	3	P01						7	8	9								207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		003723	Anh Văn 8 (xd)	2	P01	1	2														501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1003	Anh văn 1	4	L01								9	0	1	2					707H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1005	Anh văn 2	4	L02	1	2	3	4												703H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1005	Anh văn 2	4	L41	1	2	3	4												305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1005	Anh văn 2	4	L11			3	4	5	6										809H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1005	Anh văn 2	4	L24			3	4	5	6										811H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1005	Anh văn 2	4	L03						7	8	9	0							701H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1005	Anh văn 2	4	L16						7	8	9	0							805H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1005	Anh văn 2	4	L22						7	8	9	0							803H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1005	Anh văn 2	4	L29						7	8	9	0							703H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1005	Anh văn 2	4	L44								9	0	1	2					312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1007	Anh văn 3	4	L32	1	2	3	4												805H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1007	Anh văn 3	4	L09			3	4	5	6										803H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1007	Anh văn 3	4	L23			3	4	5	6										806H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1007	Anh văn 3	4	L13						7	8	9	0							801H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1007	Anh văn 3	4	L14						7	8	9	0							710H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1007	Anh văn 3	4	L15						7	8	9	0							811H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		LA1007	Anh văn 3	4	L22						7	8	9	0							711H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			

3		LA1007	Anh văn 3	4	L31								9	0	1	2					810H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1007	Anh văn 3	4	L45								9	0	1	2					806H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1009	Anh văn 4	4	L04	1	2	3	4												701H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1009	Anh văn 4	4	L07	1	2	3	4												708H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1009	Anh văn 4	4	L08	1	2	3	4												810H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		LA1009	Anh văn 4	4	L05								9	0	1	2					708H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thanh	LA1017	Pháp văn 4	4	AU2	1	2	3	4												305C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		003002	Anh văn 2	4	P02								9	0	1	2					401C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		003003	Anh văn 3	4	A04	1	2	3	4												604B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		003003	Anh văn 3	4	P02								9	0	1	2					604C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		003003	Anh văn 3	4	P03								9	0	1	2					602C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		003004	Anh văn 4	4	A02	1	2	3	4												315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		003004	Anh văn 4	4	C07	1	2	3	4												602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		003004	Anh văn 4	4	A04						7	8	9	0							504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		003004	Anh văn 4	4	P08						7	8	9	0							502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Minh	003702	Tiếng pháp 2	3	P01	1	2	3													403C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Ngọc	003702	Tiếng pháp 2	3	P03	1	2	3													401C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Ngọc	003702	Tiếng pháp 2	2	P02				4	5											401C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Minh	003702	Tiếng pháp 2	2	P04				4	5											603C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Diệp	003702	Tiếng pháp 2	2	P05				4	5											501C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Ngọc	003706	Tiếng pháp 6 (tự Chọn)	3	P02						7	8	9								207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		003721	Anh Văn 6 (xd)	2	P01										1	2					502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1003	Anh văn 1	4	L02	1	2	3	4												710H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1005	Anh văn 2	4	L13	1	2	3	4												806H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1005	Anh văn 2	4	L31	1	2	3	4												810H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1005	Anh văn 2	4	L33	1	2	3	4												807H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1005	Anh văn 2	4	L43	1	2	3	4												809H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1005	Anh văn 2	4	L14						7	8	9	0							805H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1005	Anh văn 2	4	L17						7	8	9	0							803H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1005	Anh văn 2	4	L20						7	8	9	0							703H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1005	Anh văn 2	4	L21						7	8	9	0							810H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1007	Anh văn 3	4	L04	1	2	3	4												805H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1007	Anh văn 3	4	L30	1	2	3	4												803H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1007	Anh văn 3	4	L44	1	2	3	4												703H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1007	Anh văn 3	4	L11						7	8	9	0							801H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1007	Anh văn 3	4	L16						7	8	9	0							809H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1007	Anh văn 3	4	L18						7	8	9	0							701H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		LA1007	Anh văn 3	4	L34						7	8	9	0							711H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1007	Anh văn 3	4	L46						7	8	9	0							811H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1007	Anh văn 3	4	A49								9	0	1	2					302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1009	Anh văn 4	4	L20	1	2	3	4												213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1009	Anh văn 4	4	L21	1	2	3	4												306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1009	Anh văn 4	4	L26						7	8	9	0							710H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1009	Anh văn 4	4	A28								9	0	1	2					305B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

4		LA1009	Anh văn 4	4	L03								9	0	1	2					708H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		LA1009	Anh văn 4	4	L06								9	0	1	2					806H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		003002	Anh văn 2	4	A02						7	8	9	0							401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		003004	Anh văn 4	4	A05	1	2	3	4												211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Ngọc	003704	Tiếng pháp 4	3	P03	1	2	3													401C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Thi	003704	Tiếng pháp 4	3	P04	1	2	3													403C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Ngọc	003704	Tiếng pháp 4	2	P01				4	5											401C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Trang	003704	Tiếng pháp 4	2	P02				4	5											402C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Ngọc	003706	Tiếng pháp 6 (tự Chọn)	3	P03						7	8	9								207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1005	Anh văn 2	4	L01	1	2	3	4												805H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1005	Anh văn 2	4	L04	1	2	3	4												703H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1005	Anh văn 2	4	L05	1	2	3	4												806H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1005	Anh văn 2	4	L08	1	2	3	4												810H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1005	Anh văn 2	4	L45	1	2	3	4												312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1005	Anh văn 2	4	A36			3	4	5	6										203B8								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1005	Anh văn 2	4	L07						7	8	9	0							808H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1005	Anh văn 2	4	L23						7	8	9	0							805H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1005	Anh văn 2	4	L26						7	8	9	0							809H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1005	Anh văn 2	4	L28						7	8	9	0							803H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1005	Anh văn 2	4	L42								9	0	1	2					214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1007	Anh văn 3	4	L01	1	2	3	4												811H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1007	Anh văn 3	4	L03	1	2	3	4												710H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1007	Anh văn 3	4	L20	1	2	3	4												803H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1007	Anh văn 3	4	L29	1	2	3	4												711H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1007	Anh văn 3	4	L39	1	2	3	4												702H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1007	Anh văn 3	4	A32			3	4	5	6										303B6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1007	Anh văn 3	4	L41			3	4	5	6										705H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1007	Anh văn 3	4	A31						7	8	9	0							301B6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1007	Anh văn 3	4	L07						7	8	9	0							810H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1007	Anh văn 3	4	L21						7	8	9	0							703H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1007	Anh văn 3	4	L24						7	8	9	0							804H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		LA1007	Anh văn 3	4	L40						7	8	9	0							711H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1007	Anh văn 3	4	A48								9	0	1	2					503C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1007	Anh văn 3	4	L35								9	0	1	2					710H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1009	Anh văn 4	4	L10	1	2	3	4												701H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1009	Anh văn 4	4	L11	1	2	3	4												708H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1009	Anh văn 4	4	L12	1	2	3	4												704H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1009	Anh văn 4	4	L18						7	8	9	0							708H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1009	Anh văn 4	4	L19						7	8	9	0							806H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		LA1009	Anh văn 4	4	L13								9	0	1	2					701H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Trang	LA1017	Pháp văn 4	5	AU1						7	8	9	0	1						305C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
6		003002	Anh văn 2	4	A03	1	2	3	4												301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		003003	Anh văn 3	4	A01	1	2	3	4												303C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		003004	Anh văn 4	4	A06						7	8	9	0							501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Ngọc	003702	Tiếng pháp 2	3	P02	1	2	3														401C6							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Minh	003702	Tiếng pháp 2	3	P04	1	2	3														402C6							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Diệp	003702	Tiếng pháp 2	3	P05	1	2	3														207B10							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Minh	003702	Tiếng pháp 2	2	P01				4	5												401C6							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Ngọc	003702	Tiếng pháp 2	2	P03				4	5												207B10							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		003723	Anh Văn 8 (xd)	2	P01							8	9									207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1005	Anh văn 2	4	L25	1	2	3	4													801H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1005	Anh văn 2	4	L27	1	2	3	4													809H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1005	Anh văn 2	4	L34	1	2	3	4													701H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1005	Anh văn 2	4	L37	1	2	3	4													805H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1005	Anh văn 2	4	L39	1	2	3	4													703H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1005	Anh văn 2	4	L09						7	8	9	0								807H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1005	Anh văn 2	4	L10						7	8	9	0								801H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1005	Anh văn 2	4	L12						7	8	9	0								804H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1005	Anh văn 2	4	L19						7	8	9	0								809H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1005	Anh văn 2	4	L40								9	0	1	2						415H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1007	Anh văn 3	4	L25	1	2	3	4													810H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1007	Anh văn 3	4	L38	1	2	3	4													806H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1007	Anh văn 3	4	L02						7	8	9	0								811H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1007	Anh văn 3	4	L08						7	8	9	0								701H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1007	Anh văn 3	4	L12						7	8	9	0								803H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1007	Anh văn 3	4	L19						7	8	9	0								708H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		LA1007	Anh văn 3	4	L42						7	8	9	0								413H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1007	Anh văn 3	4	L33								9	0	1	2						411H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1009	Anh văn 4	4	A29	1	2	3	4													302B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1009	Anh văn 4	4	L17	1	2	3	4													811H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1009	Anh văn 4	4	L23	1	2	3	4													708H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1009	Anh văn 4	4	L24						7	8	9	0								310H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1009	Anh văn 4	4	L25						7	8	9	0								313H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		LA1009	Anh văn 4	4	L15								9	0	1	2						704H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thanh	LA1017	Pháp văn 4	5	AU1	1	2	3	4	5												305C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6									
7	Thanh	003108	Pháp văn 6 (auf)	5	AU1						7	8	9	0	1							206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
7		LA1007	Anh văn 3	4	L26	1	2	3	4													703H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
7	Thanh	LA1017	Pháp văn 4	5	AU2		2	3	4	5	6											305C6						6	7	8	9																
8	Nhân	003110	Pháp văn 8 (auf)	5	AU1		2	3	4	5	6											206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nhi	201025	Dao động kỹ thuật	2	A01					5	6											305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nhã	201026	Đàn hồi ứng dụng A	2	A01									0	1							307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Long	201031	PP phầntử hhạn udụng(ckt	2	A01			3	4													305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiền	201035	TT mô phỏng cơ kỹ thuật	3	A01						7	8	9									307B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Minh	201037	ứd các pmềm trg tt cơhọc	2	A01	1	2															305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thiện	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L11	1	2	3	4													204H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thiện	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L10						7	8	9	0								302H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hòa	AS2005	Cơ lý thuyết nâng cao	4	L02								9	0	1	2						213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Minh	AS2007	Cơ học ứng dụng	3	L01						7	8	9									305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

3	Thiện	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L12	1	2	3	4													404H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Khương	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L13	1	2	3	4													403H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thiện	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L08							7	8	9	0							401H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Tri	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L09							7	8	9	0							201H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Anh	201001	Cơ học lý thuyết	3	A01							7	8	9								211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Anh	201001	Cơ học lý thuyết	3	A01										0	1	2					211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Thiện	201022	Cơhọc môitrường liên tục	4	A01	1	2	3	4													303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Nhi	201025	Dao động kỹ thuật	2	A01					5	6											301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Nhã	201026	Đàn hồi ứng dụng A	2	A01										0	1						602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Bằng	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L03	1	2	3	4													102H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hiền	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L01							7	8	9	0							304H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Bằng	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L14							7	8	9	0							103H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hòa	AS2011	Lý thuyết đàn hồi	4	L01							7	8	9	0							109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Nhi	201027	Đolường các đlượng pđiện	3	A01				4	5	6											504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Long	201032	Thiết kế kỹ thuật	3	A01							7	8	9								601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Tri	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L02	1	2	3	4													102H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hiền	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L04	1	2	3	4													103H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hòa	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L07							7	8	9	0							301H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Toàn	AS2007	Cơ học ứng dụng	3	A01								8	9	0							603C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Khương	201010	Cơ học ứng dụng	4	A01							7	8	9	0							603C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Long	201023	CAD ứng dụng	3	A01							7	8	9								601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	`	2	3	4	5	6	7							
6	Long	201031	PP phầntử hhạn udụng(ckt	2	A01					5	6											305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Minh	201037	ứd các pmềm trg tt cơhọc	2	A01			3	4													305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Thiện	201706	Hư hỏng & phá hủy 2	2	P01										0	1						202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Nhã	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L05	1	2	3	4													202H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Khương	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L06	1	2	3	4													203H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nhã	AS1003	Cơ lý thuyết	4	A16							7	8	9	0							215B1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Tri	AS1003	Cơ lý thuyết	4	L15							7	8	9	0							202H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hòa	AS2005	Cơ lý thuyết nâng cao	4	L01							7	8	9	0							402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Dương	AS2007	Cơ học ứng dụng	3	L03							7	8	9								114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Quốc	AS2007	Cơ học ứng dụng	3	L02										0	1	2					406H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Hòa	AS2011	Lý thuyết đàn hồi	4	L02	1	2	3	4													112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Long	AS2013	CAD ứng dụng	4	L01	1	2	3	4													110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Minh	AS2013	CAD ứng dụng	4	L02							7	8	9	0							214H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
7	Hưng	201302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT23							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
7	Hưng	201302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT23							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
8	Hưng	201302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT23							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
8	Hưng	201302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT23							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
		201002	Thực tập kỹ thuật	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		201040	ĐAMH mô phỏng cơ học	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		201103	Bài tập cơ lý thuyết	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
9		201303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
9		AS2015	Thực tập cơ kỹ thuật 1	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	Cường	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	2	P02									9	0							403C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8						

3	Cường	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	2	P01										1	2					503C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
4	Cường	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	2	P02	1	2														308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
4	Cường	201707	Cơ học vật rắn & sóng cơ	2	P01			3	4												310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
2	Thủy	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	3	A03	1	2	3													212B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hồng	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	4	A03	1	2	3	4												GDB2A	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hương	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A06						7	8	9								403C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hương	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A07									0	1	2					305B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thịnh	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A10									0	1	2					308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Luận	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L08	1	2	3	4												213H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Phong	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L05			3	4	5	6										201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trang	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L04						7	8	9	0							205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tỵ	SP1009	Đườnglối CM của ĐảngCSVN	4	L01			3	4	5	6										301H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phổ	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	3	C02	1	2	3													302B6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Phổ	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	3	C01				4	5	6										302B6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Tỵ	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	4	L08			3	4	5	6										213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hồng	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	4	A07								9	0	1	2					306B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hương	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A05	1	2	3													502C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hương	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A11				4	5	6										211B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thủy	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A03						7	8	9								502C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thủy	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A02									0	1	2					308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trang	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L06			3	4	5	6										406H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thắng	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L07			3	4	5	6										311H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trang	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L04						7	8	9	0							205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tỵ	SP1009	Đườnglối CM của ĐảngCSVN	4	L02						7	8	9	0							401H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hương	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	3	A02						7	8	9								305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thủy	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	A03						7	8	9	0							306B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hồng	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	4	A02			3	4	5	6										308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Bảo	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A14	1	2	3													303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Bảo	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A04						7	8	9								309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thịnh	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A01									0	1	2					308B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Sơn	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L01	1	2	3	4												114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phong	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L02	1	2	3	4												113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phong	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L05						7	8	9	0							206H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thắng	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L07							8	9	0	1						412H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		SP1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	L05	1	2	3													206H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		SP1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	L04				4	5	6										206H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tỵ	SP1009	Đườnglối CM của ĐảngCSVN	4	A01			3	4	5	6										501C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hương	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	A02	1	2	3	4												304C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hồng	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	4	A01			3	4	5	6										GDB2A	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hồng	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	4	A04								9	0	1	2					GDB2A	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Bảo	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A12	1	2	3													305B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thịnh	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A08				4	5	6										202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thủy	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A09						7	8	9								314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Phong	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L03	1	2	3	4												412H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

5	Trang	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L06							7	8	9	0							206H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hạnh	SP1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	L02	1	2	3														211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hạnh	SP1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	L01				4	5	6											211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Phổ	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	C01			3	4	5	6											302B6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Phổ	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	C02							7	8	9	0							302B6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Tỵ	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	4	A05	1	2	3	4													GDB2B	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tỵ	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	4	A06							7	8	9	0							GDB2A	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hương	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	P16	1	2	3														303C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hương	001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	A15				4	5	6											601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		001025	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	L11				4	5	6											201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Sơn	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L01	1	2	3	4													114H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phong	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L02	1	2	3	4													113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phong	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L03							7	8	9	0							305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Luận	SP1003	Những NgLý cơbản CN M-Lê	4	L08									9	0	1	2					212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		SP1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	L03	1	2	3														212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thùy	005006	Giáo dục thể chất 2	2	A01	1	2															SAN7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Khôi	005006	Giáo dục thể chất 2	2	C01	1	2															SAN5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thùy	005006	Giáo dục thể chất 2	2	A03			3	4													SAN7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Khôi	005006	Giáo dục thể chất 2	2	C03			3	4													SAN5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Khôi	005006	Giáo dục thể chất 2	2	P06									9	0							SAN5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Khoa	005006	Giáo dục thể chất 2	2	P08									9	0							SAN8								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Khôi	005006	Giáo dục thể chất 2	2	P05											1	2					SAN5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Khoa	005006	Giáo dục thể chất 2	2	P07											1	2					SAN8								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L34	1	2															SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thiện	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L42	1	2															SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thịnh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L43	1	2															SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L44	1	2															SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L10			3	4													SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thiện	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L12			3	4													SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thịnh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L54			3	4													SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L56			3	4													SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L36					5	6											SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L37					5	6											SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	A86									9	0							SAN7								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L13									9	0							SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	A85											1	2					SAN7								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L09											1	2					SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Vinh	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L10	1	2															SANLT7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Vinh	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L12			3	4													SANLT7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Vinh	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L11					5	6											SANLT7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thùy	005005	Giáo dục thể chất 1	2	A01			3	4													SAN5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thùy	005006	Giáo dục thể chất 2	2	A02	1	2															SAN5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L14	1	2															SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thịnh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L16	1	2															SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			

3	Thiện	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L70	1	2															SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L81	1	2															SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L04			3	4													SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thiện	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L17			3	4													SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thịnh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L61			3	4													SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L62			3	4													SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L77					5	6											SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thiện	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L78					5	6											SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L33									9	0							SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thịnh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L53									9	0							SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thiện	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L59									9	0							SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L60									9	0							SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L08											1	2					SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thịnh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L58											1	2					SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thiện	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L69											1	2					SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L71											1	2					SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Vinh	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L05	1	2															SANLT3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Vinh	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L02			3	4													SANLT3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Vinh	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L13									9	0							SANLT7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Vinh	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L21											1	2					SANLT7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thùy	005006	Giáo dục thể chất 2	2	C02	1	2															SAN5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Thùy	005006	Giáo dục thể chất 2	2	C04			3	4													SAN5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Thịnh	005011	Giáo dục thể chất 3	2	A03	1	2															SAN1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thịnh	005011	Giáo dục thể chất 3	2	A04			3	4													SAN1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L19	1	2															SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L21	1	2															SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L22	1	2															SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L64	1	2															SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L05			3	4													SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L25			3	4													SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L26			3	4													SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L32			3	4													SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L07					5	6											SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L18					5	6											SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L20					5	6											SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L27									9	0							SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L28									9	0							SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L41									9	0							SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L57									9	0							SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L02											1	2					SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L06											1	2					SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L35											1	2					SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L68											1	2					SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L04	1	2															SANLT3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

4	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L09			3	4													SANLT3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L17					5	6											SANLT7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L15									9	0							SANLT5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L14											1	2					SANLT7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L11	1	2															SANLT2								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L79	1	2															SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L80	1	2															SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thiện	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L82	1	2															SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L83	1	2															SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L29			3	4													SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L30			3	4													SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thiện	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L31			3	4													SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L45			3	4													SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L65			3	4													SANLT2								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L23									9	0							SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L24									9	0							SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L40									9	0							SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L52									9	0							SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L46											1	2					SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L47											1	2					SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hải	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L48											1	2					SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L49											1	2					SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	A02									9	0							SAN1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	A01											1	2					SAN1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thịnh	005011	Giáo dục thể chất 3	2	A01	1	2															SAN1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thịnh	005011	Giáo dục thể chất 3	2	A02			3	4													SAN1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L73	1	2															SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L74	1	2															SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L75	1	2															SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L76	1	2															SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L03			3	4													SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L51			3	4													SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L55			3	4													SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L67			3	4													SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L50					5	6											SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L15									9	0							SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L38									9	0							SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L39									9	0							SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L66									9	0							SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Toàn	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L01											1	2					SANLT5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Vinh	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L63											1	2					SANLT1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Khôi	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L72											1	2					SANLT4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Thùy	PE1005	Giáo dục thể chất 2	2	L84											1	2					SANLT6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L07	1	2															SANLT3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L06			3	4													SANLT3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L08									9	0							SANLT3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thiện	PE1007	Giáo dục thể chất 3	2	L01											1	2					SANLT3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Vân	006002	Giải tích 2	3	A01						7	8	9									302B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thi	006018	Xác suất thống kê	3	A01						7	8	9									305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thi	006018	Xác suất thống kê	3	A04									0	1	2						309B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Đại	006023	Phương pháp tính	3	A02									0	1	2						501B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thanh	006716	Toán 2 (bài tập)	3	P02	1	2	3														303B8								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Huy	006718	Xác suất thống kê	3	P01	1	2	3														502C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Huy	006718	Xác suất thống kê	3	P02				4	5	6											303B8								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Diễm	MT1005	Giải tích 2	3	L01	1	2	3														210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Diễm	MT1005	Giải tích 2	3	L02				4	5	6											211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Anh	MT1005	Giải tích 2	3	L14							7	8	9								210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Phiệt	MT1005	Giải tích 2	3	L19							7	8	9								301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hà	MT1005	Giải tích 2	3	L25							7	8	9								401H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Anh	MT1005	Giải tích 2	3	L06										0	1	2					210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Phiệt	MT1005	Giải tích 2	3	L11										0	1	2					301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hà	MT1005	Giải tích 2	3	L24										0	1	2					101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hiệp	MT1007	Đại số tuyến tính	2	L03	1	2															212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hiệp	MT1007	Đại số tuyến tính	2	L05			3	4													212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hiệp	MT1007	Đại số tuyến tính	2	L08					5	6											213H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L16							7	8									303H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	A01	1	2	3														GDB2B	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	L02							7	8	9								201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lộc	MT1009	Phương pháp tính	3	L15							7	8	9								201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	A16								8	9	0							301B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Lộc	MT1009	Phương pháp tính	3	L12										0	1	2					204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Dung	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L10	1	2	3														206H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Đại	MT2005	PTrình toánlý & cơsở TUD	4	L01	1	2	3	4													311H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Vân	006004	Đại số	4	A01							7	8	9	0							215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Đại	006023	Phương pháp tính	3	A01							7	8	9								304C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hân	006602	Toán 2	3	C02							7	8	9								GDB2B								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thanh	006716	Toán 2 (bài tập)	3	P02										0	1	2					603C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3		MT1003	Giải tích 1	3	L01							7	8	9								310H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Đại	MT1005	Giải tích 2	3	L10	1	2	3														401H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Anh	MT1005	Giải tích 2	3	L12	1	2	3														213H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thực	MT1005	Giải tích 2	3	L15	1	2	3														212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hà	MT1005	Giải tích 2	3	L16	1	2	3														211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Anh	MT1005	Giải tích 2	3	L08				4	5	6											211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thực	MT1005	Giải tích 2	3	L13				4	5	6											212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hà	MT1005	Giải tích 2	3	L20				4	5	6											201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Thực	MT1005	Giải tích 2	3	L09							7	8	9								101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Diễm	MT1005	Giải tích 2	3	L18							7	8	9								212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Phiệt	MT1005	Giải tích 2	3	L23							7	8	9								211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			

3	Thực	MT1005	Giải tích 2	3	L03									0	1	2					210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Diễm	MT1005	Giải tích 2	3	L07									0	1	2					213H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Phiệt	MT1005	Giải tích 2	3	L17									0	1	2					212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hiệp	MT1007	Đại số tuyến tính	2	L09	1	2														210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hiệp	MT1007	Đại số tuyến tính	2	L02			3	4												210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hiệp	MT1007	Đại số tuyến tính	2	L01					5	6										210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hiệp	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L15							7	8								204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hiệp	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L08									9	0						204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	L07							7	8	9							201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	L08										0	1	2				201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Huy	MT2001	Xác suất và thống kê	3	A01				4	5	6										201B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Dũng	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L09										0	1	2				205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thi	006018	Xác suất thống kê	3	A03							7	8	9							306B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thi	006018	Xác suất thống kê	3	A02										0	1	2				315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đại	006045	Phương trình toán lý	3	A01							7	8	9							601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Huy	006718	Xác suất thống kê	3	P02	1	2	3													603C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Huy	006718	Xác suất thống kê	3	P01				4	5	6										503C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Vân	MT1005	Giải tích 2	3	L22	1	2	3													213H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Vân	MT1005	Giải tích 2	3	L21				4	5	6										210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Vân	MT1005	Giải tích 2	3	A26							7	8	9							212B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Diễm	MT1005	Giải tích 2	3	L05							7	8	9							210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4		MT1005	Giải tích 2	3	L26							7	8	9							301H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Diễm	MT1005	Giải tích 2	3	L04										0	1	2				211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Anh	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L28	1	2														201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Diễm	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L29	1	2														101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Anh	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L06			3	4												201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Diễm	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L08			3	4												404H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Anh	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L16					5	6										211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Diễm	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L19					5	6										204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Mỹ	MT1007	Đại số tuyến tính	2	L06	1	2														211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Mỹ	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L06			3	4												211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Mỹ	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L14							7	8								202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Mỹ	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L05									9	0						202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	L09							7	8	9							202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	L05										0	1	2				201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dung	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L04	1	2	3													406H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dung	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L05				4	5	6										302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dũng	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L02							7	8	9							205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vân	006001	Giải tích 1	3	A01							7	8	9							501B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dũng	006046	Thống kê & ptích số liệu	3	A01							7	8	9							301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hân	006602	Toán 2	3	C01				4	5	6										GDB2B								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thanh	006712	Toán 2 (lý thuyết)	4	P02	1	2	3	4												603C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Cường	006712	Toán 2 (lý thuyết)	4	P01							7	8	9	0						310B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Đại	006716	Toán 2 (bài tập)	3	P01	1	2	3													402C5								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			

5	Thanh	006719	Phương pháp tính	4	P01								9	0	1	2					502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
5		MT1004	Giải tích 1 (bt)	2	L01						7	8									104H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thực	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L09	1	2														212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Anh	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L11	1	2														101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hà	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L18	1	2														301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Phiệt	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L14			3	4												202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thực	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L17			3	4												401H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Anh	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L24			3	4												104H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hà	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L31			3	4												304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Phiệt	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L10					5	6										212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thực	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L25					5	6										301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Anh	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L30					5	6										404H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hà	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L35					5	6										303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Phiệt	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L01							7	8								210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Lộc	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L13							7	8								212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Anh	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L27							7	8								304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Lộc	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L02									9	0						211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Phiệt	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L07									9	0						304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Anh	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L15									9	0						212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Mỹ	MT1007	Đại số tuyến tính	2	L07	1	2														210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5		MT1007	Đại số tuyến tính	2	L10									9	0						404H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Mỹ	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L10			3	4												203H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Mỹ	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L07					5	6										401H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Lộc	MT1009	Phương pháp tính	3	L11	1	2	3													204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	L01				4	5	6										403H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Lộc	MT1009	Phương pháp tính	3	L10				4	5	6										201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	L06							7	8	9							201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Lương	MT1009	Phương pháp tính	3	L03										0	1	2				201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thi	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L03	1	2	3													206H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thi	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L07				4	5	6										201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dung	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L08				4	5	6										202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dung	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L01							7	8	9							113H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dung	MT2001	Xác suất và thống kê	3	L06										0	1	2				301H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đại	006716	Toán 2 (bài tập)	3	P01	1	2	3													401C4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Dũng	006717	Phép tính hình thức & ud	3	P02							7	8	9							206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Dũng	006717	Phép tính hình thức & ud	3	P01										0	1	2				502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thanh	006719	Phương pháp tính	4	P02	1	2	3	4												301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
6	Lộc	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L05	1	2														404H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hà	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L34	1	2														401H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Lộc	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L04			3	4												210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Phiệt	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L12			3	4												104H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hà	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L23			3	4												201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Lộc	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L20					5	6										301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Phiệt	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L32					5	6										303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			

6	Hà	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L33					5	6											204H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Diễm	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L03							7	8									301H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hà	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L21							7	8									210H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L37							7	8									104H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Diễm	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L22									9	0							213H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hà	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L26									9	0							304H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6		MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	L36									9	0							104H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Vân	MT1006	Giải tích 2 (bt)	2	A36											1	2					GDB2A							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Mỹ	MT1007	Đại số tuyến tính	2	L04	1	2															211H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hiệp	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L01	1	2															210H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Mỹ	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L04			3	4													211H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hiệp	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L12			3	4													204H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Mỹ	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L02					5	6											404H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hiệp	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L09							7	8									101H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Mỹ	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L13							7	8									404H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hiệp	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L03									9	0							404H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Mỹ	MT1008	Đại số tuyến tính (bt)	2	L11									9	0							101H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Phiệt	MT1009	Phương pháp tính	3	L04							7	8	9								201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lộc	MT1009	Phương pháp tính	3	L14							7	8	9								201H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Lộc	MT1009	Phương pháp tính	3	L13										0	1	2					401H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
		006005	Bài tập đại số	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		006006	Bài tập giải tích 1	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		006105	Bài tập giải tích 2	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Sơn	AS2009	Csở cơhọc lượngtử - vlcr	4	L01	1	2	3	4													412H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hạnh	AS2009	Csở cơhọc lượngtử - vlcr	4	L02							7	8	9	0							403H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nghĩa	007005	Thí nghiệm vật lý	2	A02	1	2															201B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Toại	007032	Cơ sở y khoa 1	2	A01								8	9								501B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Đăng	007038	Kỹ thuật thiếtbị y học 1	3	A02										0	1	2					605B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Đăng	007040	TN kt thiết bị y học 1	3	A03							7	8	9								202B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thủy	007040	TN kt thiết bị y học 1	3	A01										0	1	2					202B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Sơn	007115	Cơ sở vật lý tính toán	3	A01				4	5	6											306B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Đăng	007119	Thực tập điện tử y sinh	4	A03	1	2	3	4													202B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thái	007120	Udụng laser trong y học	3	A01	1	2	3														306B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Dung	007706	Vật lý 1	4	P01							7	8	9	0							603C6							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Linh	007707	Công cụ & mh hóa bằng số	3	P01							7	8	9								503C6	1	2	3			6	7																		
2	Nguyên	007709	Nhiệt học&cơ học chấtlưu	3	P02	1	2	3														501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Nguyên	007709	Nhiệt học&cơ học chấtlưu	3	P01				4	5	6											501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Tú	PH1005	Vật lý 2	3	L02	1	2	3														211H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Tú	PH1005	Vật lý 2	3	L01				4	5	6											210H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Tú	PH1005	Vật lý 2	3	L11							7	8	9								212H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Châu	PH1005	Vật lý 2	3	L17							7	8	9								101H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Tú	PH1005	Vật lý 2	3	L13										0	1	2					104H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Châu	PH1005	Vật lý 2	3	L18										0	1	2					401H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Hạnh	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	A25							7	8									304B8							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			

2	Châu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L12	1	2															602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Quang	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L30	1	2															601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Quang	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L18			3	4													601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Châu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L19			3	4													602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Quang	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L11					5	6											601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Linh	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L33					5	6											602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Quang	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L13							7	8									601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2	Quang	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L10									9	0							601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Tú	007026	Cơsở vật lý hạt nhân& ứd	3	A01	1	2	3														601B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Toại	007037	Cơ sở y khoa 3	3	A01				4	5	6											306B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Đăng	007040	TN kt thiết bị y học 1	3	A04									0	1	2						202B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Linh	007044	TB c/đoán hình ảnh yhọc1	3	A02							7	8	9								605B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Linh	007044	TB c/đoán hình ảnh yhọc1	3	A01										0	1	2					602B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Đăng	007119	Thực tập điện tử y sinh	4	A02	1	2	3	4													202B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		007302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT27					6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
3		007302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT24					6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
3	Dung	007706	Vật lý 1	4	P01									9	0	1	2					303B8								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Nguyên	007709	Nhiệt học&cơ học chấtlưu	3	P02	1	2	3														501C4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2														
3	Lượng	PH1005	Vật lý 2	3	L07	1	2	3														101H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Quang	PH1005	Vật lý 2	3	L12	1	2	3														201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Lượng	PH1005	Vật lý 2	3	L06				4	5	6											401H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Quang	PH1005	Vật lý 2	3	L10				4	5	6											213H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Miền	PH1005	Vật lý 2	3	L03							7	8	9								210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Miền	PH1005	Vật lý 2	3	L16										0	1	2					211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Tú	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L15	1	2															601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Tú	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L36			3	4													601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Duyên	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L37			3	4													602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Tú	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L04					5	6											601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Duyên	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L14					5	6											602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Tú	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L29							7	8									601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Tú	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L08									9	0							601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Thủy	007001	Vật lý 1	3	A01			3	4	5												501B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nghĩa	007005	Thí nghiệm vật lý	2	A01	1	2															201B6	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Toại	007032	Cơ sở y khoa 1	3	A02							7	8	9								605B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lập	007033	Cơ sở lý sinh	3	A01							7	8	9								602B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lập	007033	Cơ sở lý sinh	3	A02										0	1	2					604B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đăng	007040	TN kt thiết bị y học 1	3	A02										0	1	2					202B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tú	007043	TN ứd laser csthấp trgyh	3	A01				4	5	6											202B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Linh	007045	TB c/đoán hình ảnh yhọc2	3	A01	1	2	3														306B4	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dung	007708	Vật lý sóng	2	P01	1	2															602C6	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
4	Dung	007708	Vật lý sóng	3	P02			3	4	5												602C6	1	2	3		6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
4	Tú	PH1005	Vật lý 2	3	L09	1	2	3														212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Châu	PH1005	Vật lý 2	3	L14	1	2	3														210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Tú	PH1005	Vật lý 2	3	L08				4	5	6											212H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			

4	Châu	PH1005	Vật lý 2	3	L15				4	5	6											213H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hằng	PH1005	Vật lý 2	3	L04							7	8	9								211H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hằng	PH1005	Vật lý 2	3	L05										0	1	2					210H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Thủy	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L06	1	2															204H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Thủy	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L12			3	4													204H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hậu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L39	1	2															601H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Duyên	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L07			3	4													601H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Duyên	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L05					5	6											601H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hậu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L38					5	6											602H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Châu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L21							7	8									602H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Duyên	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L34							7	8									601H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Duyên	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L02									9	0							601H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Châu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L06									9	0							602H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thủy	007002	Vật lý 2	3	A01										0	1	2					303B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hoàng	007020	Cơ sở vật lý chất rắn	3	A02										0	1	2					605B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Miền	007023	Quang học kỹ thuật&ứdụng	3	A02							7	8	9								605B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Miền	007023	Quang học kỹ thuật&ứdụng	3	A01										0	1	2					602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thủy	007030	ĐAMH tkế kỹ thuật y sinh	3	A01	1	2	3														PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Toại	007032	Cơ sở y khoa 1	3	A01							7	8	9								602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Đăng	007119	Thực tập điện tử y sinh	4	A04	1	2	3	4													202B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		007302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT27						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5		007302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT27						6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6								
5	Linh	007706	Vật lý 1	4	P02							7	8	9	0							302C4							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Dung	007708	Vật lý sóng	3	P01	1	2	3														602C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Dung	007708	Vật lý sóng	2	P02				4	5												403C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Hạnh	PH1005	Vật lý 2	3	A19										0	1	2					304B8							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Cát	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L13	1	2															404H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Khải	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L24	1	2															401H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Cát	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L07			3	4													101H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Khải	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L11			3	4													301H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Tranh	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L18			3	4													212H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Cát	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L10					5	6											202H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Khải	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L17					5	6											104H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Tranh	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L20					5	6											304H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Tranh	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L02							7	8									211H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Tranh	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L01									9	0							210H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hậu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L22	1	2															601H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Linh	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L23	1	2															602H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hậu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L24			3	4													601H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Linh	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L25			3	4													602H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hậu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L28							7	8									601H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hậu	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L20									9	0							601H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hoàng	007020	Cơ sở vật lý chất rắn	3	A01							7	8	9								602B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Toại	007032	Cơ sở y khoa 1	2	A02										0	1						605B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Đăng	007038	Kỹ thuật thiếtbị y học 1	3	A01									0	1	2					604B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đăng	007041	ĐAMH thiết bị y học	3	A01						7	8	9								202B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Linh	007108	Ndạng hả &xl h/ảnh bgkts	3	A01				4	5	6										306B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Linh	007109	ứd siêuâm &ttrường trgyh	3	A01	1	2	3													306B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thủy	007113	Bài tập vật lý 1	2	A01					5	6										604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thủy	007114	Bài tập vật lý 2	2	A01			3	4												604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đăng	007119	Thực tập điện tử y sinh	4	A01	1	2	3	4												202B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Linh	007706	Vật lý 1	4	P02								9	0	1	2					604C6								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Linh	007707	Công cụ & mh hóa bằng số	3	P02									0	1	2					501C6	1	2	3			6	7																			
6	Nguyên	007709	Nhiệt học&cơ học chấtlưu	3	P01						7	8	9								501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2														
6	Tiến	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L08	1	2														104H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nhật	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L22	1	2														204H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Tiến	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L05			3	4												404H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nhật	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L21			3	4												303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Thủy	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L23			3	4												401H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Tiến	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L04					5	6										210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nhật	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L09					5	6										211H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Thủy	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L16					5	6										201H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Tiến	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L15							7	8								213H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nhật	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L19							7	8								304H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Tiến	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L03									9	0						301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nhật	PH1006	Vật lý 2 (bt)	2	L14									9	0						210H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nghĩa	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L09	1	2														602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Khanh	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L31	1	2														601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Linh	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L26			3	4												601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nghĩa	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L32			3	4												602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Linh	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L03					5	6										601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nghĩa	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L27					5	6										602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Linh	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L16							7	8								601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nghĩa	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L17							7	8								602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Linh	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L01									9	0						601H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nghĩa	PH1007	Thí nghiệm vật lý	2	L35									9	0						602H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
		007003	Thực tập kỹ thuật y sinh	0	A01																	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		007303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Chiến	215720	Kỹ thuật vật liệu	2	P02										1	2					502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nguyệt	215721	Lựa Chọn Vật Liệu (2b)	3	P01									0	1	2					202B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nguyên	215722	Các phương pháp gia công	3	P01						7	8	9								202B10	1	2	3			6	7	8																	
2	Minh	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	4	L02	1	2	3	4												202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Anh	215147	Đo Lường & Tự Động Hóa	3	L03						7	8	9								313H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phú	215723	Tc vật liệu tiên tiến 2	3	P01									0	1	2					202B10	1	2	3			6	7	8																	
3		MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	4	L06			3	4	5	6										411H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Anh	215147	Đo Lường & Tự Động Hóa	3	L02						7	8	9								313H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Minh	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	4	L05	1	2	3	4												203H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hà	MA2013	Các nguồn n/lượng táitạo	3	L01						7	8	9								210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

5		215001	Cơ Sở Khoa Học Vật Liệu	3	L01				4	5	6											402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chiến	215720	Kỹ thuật vật liệu	2	P01			3	4													502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Trự	602030	Ăn mòn & bảo vệ vật liệu	3	A02									0	1	2						504B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hà	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	4	L01			3	4	5	6											302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Kiên	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	4	L03							7	8	9	0							302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Anh	MA2003	Đo lường và tự động hóa	3	L01				4	5	6											404H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Anh	MA2003	Đo lường và tự động hóa	3	L03										0	1	2					212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		215003	P/pháp đánh giá vật liệu	4	L01									9	0	1	2					414H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Anh	215147	Đo Lường & Tự Động Hóa	3	L01				4	5	6											310H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trự	602030	Ăn mòn & bảo vệ vật liệu	3	A01							7	8	9								203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Việt	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	4	L04	1	2	3	4													302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Anh	MA2003	Đo lường và tự động hóa	3	L02										0	1	2					210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trự	MA2011	Điện hóa học	4	L01	1	2	3	4													312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		216700	Luận văn tốt nghiệp	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		216750	Thực tập tốt nghiệp	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Khải	215020	Kim loại học	3	L01	1	2	3														213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Khải	215048	Công nghệ vật liệu mới	3	L01				4	5	6											210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phong	216008	Tk Khuôn Với Sự Tgiúp Mt	3	L01	1	2	3														210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Phong	216008	Tk Khuôn Với Sự Tgiúp Mt	3	L02				4	5	6											206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Khải	215048	Công nghệ vật liệu mới	3	L02				4	5	6											312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hà	215031	Công Nghệ Đúc	4	L01			3	4	5	6											312H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Sơn	215045	Trg tbị sx &xlý vl kloại	3	L01	1	2	3														210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Sơn	215045	Trg tbị sx &xlý vl kloại	3	L02				4	5	6											206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Khanh	215122	Tái sinh kim loại	3	L02	1	2	3														206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Khanh	215122	Tái sinh kim loại	3	L01				4	5	6											210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thông	MA2017	Lý thuyết &c/nghệ l/kim1	4	L01							7	8	9	0							304H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Khoa	215033	Cán, kéo và ép kim loại	3	L02	1	2	3														206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Khoa	215033	Cán, kéo và ép kim loại	3	L01				4	5	6											210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Khanh	215119	Hóa lý các qtr luyện kim	3	L01	1	2	3														310H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phong	216004	Vẽ Kỹ Thuật Trong Cnvlkl	3	L01	1	2	3														210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phong	216004	Vẽ Kỹ Thuật Trong Cnvlkl	3	L02				4	5	6											206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Dán	MA2009	Kim loại học	4	L01							7	8	9	0							304H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
	Thông	215023	ĐAMH qtcn nấuluyện kl&hk	0	A01																		1	2	3				7	8	9	0	1	2	3	4	5										
9		215034	ĐAMH cn đúc,nluyện &ckéo	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		215049	ĐAMH tk tbị sx &xlý vlkl	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		216302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		216302	Thực tập tốt nghiệp	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		216303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Phú	215028	Thínghiệm hóa học polyme	4	L02			3	4	5	6											104H2									9	0	1	2	3	4	5										
2		215028	Thínghiệm hóa học polyme	4	L02			3	4	5	6											104H2								8																	
2	Phú	215028	Thínghiệm hóa học polyme	4	L02							7	8	9	0							104H2									9	0	1	2	3	4	5										
3	Phú	215028	Thínghiệm hóa học polyme	4	L01			3	4	5	6											104H2									9	0	1	2	3	4	5										
3		215028	Thínghiệm hóa học polyme	4	L01			3	4	5	6											104H2								8																	
3	Phú	215028	Thínghiệm hóa học polyme	4	L01							7	8	9	0							104H2									9	0	1	2	3	4	5										

3	Thành	215040	Cnghệ các chất tạo màng	3	L01				4	5	6											306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thảo	MA2015	Hóa lý polymer	4	L01							7	8	9	0							112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thanh	215042	KThuật sx cellulose,giấy	3	L01							7	8	9								212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thanh	215042	KThuật sx cellulose,giấy	3	L02										0	1	2					206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phú	215106	Polyme shọc & pol. p/hủy	3	L02							7	8	9								206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phú	215106	Polyme shọc & pol. p/hủy	3	L01										0	1	2					212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Việt	215041	Vật liệu composit	3	L01				4	5	6											206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hà	215114	Các Pp Ptích &đgiá Polym	3	L01	1	2	3														206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hà	MA2007	Hóa học polyme	4	L01							7	8	9	0							112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4											
5	Hà	MA2008	Hóa học polyme (tn)	5	L01	1	2	3	4	5												104H2															5	6	7								
5		MA2008	Hóa học polyme (tn)	5	L02							7	8	9	0	1						104H2															5	6	7								
6	Hà	215017	Hóa học polyme	3	L01				4	5	6											306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		215017	Hóa học polyme	3	L02							7	8	9								212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thảo	215018	Hóa lý polyme	3	L01	1	2	3														306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		215044	ĐAMH tk phânxưởng sx pol	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		215115	ĐAMH ctạo & tn vliệu pol	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		215302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		215302	Thực tập tốt nghiệp	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
9		215303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Sơn	215035	Lò silicat	3	L01				4	5	6											306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Minh	215102	Kthuật sx sphẩm th/tinh	3	L02							7	8	9								402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Minh	215102	Kthuật sx sphẩm th/tinh	3	L01										0	1	2					402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Minh	215024	Hóa Lý silicat	4	L01	1	2	3	4													212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Kiên	215128	HD tk lập da xn silicat	3	L01										0	1	2					206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nhi	215131	Cn Gach Op Lat,su Vs,gxd	3	L01							7	8	9								206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Sơn	215110	Vật liệu xây dựng	3	L01							7	8	9								110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Kiên	217003	Vật liệu môi trường	3	L01										0	1	2					110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Sơn	215025	QT cơ sở & tbị silicat 1	3	L01	1	2	3														310H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Kiên	215103	Kthuật sx vliệu chịu lửa	3	L01							7	8	9								405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Kiên	215103	Kthuật sx vliệu chịu lửa	3	L02										0	1	2					405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Minh	MA2005	Hóa học chất rắn	3	L01							7	8	9								212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nhi	215026	TN silicat đại cương	5	L01		2	3	4	5	6											101H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Quỳnh	215026	TN silicat đại cương	5	L02							7	8	9	0	1						101H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Sơn	215126	Tính chất & cn vật liệu	3	L01							7	8	9								206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trâm	217002	G/thiệu vật liệu y sinh	3	L01										0	1	2					206H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Sơn	MA2019	Q/tr &thiết bị silicat 1	3	L01										0	1	2					212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		215038	TN silicat chuyên ngành	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		215038	TN silicat chuyên ngành	0	L02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		215039	ĐAMH lò silicat	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		215105	ĐAMH qt cn sx vl silicat	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		217302	Thực tập tốt nghiệp	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		217302	Thực tập tốt nghiệp	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		217303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
2	Khánh	801002	Mố trụ cầu&lập Ph/án cầu	3	A01							7	8	9								202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

2	Hùng	801031	ĐAMH thiết kế cầu bêtông	3	A01				4	5	6											PDAMHD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hải	801032	ĐAMH thiết kế đường	3	A04	1	2	3														PDAMHA	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hùng	801032	ĐAMH thiết kế đường	3	A02				4	5	6											PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuấn	801033	ĐAMH thiết kế cầu thép	3	A02							7	8	9								PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Huân	801034	ĐAMH thi công đường	3	A03										0	1	2					PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT27	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT26	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hùng	801019	Công trình giao thông	2	A01									9	0							502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hương	801027	Tn & Vlxd Đường Ô Tô	3	A01										0	1	2					PTNCAU	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Minh	801032	ĐAMH thiết kế đường	3	A03	1	2	3														PDAMH8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thắng	801033	ĐAMH thiết kế cầu thép	3	A03										0	1	2					PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuấn	801034	ĐAMH thi công đường	3	A02										0	1	2					PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thủy	801039	Thiết kế cầu bê tông	4	A01	1	2	3	4													403C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thắng	801042	Đường hầm	3	A01							7	8	9								202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Khánh	801002	Mố trụ cầu&lập Ph/án cầu	3	A02							7	8	9								301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hùng	801003	T/học ứng dụng cầu đường	3	A01										0	1	2					202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Huân	801027	Tn & Vlxd Đường Ô Tô	3	A02										0	1	2					PTNCAU	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tùng	801033	ĐAMH thiết kế cầu thép	3	A01							7	8	9								PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuấn	801037	Thiết kế đường ô tô	2	TNXD		2	3														204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hải	801037	Thiết kế đường ô tô	2	A01				4	5												306B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tùng	801040	Thiết kế cầu thép	4	A02	1	2	3	4													301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT27	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Minh	801001	5QH &QL giao thông đô th	3	A01							7	8	9								202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hùng	801019	Công trình giao thông	2	A01							7	8									305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		801027	Tn & Vlxd Đường Ô Tô	3	A04										0	1	2					PTNCAU	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
5	Hùng	801034	ĐAMH thi công đường	3	A01										0	1	2					PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuấn	801037	Thiết kế đường ô tô	2	TNXD		2	3														207B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hải	801037	Thiết kế đường ô tô	2	A01				4	5												306B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTN03	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTN02	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tuấn	801003	T/học ứng dụng cầu đường	3	A02										0	1	2					202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		801027	Tn & Vlxd Đường Ô Tô	3	A03							7	8	9								PTNCAU	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
6	Huân	801032	ĐAMH thiết kế đường	3	TNXD	1	2	3														PDAMHB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Tấn	801032	ĐAMH thiết kế đường	3	A01				4	5	6											PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tuấn	801040	Thiết kế cầu thép	4	A01	1	2	3	4													202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		801302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT29	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		801308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTN02	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		801303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
9		801306	Thực tập nhận thức ngành	0	A01																																										
9		CI2051	Thực tập kỹ thuật (CAU)	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2051	Thực tập kỹ thuật (CAU)	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2051	Thực tập kỹ thuật (CAU)	0	L02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2053	Thực tập kỹ thuật (QLGT)	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Giang	802015	Cơ lưu chất	3	A02							7	8	9								403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hoài	802015	Cơ lưu chất	3	A03										0	1	2					403C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thắng	802706	Nhiệt công trình	2	P01											1	2					501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thuận	802710	TN vật lý công trình	3	P01	1	2	3														TNVLKT	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	ý	802707	ĐA ƯD nhiệt trg toà nhà	3	P01										0	1	2					PDAMHD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hoài	CI2003	Cơ lưu chất	3	L02	1	2	3														205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Giang	CI2003	Cơ lưu chất	3	L01				4	5	6											205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phương	CI2004	Cơ lưu chất (tn)	3	L05							7	8	9								PTHTL	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thuận	CI2004	Cơ lưu chất (tn)	3	L04	1	2	3														PTHTL	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thuận	CI2004	Cơ lưu chất (tn)	3	L03				4	5	6											PTHTL	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	CI2004	Cơ lưu chất (tn)	3	L01							7	8	9								PTHTL	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Phương	CI2004	Cơ lưu chất (tn)	3	L02										0	1	2					PTHTL	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dực	802015	Cơ lưu chất	3	A01				4	5	6											404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	ý	802704	Cơ lưu chất (VP)	3	P01										0	1	2					501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hồng	CI2004	Cơ lưu chất (tn)	3	L07	1	2	3														PTHTL	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hồng	CI2004	Cơ lưu chất (tn)	3	L06				4	5	6											PTHTL	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đức	802012	Thí nghiệm cơ lưu chất	3	A01				4	5	6											PTHTL	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		802015	Cơ lưu chất	3	L01										0	1	2					213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phương	802705	Thí nghiệm cơ lưu chất	3	P01							7	8	9								PTHTL	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thạch	803022	Qui hoạch cảng	3	A01	1	2	3														303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thảo	803028	Công trình ngoài khơi	3	A01							7	8	9								303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT29	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phong	803034	ĐAMH công trình cảng	3	A01										0	1	2					PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Phong	803036	ĐAMH t/công c/trình cảng	3	A01							7	8	9								PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tâm	803037	ĐAMH công trình ven biển	3	A01										0	1	2					PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

4		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT27	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chúng	803038	Cảng chuyên dụng	3	A01	1	2	3														403C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTN05	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTN04	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trang	803001	ĐAMH c/trình nâng hạ tàu	3	A01	1	2	3														PDAMHA	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thạch	803033	ĐAMH quy hoạch cảng	3	A01				4	5	6											PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		803302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTN05	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		803308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTN04	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		803303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
9		803306	Thực tập nhận thức ngành	0	A01																																										
9		CI2055	Thực tập kỹ thuật (CTB)	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2055	Thực tập kỹ thuật (CTB)	0	L02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Chánh	804003	Kết cấu bê tông 1	4	A01	1	2	3	4													602C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Nhân	804009	Kết Cấu Thép 1	3	TNX1	1	2	3														204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thông	804029	Nhà nhiều tầng	3	A02										0	1	2					204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
2	Long	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A08	1	2	3														PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Bích	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A03				4	5	6											PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Chánh	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A09										0	1	2					PDAMH9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hiệp	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A06	1	2	3														PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thông	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A02							7	8	9								PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Duy	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A10							7	8	9								PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tầm	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A01										0	1	2					PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
2		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT27	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
2	Long	CI2039	Kết cấu bêtông cốt thép1	3	L05							7	8	9								208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Duy	CI2039	Kết cấu bêtông cốt thép1	3	L04										0	1	2					211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Bích	804005	Kết Cấu Bê Tông 2	3	A01	1	2	3														304C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thắng	804006	Kết cấu thép gỗ	3	L01				4	5	6											310H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hưng	804009	Kết Cấu Thép 1	3	A06	1	2	3														303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thủy	804009	Kết Cấu Thép 1	3	A04										0	1	2					304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Nhân	804033	Kết cấu tháp trụ	3	A01										0	1	2					402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Chánh	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A04	1	2	3														PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tầm	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A07				4	5	6											PDAMH9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Chánh	804046	Thí nghiệm công trình	3	A04										0	1	2					PTNCTR	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT29	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
3		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT29	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
3	Long	804701	Kết cấu bê tông 1	3	P01							7	8	9								502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

3	Long	CI2039	Kết cấu bêtông cốt thép1	3	TNX1	1	2	3														204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hưng	804001	Tk Xd C/trình môi trường	3	L02									0	1	2						411H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
4	Đắc	804009	Kết Cấu Thép 1	3	A02	1	2	3														306B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Huân	804009	Kết Cấu Thép 1	3	A05				4	5	6											302B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tầm	804024	Kết cấu bê tông 3	3	A03							7	8	9								202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
4	Duy	804024	Kết cấu bê tông 3	3	A02										0	1	2					402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Chỉnh	804032	Bê tông ct ứng lực trước	3	A03				4	5	6											403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
4	Hiệp	804032	Bê tông ct ứng lực trước	3	A01							7	8	9								303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Chỉnh	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A10	1	2	3														PDAMHA	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hưng	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A06				4	5	6											PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đắc	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A14							7	8	9								PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đắc	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A02										0	1	2					PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Duy	804046	Thí nghiệm công trình	3	A03							7	8	9								PTNCTR	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Chánh	804046	Thí nghiệm công trình	3	A02										0	1	2					PTNCTR	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thông	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A09	1	2	3														PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Bích	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A07							7	8	9								PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hiệp	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A04										0	1	2					PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT29	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
4		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT26	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
4	Nam	CI2039	Kết cấu bêtông cốt thép1	3	TNX2				4	5	6											201B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Long	CI2039	Kết cấu bêtông cốt thép1	3	AU1							7	8	9								203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thông	CI2039	Kết cấu bêtông cốt thép1	3	L01							7	8	9								201H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Bích	CI2039	Kết cấu bêtông cốt thép1	3	L02										0	1	2					302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tầm	804003	Kết cấu bê tông 1	3	B01													4	5	6		202B6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
5	Long	804009	Kết Cấu Thép 1	3	A03							7	8	9								204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thông	804029	Nhà nhiều tầng	3	A01										0	1	2					213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hiệp	804032	Bê tông ct ứng lực trước	3	TNXD	1	2	3														204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chỉnh	804032	Bê tông ct ứng lực trước	3	A02										0	1	2					303B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
5	Chỉnh	804032	Bê tông ct ứng lực trước	3	B02													4	5	6		303B6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
5	Hưng	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A01	1	2	3														PDAMH8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Bích	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A12				4	5	6											PDAMH8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Bích	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A15							7	8	9								PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chánh	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A11										0	1	2					PDAMHA	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thủy	804041	ĐAMH kết cấu thép 2	3	B03													4	5	6		PDAMH		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
5	Hưng	804046	Thí nghiệm công trình	3	A05										0	1	2					PTNCTR	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chỉnh	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A03	1	2	3														PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Duy	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	TNX2										0	1	2					PDAMH8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTN04	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
5		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTN03	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
5	Cường	804705	K/cấu Thép & K/cấu H/hợp	3	P01				4	5	6											501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Cường	804706	Thiết kế kết cấu nhà	3	P01	1	2	3														501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chánh	CI2039	Kết cấu bêtông cốt thép1	3	L03										0	1	2					311H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Duy	804001	Tk Xd C/trình môi trường	3	L01	1	2	3														109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đắc	804009	Kết Cấu Thép 1	3	A01	1	2	3														303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6	Cường	804009	Kết Cấu Thép 1	3	TNX2				4	5	6											203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tầm	804024	Kết cấu bê tông 3	3	A01							7	8	9								402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thông	804024	Kết cấu bê tông 3	3	B03													4	5	6		303B6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
6	Tầm	804029	Nhà nhiều tầng	3	A03	1	2	3														404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
6	Nghiêm	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A05				4	5	6											PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Duy	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	TNXD							7	8	9								PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Duy	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	A13										0	1	2					PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hưng	804046	Thí nghiệm công trình	3	A01							7	8	9								PTNCTR	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		804046	Thí nghiệm công trình	3	TNXD										0	1	2					PTNCTR	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Nghiêm	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A05	1	2	3														PDAMH	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Long	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	TNX1				4	5	6											PDAMH2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Chánh	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	A08							7	8	9								PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTN04	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
6		804308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT28	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
6	Cường	804707	ĐA kết cấu thép	3	P01										0	1	2					PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Long	804708	ĐA mô h/hóa K/C(TN c/tr)	3	P01										0	1	2					PDAMH8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
8	Hiệp	804029	Nhà nhiều tầng	3	B02	1	2	3														304B8		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
8	Thông	804036	ĐAMH kết cấu bê tông 1	3	B16				4	5	6											PDAMH		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
8		804041	ĐAMH kết cấu thép 2	3	B04				4	5	6											PDAMH2		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
8	Thông	804047	ĐAMH kết cấu bê tông 2	3	B11							7	8	9								PDAMH2		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
	Thủy	804041	ĐAMH kết cấu thép 2	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Thủy	804041	ĐAMH kết cấu thép 2	0	A02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		804041	ĐAMH kết cấu thép 2	0	TNXD																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		804306	Thực tập nhận thức ngành	0	A01																																										
9		804306	Thực tập nhận thức ngành	0	B02																			2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
9	Tầm	804702	ĐAMH kết cấu bê tông 1	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hải	805009	Địa chất công trình	3	A01	1	2	3														604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hộ	805012	Công trình trên đất yếu	3	A02	1	2	3														302B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
2	Hộ	805012	Công trình trên đất yếu	3	A01										0	1	2					601B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thao	805029	ĐAMH nền móng	3	A03							7	8	9								PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		805029	ĐAMH nền móng	3	B05													4	5	6		PDAMH		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
2	Nghĩa	805031	Nền Móng	3	A02	1	2	3														204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thao	805031	Nền Móng	3	A01				4	5	6											303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hải	805702	Thủy lực & cơ học đất	2	P01							7	8									502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Sơn	CI1043	Địa chất công trình	3	TNXD				4	5	6											203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hùng	CI1043	Địa chất công trình	3	L03							7	8	9								211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hùng	CI1043	Địa chất công trình	3	L04										0	1	2					208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Vinh	805031	Nền Móng	3	TNX1	1	2	3														202B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Minh	805031	Nền Móng	3	A05				4	5	6											303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thao	805035	Cơ học môi trường rời	3	A01				4	5	6											305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hải	CI1043	Địa chất công trình	3	A01				4	5	6											215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nghĩa	805029	ĐAMH nền móng	3	A01							7	8	9								PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Nghĩa	805032	Cơ học đất	3	B01													4	5	6		202B6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
4	Hải	805702	Thủy lực & cơ học đất	2	P01									9	0							501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

4	Vinh	805704	Thiết kế nền móng	3	P01				4	5	6											206B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2											
4	Sơn	CI1043	Địa chất công trình	3	L02							7	8	9								302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4	Sơn	CI1043	Địa chất công trình	3	L06										0	1	2					202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Thao	805003	Cơ học đất nền móng	3	L01				4	5	6											210H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Minh	805014	Thực tập địa chất ctrình	3	A01	1	2	3														PTTDC	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Minh	805016	Thí nghiệm cơ học đất	3	A01				4	5	6											PTNDIA	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Vinh	805031	Nền Móng	3	TNX2										0	1	2					203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Hùng	CI1043	Địa chất công trình	3	L05							7	8	9								202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5	Hùng	CI1043	Địa chất công trình	3	L01										0	1	2					302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Hùng	805029	ĐAMH nền móng	3	A02	1	2	3														PDAMHD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Tâm	805031	Nền Móng	3	A03	1	2	3														603C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Phán	805031	Nền Móng	3	A04				4	5	6											401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Thao	805031	Nền Móng	3	AU1							7	8	9								301B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Hải	805031	Nền Móng	3	A06										0	1	2					213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Tâm	805032	Cơ học đất	3	A01										0	1	2					302C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
8	Anh	805016	Thí nghiệm cơ học đất	3	B01				4	5	6											PTNDIA		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	
8	Anh	805029	ĐAMH nền móng	3	B04							7	8	9								PDAMH		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	
		805029	ĐAMH nền móng	0	TNXD																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		800701	Thực tập công nhân	6	P01	1	2	3	4	5	6											TTNT25	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		800701	Thực tập công nhân	6	P01							7	8	9	0	1	2					TTNT25	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD	1	2	3	4	5	6											TTNT23	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD							7	8	9	0	1	2					TTNT23	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3	ý	800003	Thông gió	3	A01	1	2	3														GDB2A	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3		800701	Thực tập công nhân	6	P01	1	2	3	4	5	6											TTNT25	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3		800701	Thực tập công nhân	6	P01							7	8	9	0	1	2					TTNT26	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD	1	2	3	4	5	6											TTNT24	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
3		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD							7	8	9	0	1	2					TTNT23	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4		800701	Thực tập công nhân	6	P01	1	2	3	4	5	6											TTNT25	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4		800701	Thực tập công nhân	6	P01							7	8	9	0	1	2					TTNT25	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD	1	2	3	4	5	6											TTNT23	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
4		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD							7	8	9	0	1	2					TTNT23	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		800701	Thực tập công nhân	6	P01	1	2	3	4	5	6											TTNT31	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		800701	Thực tập công nhân	6	P01							7	8	9	0	1	2					TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD	1	2	3	4	5	6											TTNT25	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
5		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD							7	8	9	0	1	2					TTNT26	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6		800701	Thực tập công nhân	6	P01	1	2	3	4	5	6											TTNT26	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							

6		800701	Thực tập công nhân	6	P01							7	8	9	0	1	2					TTNT23	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD	1	2	3	4	5	6											TTNT24	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		804302	Thực tập tốt nghiệp	6	TNXD							7	8	9	0	1	2					TTNT26	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		800700	Luận văn tốt nghiệp	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		800707	ĐA nghiên cứu KH & P/T	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		800751	Thực tập công nhân	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		800752	Thực tập cán bộ kỹ thuật	0	P01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		804302	Thực tập tốt nghiệp	0	B02																			2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
9		804303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																											
9		804303	Luận văn tốt nghiệp	0	B02																			2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
9		804303	Luận văn tốt nghiệp	0	TNXD																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
9		CI2057	Thực tập kỹ thuật (DDCN)	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2057	Thực tập kỹ thuật (DDCN)	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2057	Thực tập kỹ thuật (DDCN)	0	L02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2057	Thực tập kỹ thuật (DDCN)	0	L03																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2057	Thực tập kỹ thuật (DDCN)	0	L04																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2057	Thực tập kỹ thuật (DDCN)	0	L05																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Huyền	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	3	A01	1	2	3														P1A5		2				6		8		0		2		4		6									
2	Huyền	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	3	A02				4	5	6											P1A5		2				6		8		0		2		4		6									
2	Lâm	806010	Vẽ kỹ thuật	4	C02	1	2	3	4													301B10								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Hương	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L14	1	2	3														302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Hương	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L18				4	5	6											302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Vân	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L16							7	8	9								202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Vân	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L23										0	1	2					202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Khiêm	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L09	1	2	3														310H1														4		6		8		0		2		
2	Khiêm	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L12	1	2	3														310H1													3		5		7		9		1			
2	Khiêm	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L10				4	5	6											310H1														4		6		8		0		2		
2	Khiêm	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L15				4	5	6											310H1													3		5		7		9		1			
2	Tuyền	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L13							7	8	9								310H1														4		6		8		0		2		
2	Yến	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L17							7	8	9								310H1													3		5		7		9		1			
2	Tuyền	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L11										0	1	2					310H1														4		6		8		0		2		
2	Hiền	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	A18	1	2	3	4													310B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Vân	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L04	1	2	3	4													403H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
2	Yến	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L10	1	2	3	4													303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Tuyền	806702	Vẽ kỹ thuật	3	P02	1	2	3														601C6								8	9	0														
3		806702	Vẽ kỹ thuật	3	P02	1	2	3														303B10											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Hoan	806702	Vẽ kỹ thuật	3	P03				4	5	6											503C6								8	9	0														
3		806702	Vẽ kỹ thuật	3	P03				4	5	6											303B10											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Phát	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L06	1	2	3														203H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Nhân	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L08				4	5	6											203H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Nhân	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L05							7	8	9								303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		
3	Nhân	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L04										0	1	2					303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2		

3	Huyền	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L13			3	4	5	6											102H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Vân	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L14			3	4	5	6											104H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Yến	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	A17							7	8	9	0							303B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Huyền	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L15									9	0	1	2					102H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Vân	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L16									9	0	1	2					203H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Hương	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L03	1	2	3														310H1													3		5		7		9		1				
3	Hương	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L04	1	2	3														310H1														4		6		8		0		2			
3	Hương	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L15				4	5	6											310H1													3		5		7		9		1				
3	Hương	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L16				4	5	6											310H1														4		6		8		0		2			
3	Phát	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L11							7	8	9								310H1													3		5		7		9		1				
3	Phát	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L12							7	8	9								310H1														4		6		8		0		2			
3	Phát	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L13										0	1	2					310H1													3		5		7		9		1				
3	Phát	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L14										0	1	2					310H1														4		6		8		0		2			
4	Tuyền	806003	Vẽ kỹ thuật 2A	3	A01				4	5	6											302B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hoan	806003	Vẽ kỹ thuật 2A	3	A02				4	5	6											401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuyền	806010	Vẽ kỹ thuật	2	A01	1	2															604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lâm	806010	Vẽ kỹ thuật	4	C01	1	2	3	4													301B4								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Yến	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L17				4	5	6											301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Huyền	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L24				4	5	6											103H1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Khiêm	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L12							7	8	9								302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Khiêm	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L15										0	1	2					302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Nhân	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L01	1	2	3														310H1														4		6		8		0		2			
4	Nhân	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L08	1	2	3														310H1													3		5		7		9		1				
4	Vân	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L23	1	2	3														311H1													3		5		7		9		1				
4	Nhân	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L02				4	5	6											310H1														4		6		8		0		2			
4	Phát	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L06				4	5	6											310H1													3		5		7		9		1				
4	Vân	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L16				4	5	6											311H1													3		5		7		9		1				
4	Yến	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L03							7	8	9								310H1														4		6		8		0		2			
4	Nhân	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L04							7	8	9								310H1													3		5		7		9		1				
4	Hương	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L14							7	8	9								311H1													3		5		7		9		1				
4	Nhân	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L05										0	1	2					310H1													3		5		7		9		1				
4	Yến	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L07										0	1	2					310H1														4		6		8		0		2			
4	Hương	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L18										0	1	2					311H1													3		5		7		9		1				
4	Huyền	CI1019	Vẽ bóng & phối cảnh	3	L01	1	2	3														301H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hiền	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L05	1	2	3	4													302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hương	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L06	1	2	3	4													202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Hiền	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L11							7	8	9	0							403H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Phát	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L12							7	8	9	0							102H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Phát	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	A18				4	5	6											104C6														4		6		8		0		2			
4	Huyền	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	A17										0	1	2					104C6														4		6		8		0		2			
5	Huyền	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	3	A02	1	2	3														202B6	1		3				7		9		1		3		5		7								
5	Huyền	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	3	A01				4	5	6											501C4	1		3				7		9		1		3		5		7								
5	Hoan	806010	Vẽ kỹ thuật	4	C04	1	2	3	4													307B1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Lâm	806010	Vẽ kỹ thuật	4	C03			3	4	5	6											301B10								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			

5	Khiêm	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L10	1	2	3															305H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Khiêm	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L09				4	5	6												305H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Tuyền	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L11							7	8	9									202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Phát	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L19							7	8	9									203H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Tuyền	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L13										0	1	2						202H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Phát	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L22										0	1	2						203H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hoan	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L20							7	8	9									311H1													3		5		7		9		1				
5	Hoan	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L21										0	1	2						311H1													3		5		7		9		1				
5	Vân	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L07	1	2	3	4														308H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Phát	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L08	1	2	3	4														306H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Hương	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L02							7	8	9	0								306H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Yến	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L03							7	8	9	0								308H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Yến	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L01	1	2	3															310H1														4		6		8		0		2			
5	Yến	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L02	1	2	3															310H1													3		5		7		9		1				
5	Yến	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L05				4	5	6												310H1													3		5		7		9		1				
5	Yến	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L06				4	5	6												310H1														4		6		8		0		2			
5	Vân	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L07							7	8	9									310H1													3		5		7		9		1				
5	Vân	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L08							7	8	9									310H1														4		6		8		0		2			
5	Vân	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L09										0	1	2						310H1													3		5		7		9		1				
5	Vân	CI1034	Vẽ kỹ thuật xây dựng(bt)	3	L10										0	1	2						310H1														4		6		8		0		2			
6	Hương	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	3	B01														4	5	6		204B8		2				6		8		0		2		4		6		8							
6	Hương	806004	Vẽ kỹ thuật 2B	3	B01														4	5	6		P2A5			3				7		9		1		3		5		7							
6	Tuyền	806010	Vẽ kỹ thuật	2	A01	1	2																301B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
6	Tuyền	806702	Vẽ kỹ thuật	3	P05				4	5	6												307B1								8	9	0															
6		806702	Vẽ kỹ thuật	3	P05				4	5	6												303B10											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hiền	806702	Vẽ kỹ thuật	3	P01							7	8	9									602C6								8	9	0															
6		806702	Vẽ kỹ thuật	3	P01							7	8	9									303B10											1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nhân	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L02	1	2	3															103H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hoan	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L20	1	2	3															309H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Nhân	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L01				4	5	6												103H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hoan	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L21				4	5	6												102H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Yến	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L07							7	8	9									303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Yến	CI1003	Vẽ kỹ thuật	3	L03										0	1	2						303H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Lâm	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L19	1	2	3															311H1													3		5		7		9		1				
6	Huyền	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L25	1	2	3															313H1									9		1		3		5		7							
6	Lâm	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L22				4	5	6												311H1													3		5		7		9		1				
6	Huyền	CI1004	Vẽ kỹ thuật	3	L24				4	5	6												313H1									9		1		3		5		7							
6	Hiền	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L01	1	2	3	4														305H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Hương	CI1033	Vẽ kỹ thuật xây dựng	4	L09	1	2	3	4														403H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
2		807012	Kinh tế xây dựng	3	A06	1	2	3															403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Luân	807013	Tổ chức thi công	3	A01				4	5	6												604C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Thư	807015	Tin học trong quản lý xd	3	A01				4	5	6												GDB2B	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Hiền	807016	MXD & an toàn lao động	3	A06				4	5	6												403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							
2	Lan	807017	Kỹ thuật thi công	4	A03			3	4	5	6												213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7							

2	Tín	807017	Kỹ thuật thi công	4	TNXD							7	8	9	0							203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		807018	Quản lý dự án xây dựng	3	A01	1	2	3														401C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Luân	807705	ĐA tổ chức thi công	3	P01										0	1	2					207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		807012	Kinh tế xây dựng	3	A03	1	2	3														GDB2B	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		807012	Kinh tế xây dựng	3	A01				4	5	6											306B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Long	807012	Kinh tế xây dựng	3	A04							7	8	9								304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hiền	807016	MXD & an toàn lao động	3	A01	1	2	3														306B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hiền	807016	MXD & an toàn lao động	3	A05				4	5	6											310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tín	807017	Kỹ thuật thi công	3	B04													4	5	6		203B8		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
3	Luân	807702	Kt & Tổ Chức Thi Công	2	P01			3	4													501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Long	807001	Luật Xd&quản Lý Dự án Xd	3	L01				4	5	6											112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Long	807012	Kinh tế xây dựng	3	TNX1	1	2	3														203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Long	807012	Kinh tế xây dựng	3	TNX2				4	5	6											203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lan	807017	Kỹ thuật thi công	4	A02			3	4	5	6											304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Luân	807702	Kt & Tổ Chức Thi Công	2	P01	1	2															501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		807012	Kinh tế xây dựng	3	A05	1	2	3														GDB2B	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hiền	807016	MXD & an toàn lao động	3	A02	1	2	3														306B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hiền	807016	MXD & an toàn lao động	3	A04				4	5	6											202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tín	807017	Kỹ thuật thi công	4	A01	1	2	3	4													403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		807012	Kinh tế xây dựng	3	A02	1	2	3														306B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thư	807015	Tin học trong quản lý xd	3	A02				4	5	6											202B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiền	807016	MXD & an toàn lao động	3	A03				4	5	6											502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
	Long	804042	ĐAMH thi công	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Long	804042	ĐAMH thi công	0	A02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Thư	804042	ĐAMH thi công	0	A03																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Thư	804042	ĐAMH thi công	0	A04																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Luân	804042	ĐAMH thi công	0	A05																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		804042	ĐAMH thi công	0	A06																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Tín	804042	ĐAMH thi công	0	A07																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		804042	ĐAMH thi công	0	A08																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Tín	804042	ĐAMH thi công	0	A09																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Lan	804042	ĐAMH thi công	0	A10																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Long	804042	ĐAMH thi công	0	B11																			2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
9	Lan	804042	ĐAMH thi công	0	TNX1																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9	Long	804042	ĐAMH thi công	0	TNX2																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Giang	808079	Kỹ thuật xử lý nước	3	A01										0	1	2					304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Dũng	808104	Công trình thu &trạm bơm	3	A01							7	8	9								304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trọng	808106	ĐAMH thi công thủy lợi	3	A02							7	8	9								PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT29	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Sơn	808007	Kỹ thuật tưới tiêu	3	A01										0	1	2					403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Trưởng	808008	Tin học ứng dụng	3	A01							7	8	9								403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

3	Quang	808015	Thủy Văn	3	A01	1	2	3														303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT31	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT31	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Sơn	808701	Thủy Văn Đại Cương	2	P01					5	6											207B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Dũng	CI2041	Quyhoạch &q/lý hạtầng kt	4	L01							7	8	9	0							305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thống	808004	Thủy điện	2	A01		2	3														305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Đức	808005	TN Thủy Lực & Ctt	3	A01							7	8	9								PTNTNN	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trường	808005	TN Thủy Lực & Ctt	3	A02										0	1	2					PTNTNN	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lộc	808032	Cấp thoát nước	3	A01										0	1	2					502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trường	808070	ĐAMH thủy Công	3	A02							7	8	9								PDAMHA	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT31	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Đức	808002	Thủy công 1	3	A01				4	5	6											213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thống	808004	Thủy điện	2	A01		2	3														213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dũng	808104	Công trình thu &trạm bơm	3	A02										0	1	2					215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Dũng	808106	ĐAMH thi công thủy lợi	3	A01										0	1	2					PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTN02	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTN01	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTN06	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTN05	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đức	808070	ĐAMH thủy Công	3	A01										0	1	2					PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trường	808071	ĐAMH thủy điện	3	A01										0	1	2					PDAMHD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hưng	808076	ĐAMH cấp thoát nước	3	A01	1	2	3														PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hiền	808078	Công trình cấp thoátnước	3	A01							7	8	9								304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Hồng	808078	Công trình cấp thoátnước	3	A02							7	8	9								213B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		808302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		808308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT29	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		808303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
9		808306	Thực tập nhận thức ngành	0	A01																																										
9		CI2063	Thực tập kỹ thuật (TLTD)	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		CI2065	Thực tập kỹ thuật (CTN)	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hương	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A04	1	2	3														PDAMH9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Bằng	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A05				4	5	6											PDAMH7	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Trà	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A08							7	8	9								PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Mai	813017	ĐA cấu tạo kiến trúc 1	5	L01							7	8	9	0	1						502H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thắng	813048	Chuyên đề tự chọn 1	3	L01				4	5	6											506H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Đồng	813049	Triết học phương đông	3	L01	1	2	3														310H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thân	CI1015	Thiết kế cơsở kiếntrúc 2	5	L01	1	2	3	4	5												501H2								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

2	Thắng	CI1015	Thiết kế cơsở kiếntrúc 2	5	L02							7	8	9	0	1						501H2							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	ý	CI2077	Kiến trúc sinh khí hậu	4	L01							7	8	9	0							112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Mai	804027	Kiến trúc 1	2	A01							7	8									502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thư	804028	Kiến trúc 2	3	A01							7	8	9								402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Na	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A09	1	2	3														PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thư	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A02				4	5	6											PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Mai	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A12										0	1	2					PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thắng	813019	ĐA kiến trúc công cộng 1	4	L01							7	8	9	0							502H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hưng	813026	Thiết kế nội thất	3	L01										0	1	2					310H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thắng	CI1029	Bốcục tạohình kiếntrúc 1	5	L01	1	2	3	4	5												303H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Danh	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A01	1	2	3														PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Danh	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A13				4	5	6											PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thân	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A03							7	8	9								PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trà	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A11										0	1	2					PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thân	813006	ĐAMH cơ sở kiến trúc 3	3	L01	1	2	3														PDAMH7			3					8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hưng	813023	ĐA thiết kế nhanh 3	5	L01							7	8	9	0	1						502H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Na	813031	M/trường&k/trúc bền vững	3	L01				4	5	6											405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thắng	813035	Kiến trúc cảnh quan	3	L01	1	2	3														405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Mai	813037	ĐA kiến trúc nhà ở	5	L01	1	2	3	4	5												502H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trung	813701	N/C đồ thị và thực hành	4	P01							7	8	9	0							503C5	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
4	Mai	CI1017	Kỹ thuật kiến trúc 1	4	L01							7	8	9	0							203H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
4	Danh	CI2069	Thiếtkế k/trúc côngcộng3	5	L01							7	8	9	0	1						501H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Dũng	CI2073	Cơ điện công trình	4	L01	1	2	3	4													310H6			3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5									
4	Hảo	CI2073	Cơ điện công trình	4	L01	1	2	3	4													305H2	1	2														6	7								
5	Mai	804027	Kiến trúc 1	2	A01									9	0							305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vinh	804031	Qui hoạch đô thị	3	A01							7	8	9								304B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hưng	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A07	1	2	3														PDAMH9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hưng	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A06										0	1	2					PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hưng	813011	ĐA thiết kế nhanh 1	3	L01	1	2	3														502H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Bằng	813024	ĐA kiến trúc công cộng 2	5	L01							7	8	9	0	1						502H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuấn	813030	Kỹ Thuật Hạ Tầng Đô Thị	3	L01				4	5	6											212H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vinh	813050	Chuyên đề tự chọn 2	3	L01	1	2	3														506H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Bằng	CI1021	Nguyên lý thiết kế KTDD	4	L01	1	2	3	4													403H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
5	Thắng	CI2075	Chuyên đề 1	4	L01							7	8	9	0							402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phát	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A10	1	2	3														PDAMH1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Phát	804038	ĐAMH kiến trúc	3	A14				4	5	6											PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Trà	813005	ĐA cơ sở kiến trúc 2	3	L01							7	8	9								506H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Bằng	813029	ĐA kiến trúc côngcộng3	5	L01							7	8	9	0	1						502H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thư	813034	ĐAMH kiến trúc c/nghiệp	5	L01	1	2	3	4	5												503H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thân	813038	ĐA quy hoạch đô thị	5	L01							7	8	9	0	1						503H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		813038	ĐA quy hoạch đô thị	5	L02							7	8	9	0	1						503H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		813038	ĐA quy hoạch đô thị	5	L03							7	8	9	0	1						503H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		813038	ĐA quy hoạch đô thị	5	L04							7	8	9	0	1						503H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Na	813706	Kiến Trúc (VP)	3	P01	1	2	3														502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

6		CI1023	Nghệ thuật tạo hình	5	L01	1	2	3	4	5												304H1							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Bằng	CI1031	Thiết kế nhanh 1	5	L01							7	8	9	0	1						501H2							8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
6	Thư	CI2071	Kỹ thuật kiến trúc 2	4	L01							7	8	9	0							110H6	1	2	3			6	7	8	9	0															
6	Hương	CI2071	Kỹ thuật kiến trúc 2	4	L01							7	8	9	0							110H6										1	2	3	4												
8	Trà	804027	Kiến trúc 1	3	B02	1	2	3														310B1		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
8	Mai	804038	ĐAMH kiến trúc	3	B15	1	2	3														PDAMH		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
8		804038	ĐAMH kiến trúc	3	B16										0	1	2					PDAMH9		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
	Trung	813039	Thực tập kỹ thuật	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		813302	Thực tập tốt nghiệp	0	L01																																												
9		813303	Luận văn tốt nghiệp	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuấn	809015	Sức bền vật liệu 2	3	B01													4	5	6		215B1																		9	0	1	2	3			
2	Vui	809016	Cơ kết cấu 1	3	A01							7	8	9								502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Quốc	809016	Cơ kết cấu 1	3	B01													4	5	6		202B6		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8							
2	Thành	809703	Sức bền vật liệu	2	P01									9	0							501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Khoa	CI2029	Cơ học kết cấu	4	L02	1	2	3	4													302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Khoa	CI2029	Cơ học kết cấu	4	L03							7	8	9	0							202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuấn	809015	Sức bền vật liệu 2	3	A01				4	5	6											203B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hải	809028	Đàn hồi ứng dụng & pthh	4	A01	1	2	3	4													202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Quốc	CI2029	Cơ học kết cấu	4	TNX2	1	2	3	4													203B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tuấn	CI2029	Cơ học kết cấu	4	L01							7	8	9	0							110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Vui	CI2079	Cơ học kết cấu	4	L01							7	8	9	0							405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thanh	809001	Sức bền vật liệu 2C	3	A01							7	8	9								502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuấn	809015	Sức bền vật liệu 2	3	B01													4	5	6		215B1																		9	0	1	2	3			
4	Hoàng	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	3	A01							7	8	9								PTNSB2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thành	809703	Sức bền vật liệu	2	P01											1	2					501C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thành	809706	PP phân tích k/c(t/Pháp)	2	P01							7	8									503C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Vui	CI2029	Cơ học kết cấu	4	L05							7	8	9	0							208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuấn	809026	Sức bền vật liệu 1	3	A01				4	5	6											314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thành	809706	PP phân tích k/c(t/Pháp)	3	P01				4	5	6											305B4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thanh	CI2001	Sức bền vật liệu	4	L02	1	2	3	4													306H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thanh	CI2001	Sức bền vật liệu	4	L01							7	8	9	0							213H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Ân	CI2029	Cơ học kết cấu	4	L04	1	2	3	4													305H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Ân	CI2029	Cơ học kết cấu	4	L07							7	8	9	0							205H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Tuấn	809015	Sức bền vật liệu 2	3	B01													4	5	6		215B1																		9	0	1	2	3			
6	Ân	809020	Cơ kết cấu 2	3	A01							7	8	9								403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Quốc	809709	Mô hình hóa kết cấu nhà	3	P01				4	5	6											502C6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thành	CI2029	Cơ học kết cấu	4	AU1			3	4	5	6											301B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Ân	CI2029	Cơ học kết cấu	4	TNX1			3	4	5	6											202B2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lâm	CI2029	Cơ học kết cấu	4	L06							7	8	9	0							112H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
8	Thanh	809022	TNghiệm sức bền vật liệu	3	B01							7	8	9								PTNSB2		2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3		
2	Lâu	810017	Tin học trong trắc địa	4	A01	1	2	3	4													202B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lâu	810017	Tin học trong trắc địa	2	A02							7	8									303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lực	810025	ĐAMH xd lưới trắc địa	3	A01	1	2	3														304B8							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Lộc	810032	Trắc địa ứng dụng	3	A01							7	8	9								310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

2	Khánh	810033	Phép chiếu bản đồ	3	A01									0	1	2					310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Vũ	810103	Thực tập viễn thám	3	A01						7	8	9								106C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6										TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01						7	8	9	0	1	2					TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Bình	CI1007	Trắc địa đại cương	3	L01						7	8	9								203H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Bằng	CI1008	Trắc địa đại cương (tt)	5	L01	1	2	3	4	5											TTTR3L												2	3	4	5	6	7								
2	Vũ	CI1008	Trắc địa đại cương (tt)	5	L02	1	2	3	4	5											TTTR2L												2	3	4	5	6	7								
2	Vũ	CI1008	Trắc địa đại cương (tt)	5	L03	1	2	3	4	5											TTTR4L												2	3	4	5	6	7								
2	Tâm	CI2033	Thiếtbị & antoàn laođộng	3	L01						7	8	9								110H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lâu	810017	Tin học trong trắc địa	2	A02						7	8									303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Ngân	810018	Sử dụng đất	3	A02				4	5	6										303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Ngân	810018	Sử dụng đất	3	A01									0	1	2					303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Khánh	810019	Bản đồ chuyên đề	3	A01	1	2	3													304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Tâm	810024	TT x/dựng lưới trắc địa	3	A01	1	2	3													PTTTRD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lực	810026	Trắc lượng ảnh nâng cao	4	A01						7	8	9	0							310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Ngân	810125	Quản lý đất đai	3	A01						7	8	9								204B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Lâu	810137	Trắc địa cao cấp 1	4	A02								9	0	1	2					303C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6										TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01						7	8	9	0	1	2					TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Bình	CI1035	Lập trình ứd trong trđịa	4	L02			3	4	5	6										302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Bình	CI1035	Lập trình ứd trong trđịa	4	L01						7	8	9	0							302H1								8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2			
3	Sơn	CI2043	Đo vẽ địa hình	4	L01						7	8	9	0							402H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lực	810020	Trắc địa đại cương	3	A01									0	1	2					314B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lộc	810104	Trắc địa công trình	4	A01	1	2	3	4												215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lâu	810108	Ttập định vị vệ tinh gps	3	A01	1	2	3													106C5							7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Ngân	810125	Quản lý đất đai	3	A02						7	8	9								304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6										TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01						7	8	9	0	1	2					TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Lâu	CI2035	Tin học trong trắc địa	4	L01						7	8	9	0							405H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chơn	810030	Thủy đạc	3	A01						7	8	9								304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Ngân	810034	Tài nguyên đất& M/trường	3	A01				4	5	6										315B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vũ	810102	Viễn thám	4	A01	1	2	3	4												303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vũ	810103	Thực tập viễn thám	3	A02									0	1	2					106C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chỉnh	810116	Địa mạo	3	A01									0	1	2					303B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Ngân	810117	Thổ nhưỡng	3	A01						7	8	9								215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vũ	810126	TT trắc địa công trình	3	A01						7	8	9								PTTTRD	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6										TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01						7	8	9	0	1	2					TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lâu	810013	Định vị vệ tinh GPS	3	A01	1	2	3													310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Chơn	810023	Xây dựng lưới trắc địa	4	A01						7	8	9	0							310B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Lực	810029	Đo vẽ địa chính	3	A01	1	2	3													304B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Đức	810031	Thống kê không gian	3	A01						7	8	9								303B6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Vũ	810115	Tt trắc địa đại cương	5	A01	1	2	3	4	5											TTTR2L								8	9	0	1	2	3												
6	Bằng	810115	Tt trắc địa đại cương	5	A02	1	2	3	4	5											TTTR3L								8	9	0	1	2	3												

6	Lâu	810137	Trắc địa cao cấp 1	4	A01	1	2	3	4													215B1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Khánh	CI2031	Vẽ bản đồ	4	L01							7	8	9	0							305H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
7		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
7		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
8		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
8		810302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
		810021	Thực tập kỹ thuật	0	A01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		810021	Thực tập kỹ thuật	0	A02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
9		810303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																									
9		CI2059	Thực tập kỹ thuật (DIC)	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Miền	812012	Chống xâm thực bê tông	3	A01										0	1	2					403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hạnh	812012	Chống xâm thực bê tông	3	A02										0	1	2					303B8	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
2	Vinh	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A11	1	2	3														PTNVLX	1	2	3			6	7																		
2	Vinh	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A06										0	1	2					PTNVLX	1	2	3			6	7																		
2	Vinh	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A25										0	1	2					PTNVLX								8	9	0	1	2											
2	Trúc	812031	TN cngành vật liệu xdựng	3	A02				4	5	6											PTNVLX	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Trúc	812031	TN cngành vật liệu xdựng	3	A01							7	8	9								PTNVLX	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
2	Tuấn	812036	ĐAMH ktsx gốm xây dựng	3	A01	1	2	3														PDAMH5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Tuấn	812036	ĐAMH ktsx gốm xây dựng	3	A04				4	5	6											PDAMHA	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hạnh	812037	ĐAMH ktsx chất kết dính	3	A03	1	2	3														PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Hạnh	812037	ĐAMH ktsx chất kết dính	3	A04							7	8	9								PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT31	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Thắng	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	L06	1	2	3	4													109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
2	Mai	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	L01							7	8	9	0							109H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Mai	812009	Công nghệ gốm xây dựng	3	A02	1	2	3														502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Hoàng	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A05	1	2	3														PTNVLX	1	2	3			6	7																		
3	Hoàng	812021	TN vật liệu xây dựng	3	TNX1	1	2	3														PTNVLX								8	9	0	1	2											
3	Hoàng	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A04				4	5	6											PTNVLX	1	2	3			6	7																		
3	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A19				4	5	6											PTNVLX								8	9	0	1	2											
3	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A09							7	8	9								PTNVLX	1	2	3			6	7																		
3	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A18							7	8	9								PTNVLX								8	9	0	1	2											
3	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A08										0	1	2					PTNVLX	1	2	3			6	7																		
3	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A24										0	1	2					PTNVLX								8	9	0	1	2											
3	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	B28													4	5	6		PTNVLX		2	3			6	7	8																	
3	Thắng	812036	ĐAMH ktsx gốm xây dựng	3	A02	1	2	3														PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT32	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT32	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								

3	Vinh	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	L02	1	2	3	4													302H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
3	Thành	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	L07							7	8	9	0							202H2	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Tuấn	812002	Vật liệu học	3	A01										0	1	2					301B10	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Trúc	812020	Vật liệu xây dựng	3	A01	1	2	3														402C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Mai	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A02				4	5	6											PTNVLX	1	2	3			6	7																			
4	Mai	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A22				4	5	6											PTNVLX								8	9	0	1	2													
4	Mai	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A03							7	8	9								PTNVLX	1	2	3			6	7																			
4	Mai	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A27							7	8	9								PTNVLX								8	9	0	1	2													
4	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A13										0	1	2					PTNVLX	1	2	3			6	7																			
4	Miền	812021	TN vật liệu xây dựng	3	TNX3										0	1	2					PTNVLX								8	9	0	1	2													
4	Thành	812031	TN cngành vật liệu xdựng	3	A03	1	2	3														PTNVLX	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
4	Thành	812033	ĐAMH máy&thiết bị sxvlxd	3	A04										0	1	2					PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Hoàng	812039	VL cnhiệt- vl hoàn thiện	3	A01										0	1	2					403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Chánh	812039	VL cnhiệt- vl hoàn thiện	3	A02										0	1	2					403C5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5										
4	Chánh	812040	CN bt silicat & bt rỗng	3	A01	1	2	3														403C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT32	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
4	Thụy	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	L04							7	8	9	0							211H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Tuấn	812002	Vật liệu học	3	A02	1	2	3														501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thành	812005	Máy & thiết bị sx vlxd	3	A01	1	2	3														404C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thành	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A01				4	5	6											PTNVLX	1	2	3			6	7																			
5	Miền	812021	TN vật liệu xây dựng	3	TNX4				4	5	6											PTNVLX								8	9	0	1	2													
5	Thành	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A15							7	8	9								PTNVLX	1	2	3			6	7																			
5	Miền	812021	TN vật liệu xây dựng	3	TNX2							7	8	9								PTNVLX								8	9	0	1	2													
5	Thành	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A12										0	1	2					PTNVLX	1	2	3			6	7																			
5	Thành	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A26										0	1	2					PTNVLX								8	9	0	1	2													
5	Trúc	812031	TN cngành vật liệu xdựng	3	A04	1	2	3														PTNVLX	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2													
5	Vinh	812033	ĐAMH máy&thiết bị sxvlxd	3	A02				4	5	6											PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Vinh	812033	ĐAMH máy&thiết bị sxvlxd	3	A01										0	1	2					PDAMHB	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Thành	812037	ĐAMH ktsx chất kết dính	3	A02	1	2	3														PDAMH6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT1	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTN06	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Hạnh	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	L05							7	8	9	0							208H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
5	Chánh	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	TNX1							7	8	9	0							202B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Vinh	812005	Máy & thiết bị sx vlxd	3	A02				4	5	6											501C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Thắng	812009	Công nghệ gốm xây dựng	3	A01							7	8	9								401C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7								
6	Vinh	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A10	1	2	3														PTNVLX	1	2	3			6	7																			
6	Hoàng	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A21	1	2	3														PTNVLX								8	9	0	1	2													
6	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A07				4	5	6											PTNVLX	1	2	3			6	7																			
6	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A23				4	5	6											PTNVLX								8	9	0	1	2													

6	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A16							7	8	9								PTNVLX							8	9	0	1	2													
6	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A17							7	8	9								PTNVLX	1	2	3			6	7																
6	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A14										0	1	2					PTNVLX	1	2	3			6	7																
6	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	A20										0	1	2					PTNVLX							8	9	0	1	2												
6	Thành	812033	ĐAMH máy&thiết bị sxvlxd	3	A03	1	2	3														PDAMH9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Thắng	812036	ĐAMH ktsx gốm xây dựng	3	A03	1	2	3														PDAMH4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Hạnh	812037	ĐAMH ktsx chất kết dính	3	A01	1	2	3														PDAMH3	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Hoàng	812040	CN bt silicat & bt rỗng	3	A02							7	8	9								502C4	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6		812302	Thực tập tốt nghiệp	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTTNC5	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01	1	2	3	4	5	6											TTNT31	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6		812308	Thực tập kỹ thuật	6	A01							7	8	9	0	1	2					TTNT30	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Miền	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	TNX2	1	2	3	4													204B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Trúc	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	L03							7	8	9	0							205H6	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
6	Hạnh	CI2037	Vật liệu xây dựng	4	AU1									9	0	1	2					202B9	1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
8	Hạnh	812021	TN vật liệu xây dựng	3	AU1				4	5	6											PTNVLX	1	2	3			6	7																
8	Châu	812021	TN vật liệu xây dựng	3	B29										0	1	2					PTNVLX		2	3			6	7	8															
		812303	Luận văn tốt nghiệp	0	A01																																										
9	Miền	812306	Thực tập nhận thức ngành	0	A01																																										
9	Châu	CI2067	Thực tập kỹ thuật (VLXD)	0	L01																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						
9	Châu	CI2067	Thực tập kỹ thuật (VLXD)	0	L02																		1	2	3			6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7						